

Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Edmonton

CHÙA PHẬT QUANG

3104 - 48 Street, Edmonton, Alberta T6L 5Z3

Phone : (780) 461-7931 - Website : www.phatquangedmonton.com



HÒA SEN

Xuân Kỷ Hợi 2019

Mừng Xuân Di Lặc

Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Edmonton - Chùa Phật Quang

Kính Chúc :

- Chư Tôn Giáo Phẩm
- Hòa Thượng
- Thượng Tọa
- Đại Đức
- Tăng Ni

Pháp Thể Khang An,
Chúng Sanh Di Độ
Hạnh Nguyên Viên Thành

Đồng Kính Chúc :

- Các Tổng Giáo Hội Phật Giáo
- Các Hội Tôn Giáo Bạn
- Các Hội đoàn, Đoàn Thể
- Quý Đồng Hương, Phật Tử

Một Năm Mới An Lành,
Vạn Sự Thành Đạt Như Ý



Xuân Kỷ Hợi 2019
Chúc Mừng Năm Mới



Lá Thư Đầu Năm



Khi tôi đang viết bài này cũng là lúc Ba Lê, thủ đô ánh sáng của Pháp đang trong cảnh hỗn loạn vì những cuộc biểu tình của những người mặc “áo di lê vàng”. Những cảnh sát viên phải cố gắng giữ trật tự trong khi đoàn người biểu tình càng lúc càng hung hăng đốt phá. Khói cay và dùi cui dường như không đủ để làm đoàn biểu tình lùi bước. Điều gì đã làm cho họ nổi giận như vậy? Tôi ước gì cơn lửa sân

đang bùng cháy trong lòng những người dân Pháp được xoa dịu bởi cơn mưa nguồn Tịnh Thủy của Đức Quan Thế Âm để cho quốc thái dân an trở lại với kinh thành Ba Lê, nơi mà không ít người Việt chúng ta có thân nhân bạn bè cư ngụ.

Tôi còn nhớ những ngày mới đến chùa tìm tòi học đạo, được nghe Sư Cô Phúc Thịnh giảng về ba con rắn độc (Tham, Sân, Si) mà trên đường học Phật chúng ta đều phải cố gắng dứt bỏ, vì ba điều này chính là nguồn gốc của mọi sự khổ đau. Nhiều năm sau, cuộc sống đã bớt muộn phiền vì ít nhiều thì Phật pháp đã thấm vào người nên cũng bớt đi được phần nào ràng buộc của ba con độc xà đó. Mặc dù lúc nào chúng cũng quanh quẩn bên ta, trực chờ chúng ta lơ đãng là tấn công. Tự nhiên tôi chợt nhớ tới lời giảng hằng tuần của Thầy Trụ Trì mà mỉm cười, vì sau mỗi bài pháp thầy hay hỏi “Phật tử còn quạo hông?”. Cái câu hỏi thật đơn giản mà sao khó trả lời thế! Lửa sân trong chúng ta luôn âm ỉ nằm chờ thời cơ là bùng lên thiêu đốt tất cả công đức dành dụm trong bao năm tu học. Biết thì vẫn biết, nhưng vấp thì vẫn vấp. Tôi tự hỏi tại sao mình biết, và biết rất rõ rằng Tham Sân Si là căn nguyên của mọi buồn khổ nhọc nhằn, hận thù đấu đá. Vậy mà không ít người vẫn lao vào như những con thiêu thân trong ngọn lửa nóng.

Tình hình chính trị, kinh tế thế giới những ngày cuối năm 2018 như một nồi áp suất sau những tranh chấp, kèn cựa của cuộc chiến tranh thương mại giữa hai cường quốc Mỹ-Trung. Canada của chúng ta là một nước hoà bình, chỉ mong được yên ổn làm ăn mà cũng không được. Âu Châu lung lay với Brexit (Anh Quốc đòi ra khỏi Cộng Đồng Chung Âu Châu). Tổng Thống Macron của Pháp đang chống đỡ với những cuộc biểu tình hỗn loạn. Thủ Tướng Merkel của Đức tuyên bố sẽ không tái ứng cử. Trong khi đó, Tổng Thống Trump của Mỹ thì tiếp tục áp đặt thuế xuất nhập cảng làm giá cả đời sống trở nên đắt đỏ, công ăn việc làm khan hiếm, giá dầu hỏa của Alberta tụt xuống \$19/thùng vì không có đường ống dẫn dầu ra hải cảng. Thật không dễ lắng tâm khi vạn pháp quanh ta chỉ toàn những lo toan phiền muộn. Mong rằng mỗi Phật tử chúng ta luôn giữ tâm an định khi dòng đời đang sôi lên với những biến động.

Gác những nhieu nhương của cuộc sống qua một bên, mời bạn mở cửa vào vườn hoa vô ưu của Tờ Hoa Sen 2019 với những đổi mới từ hình thức cho đến nội dung. Năm nay chủ trương của chùa là mang Phật pháp đến gần với các thanh thiếu niên trẻ trong cộng đồng, để các cháu có thể tìm hiểu, học hỏi và chuẩn bị những bước nối tiếp trên đường tu học cho phù hợp với nền văn hóa Việt Nam tại hải ngoại. Kính xin quý Phật tử ủng hộ, giúp đỡ để các cháu có cơ hội học hỏi Phật pháp qua phụ bản Anh Việt “Búp Sen for Phật Quang Youth”. Ban Biên Tập mong nhận được những ý kiến xây dựng và phản hồi để có thể đáp ứng và hoàn thiện những phụ bản kế tiếp.

Xuân Kỷ Hợi đang dần về với chúng ta trên quê hương Canada yêu thương, tôi xin thay mặt toàn thể anh chị em trong Ban Biên Tập kính chúc quý tăng ni, quý Phật tử, cùng toàn thể quý đồng hương một năm mới An Khang Thịnh Vượng.

Quang Trí

Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Edmonton

CHÙA PHẬT QUANG

HOA SEN - Xuân Kỷ Hợi 2019

Điều hành Phật sự : Tỷ Kheo Thích Đăng Nhật,
Sư Cô Thích Nữ Phúc Thịnh, Sư Cô Thích Nữ Huệ Trí,
Sa Di Thích Nữ Thiên Huệ

Ban Trị Sự nhiệm kỳ 2018-2020

Ban Thường Vụ :
Hội Trưởng : Quang Trí - Hồ Công Thành
Phó HT Nội Vụ : Tuệ Quán - Hoàng Đình Quý
Phó HT Ngoại Vụ : Giác Minh - Nguyễn Ánh
Tổng Thư Ký : Tín Hương - Vương Trâm
Thủ Quỹ : Diệu Đức - Trương Chính

Ủy Viên :

Hộ Niệm : Diệu Hồng
Hoa Đăng : Tuệ Quán, Chánh Quang Trung
Trai Soạn : Diệu Ngọc, Hạnh Huyền,
Trang Trí : Tịnh Cảnh, Tịnh Phú, Quách Viễn
Thư Viện : Diệu Toàn
Xã Hội : Đăng Bác, Trương Hưng Quang
Báo Chí : Chánh Hiệp, Tạ Chung, Giác Minh, Quang Trí
Văn Nghệ : Vạn Phước Liên, Diệu Ngọc
Trùng Tu : Quang Lộc, Chánh Minh Thọ, Lê Hân

Kiểm Toán : Diệu Hoa, Giác Liên

Chủ Trương : Hội Phật Giáo VN tại Edmonton

Trình Bày, Đả Tự : Chánh Hiệp, Tạ Chung, Giác Minh

Bài Vở :

HT Thích Thanh Từ, Đức Đạt Lai Lạt Ma, HT Thích Thiện Tâm, Thích Thông Phương, Thích Tấn Tuệ, Phạm Quỳnh, Chánh Hiệp, Thị Giới, Minh Bảo, Trương Hưng Quang, Chánh Quang Trung, Quang Trí, Bs Đỗ Hồng Ngọc, Bs Hồ Ngọc Minh, Trần Văn Lương, Hoàng Phong, Phúc Quỳnh, Đào Văn Bình, John Vu, Van-Thien Dinh.



HPGVN tại Edmonton xin chân thành cảm tạ tất cả các đạo hữu đã đóng góp bài vở cho Đặc San Hoa Sen năm nay. Ngoài ra nhằm mục đích hoằng dương Đạo pháp, Hoa Sen có trích đăng một số bài trong Internet, có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý đạo hữu hoan hỷ miễn thứ cho.

Mục lục :

- Lá thư đầu năm	1
- Vì sao tu Thiền Định	3
- Muốn sớm thoát khổ, nên tu Tịnh Độ.	5
- Vào cổng nhà Thiền	7
- Những mối nghi thông thường về Tịnh Độ ..	17
- Không tâm là đạo, Hạt cải chứa Tu-Di	25
- Thấy Pháp	26
- Thiền trà, Tâm Xuân - thơ	35
- Ra khỏi hầm lửa	36
- Thiền sư Trí Nhàn tình ngộ	37
- Tâm sanh các Pháp sanh	38
- Dù chỉ một lần - thơ	43
- Thái độ phi thường của lòng Từ Bi	44
- Gạo vẫn là gạo, Bọ cạp và Thiền sư	47
- Bông hồng trắng - thơ	48
- Bời Mẹ là lẽ sống của đời con - thơ	48
- Hình ảnh sinh hoạt	49
- Một năm nhìn lại	53
- Niệm Phật thế nào mới hợp bản ý của Phật ..	55
- Mê và Ngộ	56
- Tu, Tri kiến, Là người hạnh phúc - thơ	57
- Nay bạn Tết đã đến	58
- Phật ở quán cà phê	59
- Tinh tu Chùa Phật Quang - thơ	62
- Tâm lý Ngày Tết	63
- Tình thương và Hạnh phúc	65
- Lắng nghe, Không tâm là đạo	68
- Một chút lan man Ngày Tết	69
- Cái nhìn ngã kiến	70
- Thiền tông xưa nay truyền trao	71
- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài	72
- Các Pháp duyên sinh không thật	73
- Phải trả lời ra sao, Ai trói buộc người	74
- Lời Của Trái Tim	75
- Cõi vô hình	76
- Ké ở người đi đều tại chữ Duyên	84
- Ai đang niệm Phật, Không nhiễm ô	85
- Hãy nói lời dịu ngọt	86
- Bồ thí Ba La Mật	88
- Đối tượng và phước đức của bồ thí	89
- Vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh	91
- Có rơi vào nhân quả hay không?	91
- Những huyền ký về Tịnh Độ	92
- Tu Tướng và Tu Tánh	93
- Chuyện chưa từng kể	94
- Vì sao người lương thiện cả đời gặp nỗi buồn	95
- Cao tuổi ăn gì?	97
- Danh sách Phật tử cúng dường	98

VÌ SAO TU THIỀN ĐỊNH

HT. Thích Thanh Từ

Phật dạy chúng ta tu thiền định cốt để buông xả các niệm tạp loạn, tâm lắng lẽ thanh tịnh. Theo kinh Nguyên thủy Phật dạy Bát chánh đạo, trong Bát chánh đạo từ Chánh kiến cho tới cuối cùng là Chánh định. Theo kinh Đại thừa Phật dạy Lục độ, thứ nhất là bố thí tới thứ năm là thiền định, thứ sáu là trí tuệ.

Chúng ta tu thiền định là tu thể nào? Nhiều vị không hiểu nói người mới tu thiền phải quán hơi thở tức là sổ tức. Sổ tức là đếm số, hít vô cùng đếm một, thở ra sạch đếm hai, đếm tới mười bốn, rồi đếm trở lại một. Cứ như vậy đếm hoài cả buổi có lợi ích gì đâu, mầu nhiệm gì đâu?

Chúng ta thử đặt lại vấn đề, tại sao đếm hơi thở? Vì muốn dùng tâm lắng xả. Hít vô nhớ mình hít vô tới đâu, thở ra nhớ mình thở ra tới đâu, rồi nhớ số nữa. Bất nhớ như thế để tâm quên chạy theo vọng tưởng. Dùng được tâm này là định nên nói thiền định. Thiền định là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là Tĩnh lự, nghĩa là lắng cái suy nghĩ lăng xăng, chớ không gì lạ.

Qua giai đoạn đếm hơi thở rồi đến giai đoạn theo hơi thở. Khi ta chú tâm đếm hơi thở, tâm không chạy bậy, lần lần thuần thực ta bỏ đếm, chỉ theo hơi thở thôi. Nghĩa là hít vô tới đâu biết, thở ra tới đâu biết. Theo dõi như người thiếu nợ trốn chủ, bất thần chủ nợ tìm gặp, nên theo sát lưng không bỏ. Tu cũng vậy, ban đầu đếm hơi thở, sau đó theo hơi thở thật khít khao để tâm không tán loạn. Đó là phương tiện buổi đầu của người tập tu thiền.

Kể đến chúng tôi hướng dẫn hành giả tu thiền, khi niệm đầy khởi lên biết nó là hư dối, bỏ. Bởi vì khởi nghĩ không thật, mà mê theo nó thì thành thật. Như giận người A, khi đầy niệm giận mình theo niệm đó phát nổi hung hăng, muốn chửi đánh người ta, thành ra tạo nghiệp. Nếu vừa nhớ tới A liền bỏ không nghĩ, thì đâu còn tức mà muốn đánh chửi người ta. Mạnh mẽ ban đầu vừa mọc mầm liền thấy, chỉ mặt nó thì nó dừng lại nhẹ nhàng.



Tọa thiền dùng trí thấy thẳng để dẹp vọng tưởng. Đó là thấy ngay lẽ thật, không mượn phương tiện. Thiền tông dạy trực chỉ nhân tâm tức chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật là nhận ra bản tánh của mình thì thành Phật. Chỉ thẳng tâm người là tâm lăng xăng, tâm điên đảo đó. Nó vừa dấy lên, chỉ mặt rầy thì nó lắng. Cho tới bao giờ tâm ấy hoàn toàn lắng hết thì tánh Phật hiện ra. Tánh Phật là Pháp thân. Người tu thiền đặt trí tuệ lên hàng đầu. Nhìn thẳng thấy rõ ràng, không để vọng tưởng lừa gạt. Nó rủ đi đâu là chặn liền, không cho nó dụ dỗ.

Phật tử bây giờ có bệnh, mình tu thích hợp với pháp này liền chê pháp của người khác, khen pháp của mình. Do đó tâm lăng xăng càng tăng trưởng chớ không giảm. Như vậy đâu phải tu. Tu là để giảm suy nghĩ lăng xăng, rồi bời, mà mình tu càng ngày càng tăng là không đúng rồi.

Cho nên thấy người tu niệm Phật, ta hoan hỷ nói “Chị tu niệm Phật tốt, ráng niệm cho nhất tâm”.

Thấy người tu trì chú, nói “Anh tu trì chú tốt, ráng trì cho tới tam mật”.

Thấy người tu thiền, nói “Anh tu thiền tốt, ráng ngồi thiền cho được định”.

Như vậy ai cũng tốt hết.

Người biết tu phải hiểu cho thấu đáo để không hờn phiền những người đồng đạo. Nếu không khéo sẽ dẫn tới tình trạng người này trách người kia, người kia phiền người nọ. Chính huynh đệ trong đạo chỉ trích nhau hoài, không hòa thuận nói gì tu hành. Bởi vậy tất cả chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Tại sao Phật dạy chúng ta phải dẹp cái nghĩ lăng xăng lộn xộn của mình? Những ý nghĩ quấy dẹp thì phải, nhưng ý nghĩ phải tại sao cũng dẹp? Nếu nghĩ xấu sai, ta sẽ nói làm theo nghiệp ác. Nếu nghĩ tốt dĩ nhiên ta nói làm theo nghiệp lành. Như vậy nghiệp lành, nghiệp ác từ ý nghĩ mà ra. Nghiệp ác thì đọa vào đường dữ, nghiệp lành thì sanh về cõi lành. Nhưng dù lành hay dữ cũng còn trong dòng trầm luân sanh tử, còn trở đi trở lại mãi trong ba cõi là còn khổ.

Tại sao nghiệp lành vẫn không giải thoát? Vì nghiệp lành thì sanh cõi lành, như được làm người sung sướng. Nhưng mấy chục năm hưởng hết phước rồi cũng chết. Hoặc sanh lên cõi Trời, ở cảnh cao sang muốn gì được nấy, nhưng hết phước cũng đọa xuống trở lại. Lên lên xuống xuống không có ngày cùng. Chỉ có ra khỏi dòng sanh tử mới được giải thoát, hết khổ đau.

Bây giờ nếu chúng ta tu tới nhất tâm, không còn nghĩ thiện nghĩ ác thì đi đâu? Hết nghĩ thì hết nghiệp, hết nghiệp là hết sanh tử, đó là giải thoát. Chỗ cứu kính chân thật Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy là cái sáng suốt, bất sanh bất diệt nên gọi là Niết-bàn, vô sanh. Không có sanh lấy gì có tử.

Đức Phật vì thương chúng sanh mê lầm đuổi theo hư ảo cho là mình, rồi cả ngày sống trong cái hư ảo đó, chịu vô lượng khổ đau. Đã sống trong hư ảo thì dù làm việc tốt cũng chưa hẳn là tốt. Ví như có hai nhóm đi làm từ thiện. Nhóm A được nhiều người hoan nghênh, nhóm B cũng làm từ thiện nhưng lại bị nhiều người chỉ trích. Vậy nhóm B có vui nhìn nhóm A không? Bị thua thì giận rồi, mặc dù giận vì làm việc thiện.

Bởi vậy nói tâm của chúng ta không chân thật. Vì nó hư ảo nên biến chuyển luôn. Do đó nhiều người lúc nhỏ rất hiền lành, nhưng lớn lên bị ngoại duyên không tốt tác động lâu ngày trở thành hung dữ. Ngược lại, người lúc nhỏ hung dữ nhưng lớn lên nhờ gần gũi duyên tốt nên trở lại hiền lành.

Tâm ta luôn đổi thay, không đứng một chỗ. Gặp môi trường tốt, thầy tốt, bạn tốt thì tốt theo, gặp môi trường xấu, thầy xấu, bạn xấu thì xấu theo. Tâm đó tùy thuộc ngoại cảnh chứ không tự làm chủ được. Vậy mà tất cả chúng ta đều đuổi theo nhận nó là mình, thử hỏi có đáng buồn không?

Nếu chúng ta không nhận những suy nghĩ lăng xăng lộn xộn đó là tâm mình, thì dù ở chung cả trăm ngàn người cũng không có chuyện cãi vã, nói gì đánh đập nhau. Sở dĩ chúng ta ở chung có chuyện này, chuyện kia là vì không đồng ý nhau. Mỗi người đều cho cái suy nghĩ là đúng, là tâm mình nên rồi hơn thua, phải quấy, oán thù đủ chuyện. Nuôi tâm ấy như nuôi kẻ cướp trong nhà, do đó Phật nói “*Nhận giặc làm con*”. Vì nhận giặc làm con nên nghe lời nó, không chịu bỏ nó. Đã vậy thì đời ta cứ đi trong trầm luân đau khổ không có ngày cùng.

Muốn ra khỏi dòng sanh tử không gì hơn là lặn được chú tạo nghiệp đó. Nghĩa là đừng nhận nó làm con nữa, đuổi nó ra khỏi nhà. Dễ quá, nó không phải là con mình thì đuổi đi. Nhưng khổ nỗi ta lại thương nó, không chịu đuổi.

Khi thấy chúng sanh mê lầm như vậy, Đức Phật có thương không? Có. Chúng sanh đang lặn hụp giữa biển cả mênh mông, Ngài đưa tay xuống chờ mình ngóc đầu dậy thì kéo liền. Nhưng chúng sanh cứ mãi miết lặn hụp không chịu đưa tay cho Ngài kéo.

Mỗi một ngày hết mười hai tiếng chúng ta chạy theo cái hư giả, chỉ còn một hai tiếng trở về cái thật, nên ráng buông xả cho các vọng tưởng lặn xuống, giành quyền làm chủ phần nào. Nếu không mình cứ bị nó làm chủ hoài.

Ngày nào ta giảm bớt được hơn thua, phải quấy thì ngày đó an vui. Ngược lại, nếu cứ để nó lôi dẫn chạy ngược chạy xuôi, khi nhắm mắt chắc chắn phải luân hồi sanh tử.

Phật tử tu mà không hiểu, cứ ý lại vào thầy. Tháng nào cũng đi chùa cúng thầy một ít, chừng nào nhắm mắt mời thầy tới độ cho về Cực Lạc, khỏe ru. Tu như vậy thì oan cho đạo Phật quá.

Quý vị phải nhớ chúng ta lo cho Tam bảo, để việc giáo hóa mọi người thức tỉnh được trường tồn, được phát triển. Muốn thế bản thân mình phải tu, rồi tạo điều kiện hỗ trợ Tam bảo tồn tại lâu dài nơi thế gian, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Hôm nay tôi nhắc những điều thiết yếu cho tất cả quý Phật tử biết, ứng dụng tu đúng pháp Phật dạy. Mong tất cả thực hành đúng Chánh pháp, đừng vì sự tu mà tạo phân biệt, nuôi lớn phải quấy đối đãi, trái xa với bản ý Phật dạy, cũng là tự vùi lấp sự giác ngộ của mình. Hiểu vậy trên đường tu tôi tin chắc quý vị sẽ tiến, sẽ đạt được kết quả tốt đẹp.

Một hai ba bốn năm, đủ !

Có người hỏi:- Người xưa nói: Mọi người đều có Phật tánh, đệ tử là người thế tục cũng có Phật tánh không?

Sư Bôn Tịch bảo:- Hay xòe tay ra.

Người ấy xòe tay. Sư chỉ vào bàn tay, nói:

- Một hai ba bốn năm, đủ !

(Phật tánh có sẵn nơi mỗi người)

Muốn Sớm Thoát Khổ, Nên Tu Tịnh Độ

HT Thiên Tâm

Nhiều vị học Phật, vì ưa chuộng huyền lý cao siêu, cho môn Niệm Phật là của ông già bà cả, hạng căn cơ thấp kém. Nhưng họ đâu biết Tịnh Độ là cửa mẫu thâm diệu đi sâu vào Phật tánh, là con thuyền chỉ bảo để mau thoát khỏi luân hồi. Cho nên có những bậc thượng căn vì chưa nhận thức Tịnh Độ, mà mãi bị trầm trệ trong mê mẩn. Và có kẻ căn tánh chỉ tầm thường, nhưng do tu Tịnh Độ mà sớm bước lên đường giải thoát.

Xin thuật ra đây đôi chuyện để chư học giả so sánh.

Đời Đường bên Trung Hoa, nơi chùa Hương Sơn đất Lạc Dương có sư Thích Giám Không. Sư nguyên tục tánh họ Tề, người ở Ngô Quận.

Thuở còn nhỏ ông nghèo khổ, tuy học hành siêng năng nhưng ít ghi nhớ. Lớn lên, ưa làm thi văn song chỉ tầm thường. Ông hay đi lại vùng Ngô, Sở yết kiến hàng hầu bá, nhưng không được sự giúp đỡ bao nhiêu. Khi có tiền đầy xâu thì sanh đau yếu, tiền hết bệnh mới lành.

Đầu niên hiệu Nguyên Hòa, ông dạo chơi xứ Tiềm Đường, gặp năm mất mùa, nghĩ đến chùa Thiên Trúc để cầu thực. Nhưng vừa đi tới phía tây Cô Sơn Tự, ông đói quá không thể tiến bước nổi, liền lại ngồi bên bờ suối tuyết, rơi lệ ngâm vài câu bi phần. Thoạt có vị Phạm tăng theo dòng suối đến ngồi nhìn ông mỉm cười hỏi:

"Pháp sư đã ném đủ hương vị lữ du chưa?"

Ông đáp: "Hương vị lữ du có thể gọi đã ném đủ, nhưng bị nhờn tục danh là Quân Phòng, đã từng làm pháp sư đâu?"

Phạm tăng nói: "Ông không nhớ lúc giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đông Đức hay sao?"

Đáp: "Tôi từ khi sanh thân đến nay đã bốn mươi lăm tuổi, hằng bâng hoàng nơi vùng Ngô, Sở, chưa từng để bước đến kinh đô, đâu lại có chuyện giảng kinh ở miền Lạc Trung như thế?"

Phạm tăng bảo: "Chắc ông bị lửa đói thiêu đốt, nên quên cả việc xưa rồi!"

Nói xong, liền lần trong đây lấy ra một quả táo lớn ướt băng nắm tay, trao cho và bảo:

"Quả táo này sản xuất ở nước của ta, bậc thượng trí ăn vào biết rõ việc quá khứ vị lai; người hạ căn cũng có thể nhớ được chuyện kiếp trước."

Ông tiếp lấy quả táo ăn xong, vốc nước suối uống, thoát mờ mệt muốn ngủ, liền tựa đầu, gối vào đá mà nằm. Giây phút tỉnh dậy, nhớ tiền thân làm pháp sư giảng kinh, cùng những bạn đồng tu, rõ rệt như việc ngày hôm qua, nhân rơi lệ hỏi rằng:

"Chấn Hòa Thượng bây giờ ở đâu?"

Phạm tăng đáp: "Công chuyên tinh chưa tới mức, nên chuyển sanh làm vị tăng ở đất Tây Thục, nay cũng đã dứt được vọng duyên."

Lại hỏi: "Thần thượng nhơn và Ngô pháp sư hiện thời ra sao?" Đáp: "Thần thượng nhơn túc duyên trả chưa xong. Còn Ngô pháp sư bởi đứng trước tượng đá chùa Hương Sơn phát nguyện giời: 'Nếu kiếp này tu không chứng đạo, thân sau nguyện là bậc quý thần,' nên hiện đã sanh làm đại tướng. Trong năm người bạn văn thủy khi xưa, duy ta được giải thoát, ba vị kia thì như thế, riêng người còn đói khổ nơi đây!"

Ông thương khóc nói: "Tôi kiếp trước hơn bốn mươi năm, ngày chỉ ăn một bữa, thân duy đắp một y, việc phù tục quyết dứt căn nguyên, có sao còn kém phước để đến nỗi hôm nay phải ra người đói khổ?"

Phạm tăng đáp: "Khi xưa ông ngồi trên pháp tòa hay nói nhiều việc dị đoan, khiến cho thánh chúng sanh lòng nghi hoặc, lại giới hạnh còn có chỗ kém khuyết, nên phải bị báo ứng như hôm nay." Nói đoạn, lấy trong bát ra một chiếc gương hai bề đều trong suốt, bảo rằng: "Việc đã qua ta không làm sao hơn được, nhưng ông muốn biết số phận sang hèn thọ yếu về tương lai, cho đến việc đạo pháp hưng suy, nên nhìn vào sẽ rõ." Ông tiếp lấy gương xem hồi lâu rồi giao lại tạ rằng: "Sự báo ứng, lẽ vinh khố, nhờ ơn đức của Ngài, nay đã biết được." Phạm tăng cầm gương cất vào bát, nắm tay ông cùng đi, độ mười bước liền biến mất.

Đêm ấy ông vào chùa Linh Ân xin xuất gia, hiệu là Giám Không, sau khi thọ giới Cụ Túc liền đi du phương tu hành, sự khổ tiết, cao hạnh ai cũng khen ngợi. Về sau Giám Không thiền sư gặp ông Liễu Sính ở chùa Thiên Trúc, tự trần thuật tiền

nhân và bảo: "Tôi sống được bảy mươi bảy, tăng lập ba mươi hai, nay chỉ còn chín năm nữa là thọ số mãn. Sau khi tôi tịch, Phật pháp còn được như ngày hôm nay chăng?" Sính nghe nói lạ, gạn hỏi. Sư không đáp, chỉ đòi bút viết mấy hàng nơi vách bắc lầu Tầng Kinh như sau: "*Hưng hạt cát, suy cát sông Hằng. Thỏ đã bị lưới, chó vô sấn. Trâu cạp giao tranh sừng với răng. Ánh hoa đàm vẫn sáng nghìn năm.*"

Đây là lời tiên tri của sư. Câu trước nói về đạo pháp sẽ suy. Câu thứ hai chỉ cho sự phá đạo rất tàn khốc. Câu thứ ba ghi rõ thời gian hủy pháp ở vào năm Ất Sửu tiếp qua Bính Dần. Câu sau cùng nói: Tuy nhiên Phật pháp vẫn còn, ánh đạo không bị hủy diệt. Lời sấm trên ứng vào việc phá Phật pháp của Đường Võ Tôn. Ông vua này đã ra lệnh hủy hoại bốn mươi bảy ngàn ngôi chùa, ép buộc hơn hai mươi vạn bảy ngàn tăng ni hoàn tục. (Trích Cao Tăng truyện, thiên Cầm Thông, tập 3).

* Đòi Nguyên bên Trung Hoa, vào năm Canh Ngọ niên hiệu Chí Thuận ở vùng Triết Tây bị thất mùa liên tiếp. Trong thành Hàng Châu, dân chúng đói chết nằm ngổn ngang đầy đường. Mỗi buổi sáng, quan phòng chánh mướn người khiên tử thi chở đem bỏ xuống hang núi, sau tháp Thái Hòa. Trong số tử thi có thấy một bà lão hơn mười hôm không hô thú, ngày nào cũng tự trời lên nằm trên các cây chết khác. Chúng lấy làm lạ, vòng giầy kéo đem lên, soát trong người thấy có túi vải đựng ba bức đồ niệm công cử A Di Đà Phật. Việc này truyền đến quan Hữu Tư, Ngài cho mua quan quách tần liệm và đem ra thiêu hóa. Khi củi đốt lên, trong khói lửa hiện ra tượng Phật, Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ. Do nhân duyên đó, rất nhiều người phát tâm niệm Phật. (Trích Sơn Am Tập Lục).

Xem sự tích trên, ta thấy như ngài Giám Không kiếp trước từng làm giảng chủ; phù tục đã dứt căn nguyên, tu trì cũng nhiều tinh khổ, nhưng vì chưa chứng quả lại còn chút tì vết, nên phải chuyển thân làm kẻ sĩ đói khát khổ cùng. Kiếp xưa năm bạn đồng tu, chỉ một mình Phạn tăng được giải thoát. Ngoài ngài Giám Không lại còn sự tích cao tăng Viên Quán, do chưa sạch nghiệp, nên không thoát khỏi bào thai của nàng Vương Thị. Truyện Tỳ Khuru Pháp Vân từng làm đại pháp sư, nhân vì tham lợi dưỡng, sèn Phật pháp, nên bị đọa làm thân trâu. Truyện ngài Hải An cũng thuộc hàng danh tăng, vì thọ người cúng dường, phải

chuyển sanh làm con gái cho nhà thí chủ. Truyện ngài Mật Sơn lại lịch phi phạm, nhưng bởi túc nghiệp từ vô lượng kiếp phát hiện, nên luân hồi làm kẻ ngu khờ, ghét người tu niệm. Truyện ngài Đoạn Nghĩa Nhai tham thiền đã được khai ngộ, kiếp sau chuyển sanh làm tăng, được người lễ bái cúng dường, tham hưởng phước mà quên đường giải thoát. Truyện đệ tử của ngài Tuyết Học Thành Công, thiền định đã tỏ suốt nguồn tâm, bởi chưa đắc đạo nên thân sau làm ông sư thông minh, động tâm xa hoa kiêu mạn, rồi từ đó không nghiệp ác gì chẳng làm. Truyện một ni cô tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, vì tâm còn chưa dứt niệm sắc thính, nên kiếp sau đọa làm thân ca kỹ, tiếng thanh sắc đẹp nơi miệng thường bay ra mùi thơm hoa sen. Truyện vị cao tăng non Nhạn Đăng, bởi chưa chứng đạo, kiếp sau là Tàn Cối, do tiền căn đã có công tu niệm nên thông minh đồ cao làm quan đến ngôi cực phẩm, song vì mê quyền quý, tạo điều gian ác để nhiều kiếp đọa tam đồ.

Xem truyện tích xưa, còn biết bao trường hợp như thế nữa! Qua các gương trên, ta thấy nếu tự lực tu hành, khi chưa được nghiệp sạch tình không, lúc tái sanh tất phải mê muội, mười người đã rớt hết tám chín. Còn như bà lão niệm Phật, tuy dứt đạo lý, chẳng hiểu chút chi về tông về giáo, nhưng nhờ thành tâm niệm Di Đà mà sau khi chết diễn ra nhiều điều kỳ lạ, đã chứng minh bà lão vãng sanh về Cực Lạc không còn nghi ngờ. Cho nên tham thiền, tụng kinh cùng tu các môn khác là những điều quý báu nên làm, và đáng khuyến khích. Nhưng giữa thời mạt pháp này, cần phải tu thêm môn Niệm Phật, rồi đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây Phương, mới bảo đảm khỏi luân hồi mê đọa. Nếu không lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng, thì công đức tu các môn khác chỉ gây căn lành phước báo, và nhân duyên đắc độ về sau mà thôi. Như thế, e cho khi chuyển sanh hôn mê tạo nghiệp phải bị trầm trệ lâu trong cảnh khổ luân hồi. Mấy ai thông minh như Ngô Đạt quốc sư, mười kiếp làm cao tăng tu thiền định, kiếp sau rớt mới mười bốn tuổi đã giảng suốt Kinh Niết Bàn. Nhưng vì một niệm đam mê trước tòa trầm hương nên bị tức bảo ghê mặt người, sau trở lại niệm Phật mới được vãng sanh giải thoát. Những vị ý mình cao minh, ngoài miệng nói suốt lý huyền, chỉ trọng tự lực khinh thường niệm Phật, cũng nên xem gương trên mà đề tâm suy nghĩ. -

(NIỆM PHẬT THẬP YẾU, HT Thiền Tâm)

Vào Cổng Nhà Thiền

HT Thích Thanh Từ

Buổi nói chuyện hôm nay cốt yếu chúng tôi giới thiệu tổng quát với quý vị phương pháp tu thiền, chúng tôi đặt tên là "*Vào Cổng Nhà Thiền*". Lý đáng tên đề tài phải là "*Đường Lối Vào Nhà Thiền*", nhưng nói đến đường lối là còn xa xôi, ở đây chúng tôi muốn nói đến cổng rồi, không phải là chuyện ở đầu đường nữa. Dùng tiếng "cổng" quý vị sẽ có cảm tưởng như chúng ta đứng trước cổng chùa, thấy tổng quát ngôi chùa và cảnh vật quanh chùa, nhưng chi tiết trong chùa và Phật thì chúng ta chưa thấy. Chúng ta còn phải qua hai giai đoạn, bước qua cửa và vào trong chùa. Hôm nay chúng tôi mới nói đến chuyện tới cổng chùa.

Chữ Thiền ở đây là chỉ thẳng vào Thiền tông, cũng như lâu nay trong chùa thường dùng danh từ Thiền lâm hay Thiền gia. Khi nói đến thiền, chúng ta phải biết nguồn gốc từ đâu: do Thái tử Tất-đạt-đa đi tu, bốn mươi chín ngày tọa thiền dưới cội Bồ-đề, sau đó Ngài thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Đức Phật sơ dĩ được giác ngộ và thành Phật là do tọa thiền ở cội Bồ-đề.

Hôm nay nói đến thiền, quý vị không lấy gì làm lạ, vì đó là chủ yếu của đạo Phật, không phải phương pháp nào xa lạ, đối với người Phật tử hay đối với tất cả tăng ni. Nhưng thử hỏi đức Phật giác ngộ cái gì mà thành Phật? Ai cũng chấp nhận và cũng hiểu rằng Phật là giác, Phật Đà là người giác ngộ.

Nhớ lại phần lịch sử, khi xưa do nguyên nhân nào Thái tử Tất-đạt-đa đi tu? Chắc ai cũng biết điểm chủ yếu là sau khi dạo bốn cửa thành, thấy cảnh sanh già bệnh chết của con người, Ngài xúc động mạnh. Đó là nguyên nhân thúc đẩy Ngài đi tu để tìm phương pháp giải quyết vấn đề sanh già bệnh chết của con người nói riêng và của tất cả chúng sanh nói chung. Động cơ thúc đẩy Ngài đi tu và thành đạt đạo quả có liên hệ mật thiết nhau. Vì muốn giải quyết vấn đề sanh già bệnh chết của chúng sanh, nên Ngài đi tu và thành Phật. Giác ngộ ngay nơi con người, đó là chủ yếu của sự giác ngộ.

Nói thể đức Phật có vẻ như thiên trọng về con người, tức là quan tâm đến vấn đề nhân sinh quan. Đối với vũ trụ quan, Ngài nghĩ thế nào? Nói một cách tổng quát, trong nhà Phật danh từ chuyên môn gọi con người là chánh báo, vũ trụ là y báo. Y báo tùy thuộc vào chánh báo, cũng như cái nhà tùy thuộc vào ông chủ nhà. Muốn biết phương pháp xây dựng cái nhà, trước hết chúng ta nên biết ông chủ nhà. Nếu không biết ông chủ mà cứ nghiên cứu lý do và phương pháp xây cất căn nhà thì cái biết ấy e chưa đích xác. Muốn đích xác trước hết chúng ta phải biết người làm chủ xây cất căn nhà và biết được người đó như thế nào, rồi những lý do và phương pháp xây cất v.v... chúng ta sẽ biết sau, không khó khăn nữa. Vì vậy chủ yếu giác ngộ trong đạo Phật là giác ngộ con người, tìm nguyên nhân từ đâu đưa con người đến sanh tử hiện nay, và làm sao giải quyết được vấn đề sanh tử đó.

Tất cả chúng ta hiện giờ biết được chính mình chưa? Hằng ngày chúng ta tự xưng là tôi, là ta, là mình, ấy là gì? Cái gì là tôi, cái gì là ta, cái gì là mình? Nếu phân xác thật này là mình, thì nó có hoàn toàn còn mãi với chúng ta không? Ví như cái tay được coi là một bộ phận của mình, khi cái tay bị bệnh phải cưa đi, ráp cái tay khác vào thì cái gọi là mình đó có còn thật là mình hay không? Ai trong chúng ta cũng tự thâm bảo thân này là mình, là tôi, là ta, nhưng chưa có ai xác định cái gì là mình, cái gì là tôi, cái gì là ta. Có khi chỉ thân, có khi chỉ tâm, hoặc cho cái suy nghĩ là tôi, hoặc cái thân này là tôi, nhưng cái nào là đúng, cái nào là thật? Có lẽ chúng ta không bao giờ hài lòng với quan niệm của chúng ta. Nếu thân này là tôi, thì cái tôi này có mặt ở nhân gian dài lắm độ tám chín mươi năm. Qua thời gian đó, cái tôi này trở thành bùn đất, trở thành cát bụi. Thế thì chúng ta có hài lòng ở điểm này hay không?

Nếu cho cái tính toán phân biệt hiện giờ là tôi thì những cái ấy không có tướng mạo hình thức. Trong mọi người chúng ta phút giây nào tâm niệm của mình cũng luôn luôn nghĩ suy tính toán. Cái nghĩ suy tính toán từng phút từng giây đổi thay. Trong tâm niệm dời đổi đó, tâm niệm nào chính xác là tôi? Mới buồn liền vui, mới thương liền ghét, liền tiếp đổi thay. Niệm thương là tôi hay niệm ghét là tôi? Buồn là tôi hay vui là tôi? Tất cả cái đổi thay đó, xác nhận cái nào là mình? Một ngày có trăm ngàn cái suy nghĩ, mỗi cái suy nghĩ khác nhau. Có khi chúng ta suy nghĩ điều lành,

điều tốt như Phật, như Bồ-tát, như những bậc thánh hiền. Có khi chúng ta suy nghĩ những điều dữ, điều xấu như cọp như beo... Như vậy cái suy nghĩ nào chính xác là ta? Chẳng lẽ ta gồm đủ các loại dở hay, tốt xấu sao?

Chúng ta hằng ngày đang sống, đang hoạt động, ai cũng tự nhận là mình, nhưng nhìn lại chính xác cái nào là mình thì chúng ta lúng túng ngay, không nhận ra cái nào thật là mình, thân cũng như tâm. Thế thì cái gì là mình? Mình sống, mình biết cả vũ trụ, mà chính bản thân mình lại không biết. Ví như anh chàng nọ thông hết việc hàng xóm mà việc trong nhà anh không biết chi hết. Chúng ta nghĩ sao về anh chàng đó? Biết tất cả việc hàng xóm bên ngoài mà không biết cuộc sống thiết yếu ngay trong gia đình là mình đã mất căn bản rồi.

Đúng ra tinh thần của người học Phật là tìm cầu giác ngộ, là tìm cầu sự thật. Bắt đầu tìm cầu sự thật, chúng ta khởi sự bước đi, mỗi một bước, một phút đều là một bước đến giác ngộ, một phút tiến gần tới sự thật. Không ai nghi ngờ Phật là người giác, học Phật là học phương pháp giác ngộ hay là đi trên đường giác ngộ. Như vậy trên đường giác ngộ, bước một bước là giác ngộ một phần, bước hai bước là giác ngộ hai phần, càng đi càng giác ngộ.

Song hiện nay thử hỏi tất cả chúng ta, hoặc xuất gia, hoặc tại gia, có ai đã thấy mình giác ngộ chưa? Nếu học Phật mà không giác ngộ thì thiếu sót quá nhiều. Thế nên chúng ta phải xác định lại một cách rõ ràng, học Phật là học đạo giác ngộ. Muốn học đạo giác ngộ, chúng ta cần phải ngày này tháng nọ năm kia, giờ nào cũng tiến trên con đường giác ngộ. Được như thế sự học của chúng ta mới khỏi trái với lời Phật dạy. Ví dụ như thấy một ngọn đuốc sáng thấp trong đêm đen, muốn mỗi ngọn đuốc sáng đó, chúng ta phải có những yếu tố nào? Ít ra chúng ta phải có những loại có chất dầu, hoặc những thứ bổi khô mới mỗi được ngọn đuốc kia, không thể chúng ta đem nước lã hoặc cỏ ướn tới mỗi được. Cũng như vậy, muốn tiến trên đường giác ngộ, điều kiện tiên quyết là phải mở mang trí tuệ, vì chỉ có trí tuệ mới phù hợp với đạo giác ngộ. Nếu đến với đạo Phật không bằng trí tuệ mà bằng niềm tin, thì đó không phải là yếu tố chính của giác ngộ. Muốn đến bằng trí tuệ chúng ta phải gạt bỏ mọi tư kiến và chỉ nghe với tinh thần tìm sự

thật. Nếu nghe giảng bằng những tư kiến và điều gì cũng xoay về ý kiến riêng của mình thì không phải là học đạo giác ngộ nữa. Chúng ta phải thực tìm lẽ thật, và nhận ra lẽ thật mới là đi trên con đường giác ngộ.

Tất cả chúng ta không ai chấp nhận mình là ngu si, ngược lại ai cũng tự thấy mình là thông minh. Nhưng chúng ta có thật thông minh chăng? Câu hỏi được đặt ra, xin mỗi người thử trả lời. Nếu chúng ta thật thông minh tức phải chuộng và phải sống với lẽ thật. Ví dụ cái thân xương thịt của chúng ta nếu lâu ngày không được tắm rửa sẽ dơ bẩn hôi hám, ai ngồi gần sẽ ngửi mùi khó chịu, nếu nói lên sự thật một trăm phần trăm này thì chúng ta mất vui và cảm thấy bất an trong lòng. Bất an vì chúng ta sợ sự thật, che giấu sự thật, nghĩa là tự gạt mình và cũng là gạt người. Như vậy chúng ta không cầu chân lý tức là không sống với trí tuệ. Trí tuệ là thấy lẽ thật, chuộng lẽ thật và chấp nhận lẽ thật. Thế nên nhiều người phê bình đạo Phật là bi quan, vì đức Phật luôn luôn mặt sát thân này là vô thường, ô ế, bất tịnh, giả dối, đau khổ, ai nghe qua những lời này cũng chán ngán. Như vậy đạo Phật không phải bi quan, chán đời là gì? Nhưng chúng ta xét kỹ lại, đức Phật đã chỉ bày sự thật về thân người, hay Ngài đã mặt sát thân ấy một cách vô lý? Nếu thân là sạch thì các chất được loại ra từ các khiếu huyết phải là sạch, nhưng những chất ấy hết sức nhơ nhớp. Nếu thân này là thường thì sẽ còn mãi không biến hoại, nhưng sự thật nó luôn luôn thay đổi từng phút từng giây. Vì thân này là vô thường luôn luôn thay đổi, nên Phật gọi nó là "sanh, già, bệnh, chết", nên là đau khổ.

Từ đầu đến đây tôi chưa đề cập đến thiền một tí nào. Nhưng thiền chủ yếu là giác ngộ, không giác ngộ không phải là thiền. Vì vậy nói điều lầm lẫn của chúng ta rồi là thấy thiền nằm ngay trong đó. Thiền không phải cái gì màu nhiệm ở phương trời xa lạ, mà chính là những lẽ thật của con người.

Trở lại thân của chúng ta, hầu hết mọi người dù học đạo lâu hay mới học, đều nói thân này là thật, nhưng Phật nói thân này là giả. Làm sao chúng ta biết nó là giả? Phàm cái gì có hình thể cố định, không do vay mượn tạm bợ, không do sự hỗ trợ bên ngoài, mà tự có riêng mới là thật. Nếu thân chúng ta là thật thì nó phải không vay mượn. Nhưng hiện giờ chúng ta đang thờ, nghĩa là mũi chúng ta đang hít không khí của trời đất vào, rồi

trả không khí ấy ra. Không khí từ trong người trả ra là của tôi chăng? Chúng ta đâu làm ra cái không khí đó, rõ là vay mượn, làm sao chúng ta chấp nhận nó là của tôi? Kể đó, từ sáng đến trưa chúng ta phải uống bao nhiêu tách nước? Mượn nước ở ngoài vào rồi trưa chiều trả ra, làm sao chúng ta nói nước ấy là của tôi? Đến các thức ăn để bồi bổ cơ thể này, chúng ta mượn ngày hôm nay, ngày mai phải trả ra, lại nói là của tôi! Như vậy chúng ta hoàn toàn vay mượn đất, nước, gió, lửa bên ngoài. Khi trả ra, lại bảo chúng là của tôi, có phải ngang bướng hay không? Không phải là của mình mà gọi là của mình, chẳng si mê là gì?

Quý vị thử xét lại, hiện giờ chúng ta đang sống với cái gì? Chúng ta đang làm gì? Hạnh phúc chúng ta là cái gì? Phải chăng là vay mượn những thức ăn uống ngon bổ rồi trả chúng ra dễ dàng? Hạnh phúc bằng cách mượn trả, trả mượn suốt đời hay sao? Giá trị con người có chừng đó hay sao? Chúng ta chỉ lo ăn uống đầy đủ, nhà cửa tiện nghi, đó là hạnh phúc sao? Như vậy hạnh phúc có nghĩa là sự mượn vào dễ dàng và sự trả ra an ổn chăng? Chúng ta sống để làm việc mượn trả suốt ngày và suốt cuộc đời, chẳng là công việc đã tràng vô ích hay sao? Lại nữa, khi mượn vào không an ổn, trả ra bị tắc nghẽn thì gọi là đau khổ, khi mượn vào tốt đẹp, trả ra dễ dàng thì gọi là hạnh phúc!

Như vậy kiểm lại xem, chúng ta sống là sống với cái gì? Chỉ là một chuỗi dài mượn và trả. Một phút giây nào mũi không mượn không khí, miệng không mượn nước và thức ăn, thì chúng ta có sống được không? Không mượn thì không sống, cái sống đó làm sao nói là sống thật được. Ví như chúng ta xây cất một căn nhà xong, đến hàng xóm mượn bàn từ v.v... để chưng bày, khi ấy chúng ta liền tuyên bố tất cả những vật ấy là của tôi. Như vậy có phải chúng ta là bướng, là kém trí tuệ hay không? Nếu ngay nơi cuộc sống mà chúng ta không hiểu nó, hoặc hiểu một cách mờ昧, làm sao chúng ta hiểu đúng sự thật những việc chung quanh cuộc sống. Chính vì lẽ thiết yếu đó, đức Phật mới tìm giác ngộ nơi con người, vì con người là căn bản. Giác ngộ ngay nơi con người là thấy được nơi chúng ta cái nào giả, cái nào thật. Không làm cái giả không quên cái thật, đó là giác ngộ. Như hiện nay cái giả là thân vay mượn mà chúng ta làm thân ấy là thật, nên mọi nhu cầu thuộc về thân cũng thấy là thật. Tất nhiên chúng ta làm từ con người đến sự vật chung quanh. Nếu hết làm về

con người thì chúng ta cũng hết làm luôn về tất cả sự vật chung quanh.

Cái tai họa trong đạo Phật là mê làm về con người, đưa đến tham sân si. Danh từ chuyên môn gọi đó là vô minh, vô minh về con người và vô minh với tất cả sự vật liên hệ đến nhu cầu của con người. Như chúng ta làm thấy thân này là thật thì chúng ta sẽ quý nó, và những nhu cầu của nó cũng làm, cho là quý trọng. Từ đó chúng ta sanh tham đắm những nhu cầu cho thân, quý trọng những gì bồi bổ và tô điểm cho thân. Chúng ta muốn được sung túc dư dả nên gòm thâu về mình thật nhiều của cải. Do đó chúng ta sẽ đụng chạm đến người khác, họ cũng mê làm cho thân này là thật, và tham đắm những nhu cầu cho thân họ được dư dả sung túc. Mê làm gọi là si. Vì si mê nhận định không đúng nên sanh lòng tham. Cái tham ấy nếu bị ngăn trở thì khởi sân. Si, tham, sân gọi là Tam độc, tạo ra không biết bao nhiêu nghiệp đau khổ.

Chúng ta thấy rõ thân là vay mượn tạm bợ, còn mượn là còn, hết mượn là mất. Đã là tạm bợ thì thân này đâu có giá trị gì. Thân không thật thì đâu có quý, thân không quý thì những nhu cầu của nó cũng tầm thường. Nếu được những nhu cầu thì chúng ta đem chia sẻ giúp đỡ với nhau, không muốn gòm thâu về riêng cá nhân mình. Do si mê không có, nên lòng tham nhẹ đi, lòng tham nhẹ thì cũng ít sân, đó là cội gốc của sự tu hành. Như vậy muốn tu là phải giác, tức là phá được si mê. Phá si mê rồi, tham và sân theo đó cũng dứt. Nếu chúng ta chưa phá được si, chỉ cố dần xuống mỗi khi nổi sân, càng đề xuống thì sân càng bùng lên. Vì chúng ta chỉ đề ngọn thôi, chưa nhổ tận gốc của nó. Nếu biết rõ thân này là giả dối và những nhu cầu của nó cũng tạm bợ thì được mất đâu có quan trọng gì mà giận hờn, lòng mình trở nên an lành, không cần phải nhẫn, phải dần chi hết.

Do giác ngộ nơi thân nên chúng ta không tham đắm các nhu cầu của nó, dù có bị ngăn trở hay thất bại, chúng ta cũng không tức giận, nên sự tu hành được an ổn. Việc tu ấy gốc từ giác ngộ chớ không phải từ cố gắng. Hiểu như vậy chúng ta sẽ thấy việc tu nhẹ nhàng, không phải nhọc nhằn lẽ lạy, chỉ cần khuyên nhau nhận định đúng về thân mình. Nhà Phật gọi đây là Chánh kiến, một chi trong Bát chánh đạo, nằm trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nhận định đúng thì suy nghĩ đúng, suy nghĩ đúng thì nói năng đúng, nói năng đúng thì

hành động đúng, tức là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh nghiệp, Chánh mạng v.v...

Như thế, nếu lấy sự nhận định đúng làm căn bản, người học Phật phải mỗi đước Phật bằng trí tuệ của mình mới giải quyết được mọi vấn đề đau khổ của con người. Nếu chúng ta tu bằng niềm tin thì tu nhiều, tụng kinh nhiều mà phiền não cũng lắm. Khi bị nói khích thì nổi sân, rồi than tại sao tu lâu mà chưa hết phiền não? Chỉ vì chúng ta nương hình thức mà không thấy cội gốc. Cho nên trong việc tu hành chúng ta cần đạt được cội gốc, tường tận cội gốc, giải quyết cội gốc, mới hết được các ngọn ngành. Giác ngộ là thấy đúng lẽ thật. Suy nghĩ đúng, nói năng đúng, hành động đúng v.v... tất nhiên chúng ta sẽ hết đau khổ.

Phần trên chúng ta đã hiểu về thân, còn về tâm như thế nào? Về tâm thì trong kinh Phật đã từng dạy, như kinh Lăng Nghiêm, đức Phật muốn độ ngài A-nan nên hỏi rằng: "Ông nhân đâu mà phát tâm xuất gia?" Ngài A-nan bạch Phật: "Con nhân thấy ba mươi hai tướng của Phật tốt đẹp trang nghiêm phi thường, khác hơn tất cả người thế tục, nên con phát tâm xuất gia." Phật hỏi: "Ông lấy cái gì thấy và lấy cái gì mà phát tâm?" Ngài A-nan thưa: "Con lấy mắt thấy Phật và lấy tâm suy nghĩ mà phát tâm." Bấy giờ đức Phật tiến vào "Thất xứ trung tâm", tức là bảy lần gạn hỏi về tâm. Phần mắt thấy Phật đã nói rõ, phần tâm Ngài hỏi: "Ông do thấy tướng tốt của Phật mà phát tâm, như vậy cái gì là tâm ông, tâm ông ở chỗ nào?" Ngài A-nan thưa: "Cái suy nghĩ đó là tâm con và cái tâm suy nghĩ hiểu biết đó ở trong thân." Chắc chúng ta ai cũng trả lời như vậy. Nhưng câu trả lời của A-nan nói tâm ở trong thân bị Phật bác. Rồi Ngài nói tâm ở ngoài thân, tâm ở trong con mắt v.v... Nói tâm ở chỗ nào cũng bị Phật bác. Như vậy tâm ở chỗ nào? Hầu hết chúng ta đều lầm chấp cái hay suy nghĩ phân biệt là tâm của mình. Danh từ chuyên môn trong kinh Lăng Nghiêm gọi là "Năng suy vi tâm" nghĩa là cho cái hay suy nghĩ là tâm. Nếu cái hay suy nghĩ là tâm của mình thì nó là mình chớ gì! Như trước chúng tôi đã nói, thân này là vay mượn không thật, tất nhiên cái hiểu biết tính toán suy tư v.v... là tâm của mình, là thật mình chớ gì? Vì thân là vay mượn, còn cái suy nghĩ tính toán không vay mượn ai, cái đó không phải mình là gì?

Nhưng chúng ta chớ vội chấp cái đó không vay mượn, vì như thế sẽ đi từ cái lầm này đến cái

lầm khác. Cái suy nghĩ hiểu biết đó hay còn gọi là kiến thức, đều cho là tâm của mình. Nhưng chúng có thật là tâm của mình không, hay cũng chỉ là vay mượn? Giờ đây chúng ta thử nghiệm xem: Khi mình còn nhỏ, khoảng bảy tám tuổi, có những kiến thức gì, hay là chỉ biết đói thì đòi ăn, khát thì đòi uống, thích cái gì thì đòi cái đó, cần cái gì thì nói lên điều đó, chúng ta lúc đó đâu có kiến thức gì, nào biết suy tư tính toán chi. Như vậy lúc đó không có chúng ta hay sao? Đến lớn lên chúng ta đi học, được thầy bạn chỉ dạy, những môn học được huân tập thấm nhuần lâu ngày trong tâm thức của mình, chúng dường như của mình. Sự thật các kiến thức ấy chỉ là vay mượn của thầy của bạn, nào thật là của mình đâu! Như trước khi quý vị đến nghe chúng tôi nói chuyện, quý vị chưa có những nhận xét như chúng tôi nói, nhưng sau khi quý vị nghe và ra về, quý vị nhớ những điều tôi nói, những điều thâm nhập ấy đâu phải là của quý vị sẵn có, mà là của chúng tôi mới trao cho. Như vậy bao nhiêu kiến thức thâm nhập được chúng ta chấp làm kiến thức của mình, rồi cho rằng những gì mình nghĩ là chân lý, những gì người khác nghĩ là sai lầm. Do tư tưởng không hợp nhau nên sanh ra tranh luận, thù hằn lẫn nhau. Cho đến trong gia đình, cha con, chồng vợ không thuận nhau. Cha và con không cảm thông nhau thì tình thân bị suy giảm, đó chỉ do tư tưởng bất đồng mà ra. Như hiện nay những vị sáu bảy mươi tuổi được những người trước huân tập một số kiến thức, đến các con cháu chúng ta sau này được thầy bạn, xã hội huân tập những kiến thức mới. Do vì huân tập ở hai môi trường khác nhau, nên các kiến thức khác nhau, làm sao bảo các con giống cha mẹ được. Nếu đòi hỏi sự giống nhau là tham lam và không hợp lý. Đòi hỏi không được, sanh ra tức giận buồn phiền rồi đau khổ. Cái thật của con cháu hồi năm mười tuổi giống như cái thật của cha mẹ hồi năm mười tuổi. Cái thật ấy chẳng những cha con giống nhau mà tất cả người trong thiên hạ đều giống nhau. Các kiến thức thâm nhập do học hỏi cũng chỉ là vay mượn của người chung quanh, chớ không phải thật của mình. Ví như có người vừa vay được năm bảy ngàn rồi tự xưng là tôi giàu lắm. Với số tiền vừa mượn được của người kia làm sao dám tự hào là tôi giàu được! Cũng như vậy, các kiến thức do huân tập được không phải thật của mình mà chấp làm tâm mình, chúng ta đã mất tâm mình ngay lúc ấy. Chính vì chấp cái giả làm thật, nên chúng ta

không bao giờ biết cái thật được. Cái không phải là mình mà lầm chấp là mình thì không bao giờ biết được mình. Như vậy chúng ta đã mất mình một cách đáng thương. Hằng ngày chúng ta sống với sự vay mượn, vay mượn từ đất, nước, gió, lửa bên ngoài, đến vay mượn các kiến thức của thầy, bạn, xã hội. Chấp các vay mượn ấy là mình, trách gì không bị trôi lăn trong đường sanh tử! Các thứ vay mượn thì luôn luôn thay hình đổi dạng từ chỗ này đến chỗ kia, do đó luôn luôn biến chuyển, gọi là sanh diệt luân hồi.

Như vậy chúng ta thấy rõ chính từ cái lầm chấp thân này là thật, khởi tham những nhu cầu của thân, nên tranh giành những nhu cầu vật chất, làm tổn hại lẫn nhau, gây ra bao điều đau khổ. Kê đó chúng ta lầm chấp các kiến thức vay mượn là thật của mình, những tư tưởng của mình là đúng, của người là sai, ai cùng quan điểm thì thương, ai khác quan điểm thì ghét, gây ra bao điều tỵ hiềm đau khổ cho nhau. Do vì các kiến thức được luân tập trong mỗi hoàn cảnh, mỗi môi trường khác nhau, nên tuy đồng sống trong gia đình mà chồng không giống vợ, cha không giống con. Sự không đồng tư tưởng ấy dễ gây ra tức giận bực bội, buồn phiền rồi đau khổ. Như vậy chúng ta sống cả ngày trong đau khổ, từ trong gia đình đến ngoài xã hội, chỉ vì chấp tư tưởng của mình là đúng, tư tưởng của người là sai. Sự tranh chấp tư tưởng diễn ra từ cá nhân này đến cá nhân khác, từ nhóm người này đến nhóm người khác, từ xã hội này đến xã hội khác. Xét lại chỉ vì hai cái lầm về thân và tâm mà chúng ta tạo muôn ngàn khổ đau cho chúng ta và cho mọi người. Nếu hiểu được thân là vay mượn, kiến thức là vay mượn, có cái gì thật đâu mà chấp, thì mọi ý kiến bất đồng đều xả hết. Trong gia đình cha sẽ thuận với con, chồng sẽ hòa với vợ, tạo nên một cuộc sống an vui hạnh phúc. Chúng ta sống trong tình chân thật, không bị những cái bên ngoài gây ra những đau khổ giả tạo. Tuy giả tạo nhưng cái đau khổ ấy triền miên, kéo dài từ đời này sang đời khác và muôn ngàn đời sau nữa. Cái đau khổ ấy do đâu mà có? Chỉ vì chúng ta cố chấp nên đau khổ. Vì vậy nhà Phật chủ trương phá chấp, nghĩa là buông xả những tư tưởng sai biệt, những kiến chấp sai lầm. Khi buông xả được những thứ ấy, chúng ta được an ổn, vui vẻ như đức Phật Di Lặc cười suốt ngày vậy. Sở dĩ Ngài cười là vì Ngài không còn dính mắc vào cái gì nữa cả. Còn chúng ta bực tức với nhau là vì suy nghĩ không giống

nhau, ai cũng đòi hỏi người khác giống mình, nếu không được thì giận dữ thù địch nhau, tạo một cuộc đời đầy máu lửa cũng vì cái chấp đó.

Bởi thế chúng ta học đạo giác ngộ là thấy rõ lẽ thật nơi chúng ta, ngay nơi thân này, ngay nơi tâm này. Khi đã nhận ra lẽ thật rồi, tự nhiên chúng ta giải khổ cho mình và không tạo khổ cho người nữa.

Trong gia đình, vợ chồng hòa thuận, cha con thân thiết có phải là an vui hạnh phúc hay không? Việc buông xả các kiến chấp đâu có khó nhọc gì, đâu có đổ mồ hôi xót con mắt chi. Chỉ một chữ xả thôi mà chúng ta không chịu thực hành. Rốt cuộc chỉ vì si mê cố chấp mà chúng ta phải đau khổ. Như vậy làm sao dám tự xưng mình là thông minh trí tuệ? Trong sự giác ngộ của đạo Phật, người thông minh trí tuệ là người tìm đến lẽ thật và thấy rõ được lẽ thật, chớ không phải chỉ biết mang máng trên hình thức danh từ. Thấy được lẽ thật và sống đúng với lẽ thật, mọi đau khổ sẽ theo đó mà dứt. Cho nên các vị Bồ-tát, do dùng trí tuệ thấy đúng lẽ thật, các Ngài tu hành nhân nhã, không phải lạy Phật tụng kinh nhiều như chúng ta. Các Ngài đi từ nơi này đến nơi khác, làm những chuyện thông thường ở thế gian, không thấy tu hành nhọc nhằn chi cả mà các Ngài không đau khổ. Còn chúng ta, tu hành nhiều, tụng kinh lạy Phật thật nhiều mà vẫn không hết đau khổ! Tại sao? Tại vì chúng ta không đến với đạo bằng trí tuệ, bằng con đường giác ngộ, chúng ta đến với đạo chỉ bằng niềm tin. Tin Phật ban phước cứu rỗi, cho nên chúng ta đi chùa lễ Phật sám hối. Nếu Phật không ban những điều ta mong muốn cầu xin thì chúng ta mất niềm tin, không đi chùa nữa. Như vậy chúng ta tin mà không đúng với lẽ thật vì thiếu trí tuệ. Đi chùa học đạo như vậy chỉ thêm chuyện buồn phiền, không có ích lợi gì. Người hiểu đạo Phật phải đến với đạo bằng trí tuệ, bằng con đường giác ngộ. Khi thấy được lẽ thật do Phật chỉ rồi, chúng ta mới thấy giá trị cao siêu của đạo. Khi ấy, dù ai nói gì cũng mặc, chúng ta không chán, không bỏ đạo.

Nếu đi chùa lễ Phật để cầu xin những điều mình mong muốn, ấy là vì lòng tham. Nếu lời cầu xin được mãn nguyện, chúng ta cầu xin thêm nữa, như thế chỉ thêm lớn lòng tham. Nếu lời cầu xin không được thỏa mãn, chúng ta sanh buồn nản chẳng thiết đến chùa nữa. Chúng ta không biết

rằng lời cầu xin được thành tựu hay không là tùy theo phước đức của mỗi người. Ví như có người cha ghiền á phiện, người con thương cha lắm, mang hương hoa lễ vật vào chùa xin thầy Trụ trì cầu nguyện cho cha hết bệnh ghiền, như vậy có được không? Thầy Trụ trì có dám nhận lời hay không? Thầy phải giảng rõ cho người con biết: "Bệnh ghiền là do hồi xưa ba con tập hút, lâu ngày thành quen. Giờ đây ba con phải tỉnh giác, biết rõ ghiền á phiện là tai họa cho mình và cho những người chung quanh. Do hiểu như vậy ba con mới cố gắng bỏ hút. Hết bệnh hay không là tự nơi ba con, chứ thầy không thể cầu nguyện cho ba con hết ghiền được. Lời cầu nguyện của con có linh nghiệm chăng là do lòng thành của con cảm hóa được ba con". Người cha, vì thấy con thương mình nên cảm động tội nghiệp nó, rồi cố gắng không hút nữa. Cho nên các thầy cầu nguyện là chỉ giúp trợ duyên cho Phật tử có tâm thành làm cảm động người thân của mình thôi, chứ Phật tử không nên y lại hoàn toàn vào các thầy. Hiểu rõ như vậy việc làm của mình mới có giá trị, mới đầy đủ ý nghĩa. Nếu không, thì việc làm của mình bị sai lệch vô nghĩa, còn gọi là mê tín dị đoan v.v... Vì vậy người Phật tử chân chánh phải đi đến đạo Phật bằng trí tuệ và giác ngộ.

Nói như thế, sẽ có người nạn vấn rằng: Trong kinh Hoa Nghiêm có câu "Tín vi đạo nguyên công đức mẫu v.v...", nghĩa là tin là nguồn của đạo, là mẹ của tất cả công đức. Tại sao chúng ta phải vào đạo bằng trí tuệ, không bằng niềm tin? Chữ tin trong đạo Phật là tin sau khi trí tuệ đã nhận xét đúng. Ví như chúng tôi nói thân này là giả, tư tưởng là vay mượn, quý vị phải nhận xét xem có phải thân này là giả, tư tưởng là vay mượn hay không? Sau khi nhận xét suy nghĩ thấy đúng, quý vị mới tin, tin đó là tin bằng trí tuệ. Cho nên nghe rồi phải suy nghĩ, suy nghĩ rồi mới tin, sau khi tin rồi mới thực hành. Trong nhà Phật gọi đó là Văn, Tư, Tu. Vì vậy niềm tin đó là mẹ của công đức, là cội gốc của đạo. Nếu nghe đâu tin đó, không hiểu chi hết, đó là mê tín, là sai lầm.

Như thế chúng ta đã hiểu phải tu như thế nào rồi, tức là phải thấy đúng sự thật mới dẹp được si mê về thân và tâm. Nhưng nếu có vị hỏi: Nếu thân này là giả, tâm này là giả, thì mình không có cái gì hết sao? Tu mà không có cái gì hết, biết làm sao mà tu? Trong kinh Phật mật sát thân này là vô thường, là bất tịnh, là giả dối, là đau khổ, mà cũng

trong kinh Phật nói: "Mọi người chúng ta đều có Pháp thân, có Phật tánh, có hòn ngọc vô giá". Nghĩa là qua cái giả kia, mọi người đều có Pháp thân bất sanh bất diệt, mọi người đều có Phật tánh trường tồn, mọi người đều có một hột châu quý vô giá. Nghe như vậy chúng ta sẽ hết bi quan, vì Phật đã khen ngợi chúng ta có sẵn của quý. Nhưng của quý đó ở đâu, và làm sao biết được?

Đó là chúng tôi đang nói thiên với quý vị. Tại sao vậy? Bởi vì thiên là một phương pháp tu để thấy được lẽ thật nơi con người. Thấy được nơi con người những cái gì giả biết là giả, những cái gì thật biết là thật. Cho nên chủ trương của Thiên tông là Kiến tánh. Tánh là gì? Là Phật tánh, là Pháp thân, là hòn ngọc vô giá. Kiến tánh là thấy được bản tánh, hay là Phật tánh của chính mình. Sau khi biết rõ cái giả rồi, chúng ta không còn bị mê lầm nữa. Bây giờ chúng ta mới bước qua tìm cái thật. Nhận ra cái thật, chúng ta không còn bị cái giả lôi cuốn vào đường sanh tử. Nhận ra cái thật, chúng ta sống an nhàn tự tại trong cái bất sanh bất diệt, tức là Phật tánh, là Pháp thân, là hòn ngọc báu vô giá vậy.

Thế nên chủ yếu của đạo Phật hay chủ yếu của Thiên tông là phải tu bằng trí tuệ, chứ không phải tu bằng cái mờ mịt. Nếu tu thiên bằng lối điểm đạo hay xuất hồn là không phải tu thiên theo đạo Phật. Tu thiên theo đạo Phật là tu bằng trí tuệ, thấy được cái thật nơi con người và sống trở về cái chân thật đó. Như vậy thiên và Phật dạy có khác nhau không? Học thiên là học tất cả những gì Phật dạy trong kinh, biết cái nào là giả thì loại ra, không để nó lôi cuốn mình nữa, biết cái nào là thật thì hằng sống với cái chân thật đó.

Từ trước đến đây, quý vị thấy chúng tôi đã nói thiên chưa? Chỉ cho quý vị thấy thân này là giả, là vay mượn. Chỉ cho quý vị thấy những suy nghĩ, tư tưởng là giả, là vay mượn, đó là nói tu thiên rồi. Chỉ cái giả để biết nhận ra nó, nhưng cái thật thì làm sao chỉ cho quý vị đây? Có những người thắc mắc "Cái gì là Phật tánh? Phật tánh ở chỗ nào?". Chắc ai cũng băn khoăn muốn hiểu điều đó. Nhưng chúng tôi sẽ trả lời rằng: "Câu hỏi đó đã trật rồi!". Vừa hỏi "làm sao biết Phật tánh" và yêu cầu chỉ cho biết Phật tánh ở chỗ nào, thì câu hỏi đó là sai. Người đặt câu hỏi đó là người đã lầm. Tại sao? Nếu quý vị hỏi bình bông, chậu bông ở chỗ nào, cái bàn, cái quạt ở chỗ nào, chúng tôi chỉ

được. Nhưng nếu quý vị hỏi không khí chúng ta đang thở ở chỗ nào, chúng tôi phải trả lời làm sao? Câu hỏi đó đúng hay sai? Thế là chúng ta đã lầm. Vì không khí không có hình tướng, làm sao đặt chỗ nơi? Phàm cái gì có hình tướng, có vị trí, cái ấy mình mới chỉ được. Cái gì không hình tướng, không vị trí làm sao chỉ được? Nếu câu hỏi đã sai mà chúng tôi cố gắng chỉ, thì cũng sai luôn. Thế nên phải hiểu rõ ý nghĩa không đặt câu hỏi. Khi câu hỏi đúng, chúng ta mới trả lời được, nếu câu hỏi sai làm sao đáp được!

Quý vị bảo chúng tôi chỉ Phật tánh, chẳng khác nào quý vị bảo chúng tôi chỉ không khí ở chỗ nào. Song thử hỏi có không khí hay không. Nếu không có không khí thì chúng ta tắt thở hết rồi, thừa phải vậy không? Chúng ta sống trong không khí, đang thở không khí ấy, mà bảo chỉ nó, chúng ta không làm sao chỉ được. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là quý vị muốn thấy Phật tánh, muốn thấy đạo, nhưng xin hỏi lại: "Quý vị muốn thấy Phật tánh của ai? Của mình hay của người khác?". Nếu muốn thấy Phật tánh của mình thì nó là mình, mình làm sao thấy được mình. Nếu mình thấy Phật tánh thì nó là cái bị thấy, ngoài mình phải vậy không? Chính vì vậy mà đại đa số chúng ta hay lầm lẫn câu hỏi không có ý nghĩa này, mà tưởng là một câu hỏi hết sức có ý nghĩa. Bởi vì chúng ta đã quên chúng ta. Phật tánh là cái chân thật của chính mình, chúng ta quên, lại muốn tìm nó ở bên ngoài. Cho nên bảo chỉ và muốn thấy Phật tánh, làm sao chỉ được, làm sao thấy Phật tánh được. Như chúng ta có mắt, chúng ta muốn thấy con mắt sáng, con mắt mình muốn thấy con mắt mình, được hay không? Con mắt chỉ có khả năng thấy bên ngoài, làm sao nó thấy được chính nó? Nếu muốn thấy được con mắt, phải qua cái gương. Nhờ cái gương mình thấy được con mắt, là mình thấy được cái bóng của con mắt thôi, mình đâu thấy con mắt thật được, nếu thấy thì con mắt thật là cái bị thấy rồi. Đòi hỏi thấy con mắt thật là đúng hay sai? Thế mà đại đa số người học đạo hiện nay muốn thấy đạo, muốn thấy Phật tánh. Cái muốn đó là cái muốn sai lầm, nghĩa là càng tìm thì càng xa, càng muốn thấy thì càng không thấy.

Học thiền không phải như thế. Các Thiền sư không bao giờ đáp lại những câu hỏi sai lầm ấy. Đưa những câu hỏi đó ra, chúng ta liền bị đánh, bị hét, chớ không bao giờ được trả lời. Tại sao? Vì

câu hỏi đã sai lầm mà trả lời thì càng sai lầm. Cho nên những câu hỏi đó chỉ đáng được đánh một cái hay nạt một tiếng, người hỏi giật mình nhớ lại: "Á, mình hỏi lầm rồi!". Như vậy mình khả dĩ mới thấy được mình. Có người không hiểu cách trả lời ấy nên nói: "Vì sao các Thiền sư dữ quá, hỏi không chịu trả lời, còn đánh còn nạt?". Vì câu hỏi lầm mà không đánh không nạt, đến bao giờ người hỏi thấy được cái thật ở mình. Những thủ thuật ấy rất là đặc biệt, rất là lạ lùng, người ngoài không bao giờ biết được.

Cho nên người tu thiền hay những thiền sư là những người chuộng sự thật một cách tột cùng, đảo đẽ, không bao giờ các Ngài giải thích rườm rà như chúng ta. Các Ngài chỉ muốn chỉ cho chúng ta những lẽ thật, không muốn dẫn chúng ta lạc trong rừng ngôn ngữ văn tự. Nhưng đại đa số chúng ta hiện giờ học Phật là đi trong rừng ngôn ngữ văn tự, cứ tâm chương trích cú, giải nghĩa qua, giải nghĩa lại, rốt cuộc không biết chi hết. Học từ "Phật tánh" thì cắt nghĩa chữ "Phật" là sao, chữ "tánh" là sao. Loanh quanh lẫn lộn trong chữ nghĩa hoài, không biết Phật tánh là cái gì, càng học lại càng xa sự thật.

Các Thiền sư thì không như vậy. Ví như trường hợp của tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền, lúc Ngài ở trong hội của thiền sư Hy Vận tại núi Hoàng Bá. Ở đấy mấy năm trời mà Ngài không hỏi một câu nào. Một hôm thầy quản chúng thấy thương, nhắc: "Sao huynh không lên hỏi Hòa thượng đạo lý?" - "Dạ thưa, tôi không biết hỏi gì" - "Lên hỏi Hòa thượng: Thế nào là đại ý Phật pháp?" Nghe xong, Ngài mừng quá, liền y hậu chỉnh tề lên hỏi: "Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?" Câu hỏi quả là hay, lý đáng được giải thích rõ ràng đại ý Phật pháp là gì. Nhưng tổ Hoàng Bá chỉ cầm gậy đập cho ba gậy, đập xong đuổi xuống. Ngài Lâm Tế thất vọng vô cùng, còn lòng dạ nào đi hỏi nữa. Như vậy đại ý Phật pháp là gì? Thật là mù mịt! Thầy quản chúng hỏi thăm.

Ngài trả lời: "Tôi hỏi xong, Hòa thượng liền đánh, không có lời dạy nào." Thầy quản chúng bảo: "Ngày mai đi hỏi nữa đi!" Ngài nghe lời, hôm sau y hậu đàng hoàng đến hỏi tổ Hoàng Bá: "Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?" Tổ lại đập Ngài ba gậy nữa. Như thế thật là tàn nhẫn, Ngài không còn lòng dạ nào đi hỏi nữa. Nhưng thầy quản chúng vẫn bảo: "Nên đi hỏi nữa đi" Lần

thứ ba, y hậu chinh tề, Ngài đến hỏi Tỏ: "Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?" Ngài bị đập cho ba gậy xong, đuối xuống. Nản chí vô cùng, không biết nói gì hơn, Ngài khóc rồi sửa soạn hành lý để ra đi. Thầy quản chúng thấy vậy hỏi: "Hòa thượng trả lời câu hỏi của ông như thế nào?" Ngài thưa: "Con không có nhân duyên ở đây, ba lần hỏi Hòa thượng, ba lần ăn đòn. Con tự buồn không lãnh hội được thâm chỉ. Nay xin từ giã thầy ra đi." Thầy quản chúng bảo: "Nếu khi ông đi, nên đến từ giã Hòa thượng rồi đi." Thầy quản chúng đến thất Hòa thượng trước và thưa rằng: "Ông Lâm Tế Nghĩa Huyền là người có khả năng, sau này sẽ làm lợi ích cho Phật pháp. Hòa thượng răn tìm cách độ ông ấy." Ngài Hoàng Bá chỉ cười không nói gì. Hôm sau Ngài Lâm Tế lên từ giã Hòa thượng: "Con không có duyên ở đây, cho nên con không hiểu, nay con xin đi." Ngài Hoàng Bá bảo: "Thôi ngươi qua chỗ Đại Ngu, ông ấy sẽ nói cho." Nghe lời Hòa thượng chỉ, Lâm Tế lên đường qua đến chỗ Đại Ngu. (Đại Ngu là đệ tử của Qui Tông, Qui Tông là đệ tử của Mã Tổ Đạo Nhất, cũng như Hoàng Bá là đệ tử của Bách Trượng, Bách Trượng là đệ tử của Mã tổ Đạo Nhất). Ngài Đại Ngu hỏi Lâm Tế:

- Ông ở đâu đến?

- Dạ con ở Hoàng Bá đến.

Ngài hỏi:

- Hoàng Bá dạy ông cái gì?

- Con ba lần hỏi đại ý Phật pháp, mỗi lần hỏi chỉ được ăn đòn, không biết con có lỗi hay không lỗi?

Nghe như vậy, ngài Đại Ngu nói:

- Hoàng Bá thật là đại từ bi, đã chỉ tội cùng cho ngươi, mà ngươi còn nói có lỗi, không lỗi.

Vừa nghe tới đó, Lâm Tế liền ngộ, và la lên:

- Thế là Phật pháp của Hoàng Bá rất ít.

Đại Ngu bảo:

- Vừa rồi ông nói có lỗi, không lỗi, giờ đây ông thấy cái gì mà nói Phật pháp của Hoàng Bá rất ít?

Lâm Tế liền thoi vào sườn Đại Ngu một cái. Đại Ngu nói:

- Thầy ngươi là Hoàng Bá, thôi về đi!

Thế là Lâm Tế ngộ đạo làm Tỏ.

Như vậy quý vị thấy, có giảng gì về đại ý Phật pháp hay không? Tại sao ba lần hỏi đều bị đánh mà nói là đại từ đại bi? Những người học Phật đọc tới những chỗ này, cũng đành xếp lại. Thầy trò dạy nhau cái gì không hiểu chi hết. Nhưng khi hiểu rồi mới thấy ngài Hoàng Bá thật là đại từ đại bi. Quý vị có nhận là ngài Hoàng Bá đại từ đại bi không? Nếu không phải ba lần bị đánh như vậy, thì Lâm Tế không thể ngộ một cách dễ dàng, trong câu nói nhẹ nhàng của ngài Đại Ngu.

Ở đây chúng tôi gọi đó là diệu thuật của nhà thiền. Trong nhà thiền có những diệu thuật mà người thế gian không bao giờ tưởng tượng được. Cách nói nghịch trong nhà thiền là không giải thích, mà chỉ dồn người học trò tới chỗ bế tắc đau khổ, người khác khơi lại một cách nhẹ nhàng khiến người học trò liền ngộ, và cái ngộ ấy không bao giờ bị quên. Nếu thầy giảng thao thao bất tuyệt thì người học trò quên hết, chẳng còn nhớ chi cả. Cho nên thuật dạy của Thiền sư là cái thuật quá tầm vóc của cái bình thường. Khi ngài Hoàng Bá dồn Lâm Tế vào ngõ bí bằng ba lần đánh, thì Lâm Tế buồn khóc đau đớn và trong đầu nặng trĩu câu hỏi: "Không biết có lỗi gì mà bị đánh. Không hiểu câu hỏi như vậy mà lỗi tại chỗ nào?" Khi đến ngài Đại Ngu, Đại Ngu liền bảo: "Hoàng Bá như vậy là chỉ chỗ tốt cùng cho ngươi rồi, mà ngươi còn nghĩ có lỗi không lỗi!" Khi nghe đến câu "Còn nghĩ có lỗi không lỗi", Lâm Tế liền thấy chỗ sơ sót lầm lẫn của mình và thấy chỗ chỉ của ngài Hoàng Bá, nên bừng ngộ. Ngộ rồi, từ đó về sau, có thể đến chết, Lâm Tế cũng không quên cái ngộ của mình, và sống luôn luôn với chỗ mình thấy. Như vậy đánh ba lần không phải đại từ bi là gì?

Ngày nay chúng ta nuôi học trò hai ba mươi năm, ăn hết cơm của thí chủ và giảng khô cả cổ, mà học trò chẳng ngộ chi hết. Như vậy mình đâu có đại từ bi. Chỉ cần ba lần đánh liền được ngộ, ngộ rồi không quên, chẳng gọi đại từ bi là gì? Nhưng cái thuật trong nhà thiền đó, phải là các tay cao thủ mới làm nổi, người tầm thường như chúng ta khó mà làm được. Hiện nay chúng ta thử thí nghiệm: Một thầy giáo dạy học trò, cho một bài toán khó mà không giải, chỉ gợi ý mà thôi, rồi dồn học trò tới chỗ bí, lâu lâu lại gợi ý. Sau khi đưa học trò tìm kiếm đến đau đầu mà không tìm ra giải đáp, bất thần thầy gợi thêm một ý nhỏ, đưa học trò

chợt sáng ra, cái sáng như vậy mới chính là của nó, nó sẽ nhớ hoài không quên bài toán đó. Nếu thầy giảng thao thao bất tuyệt cho học trò nghe, lời giảng đó toàn là của thầy, không có cái gì của trò hết. Như vậy người học trò không bao giờ giỏi được.

Các Tổ khéo léo dùng diệu thuật đưa người ta đến chỗ chết, chết rồi sống lại, đó mới là cái thật. Nếu hiểu như vậy, chúng ta mới thấy tài và khả năng của các thiền sư. Không phải các ngài bạc bẽo, vô tình, ác độc; chính vì lòng thương các ngài muốn người học ngộ đạo một cách tốt cùng và không bao giờ quên. Cũng vậy, những việc nào chúng ta nhớ suốt đời là những sự việc làm cho chúng ta đau khổ, điên đảo cả tháng năm. Khi giải quyết được vấn đề đó, chúng ta nhớ đời đời không bao giờ quên. Việc gì khi hỏi, được đáp dễ dàng, cũng dễ bị lãng quên. Như vậy chúng tôi cần nói gì về lối giải và chỗ ngộ của ngài Lâm Tế hay không? Có nói hay không nói, quý vị nghe rồi tự hiểu, vì chính chỗ đó là diệu thuật trong nhà thiền.

Nhưng những diệu thuật được ứng dụng trong nhà thiền cũng tùy theo thời. Như hiện giờ chúng tôi chủ trương dạy thiền, tại sao chúng tôi phải giảng hoài như vậy? Nếu có Tăng Ni hay cư sĩ đến hỏi chúng tôi: "Thế nào là đại ý của thiền?" hay "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" chúng tôi liền đánh, vị ấy sẽ nghĩ thế nào về chúng tôi? Khi ra về, vị ấy sẽ nghĩ: Mình hỏi đại ý Phật pháp mà thầy đánh mình. À, chắc ông thầy đó điên rồi, chắc tu thiền điên rồi, thôi sau đừng tới ông ấy nữa. Nếu chúng tôi tiếp tục đánh thêm vài người khác nữa, khi được hỏi về thiền, chắc chắn chúng tôi sẽ mang tiếng suốt đời, vì không ai hiểu được chúng tôi, và chúng tôi cũng không độ được ai. Nhưng tại sao ngài Hoàng Bá dùng thuật đánh mà độ tử ngộ? Là vì có những bạn đồng hành hiểu mình và làm như mình. Khi nghe người đệ tử bị đánh, vị kia biết, liền gọi đúng chỗ để người đệ tử ngộ. Hiện nay thiếu người đồng hành, người cảm thông với mình, nếu chúng tôi dùng thuật đánh hết để dạy thiền thì sẽ bị xuyên tạc ngay. Nhất là thời nay, chúng ta bị ám ảnh tu thiền điên. Vì vậy khi dạy thiền, trái lại chúng tôi giảng kinh. Vì hoàn cảnh chúng tôi phải làm như vậy. Nhờ giảng kinh dễ hiểu, khả dĩ quý vị còn tu được, còn tin rằng chúng tôi dạy đúng. Nếu chúng tôi đánh hoặc hét thì quý vị nói chúng tôi điên, làm sao chúng tôi dạy được. Hiểu như vậy

quý vị mới thấy chỗ quan trọng, chỗ thiết yếu của sự giảng dạy hay sự hướng dẫn người tu.

Người tu thiền là gì? Tức là người giác ngộ, hoặc giác ngộ từng phần, hoặc giác ngộ toàn diện, hay nói cách khác là giác ngộ cục bộ và giác ngộ toàn bộ. Giác ngộ từng phần là giải ngộ, giác ngộ toàn phần là đại ngộ.

Người học thiền nhận biết thân này là hư giả, vọng tưởng là hư giả. Biết cái ngã hư giả không thật, tức là biết lý vô ngã Phật đã dạy trong kinh điển. Chúng tôi nói thiền là nói đạo Phật, không thể tách rời Phật và thiền. Trong kinh thường nói: Kinh là miệng của Phật, thiền là tâm của Phật; tâm và miệng của Phật không hai, không khác. Những gì Phật nói ra là từ tâm của Ngài nghĩ, thì thiền và kinh làm sao hai được. Có người không hiểu những chỗ đặc biệt trong nhà thiền, coi đó là những hiện tượng quái lạ, bảo rằng thiền có cái gì cách biệt khác hơn kinh, nhưng hiểu cho thấu đáo rồi, chúng ta sẽ thấy kinh và thiền thật là không hai. Phật giác ngộ thành Phật là nhân tu thiền, cho đến chư Tổ cũng nhân tu thiền mà được giác ngộ. Như vậy, chúng ta đi đường của Phật, chớ đâu có đường thứ hai, thứ ba nào khác. Đó là một lẽ thật, mà nhiều người không hiểu, nói rằng tu thiền điên, tu thiền lạc v.v... Thật ra vì chúng ta hiểu thiền một cách mơ hồ. Ngồi yên cầu nguyện cho điện trên trời xuống, hoặc ngồi cho hồn bay lên trời, hoặc hít hơi thở vô trụ ở đôn điền cho bụng lớn ra... Tất cả những phương pháp ấy đều nói là tu thiền, quả thật chưa biết thế nào là tu thiền. Theo đúng tinh thần thiền của đạo Phật là dùng trí tuệ thấy được lẽ thật: bản thân và vọng tưởng là giả dối. Thấy được lẽ thật ấy rồi, mới buông xả được lòng tham chấp và tâm sân hận. Khi buông xả được những cái ấy, tâm được thanh tịnh, tỉnh giác thấy được cái chân thật của chính mình, mới giải thoát được sanh tử. Như vậy chúng ta tu thiền là thấy được con đường đi do trí tuệ sáng suốt hướng dẫn, chớ không phải những gì mập mờ huyền ảo. Thấy được lẽ thật và đạt được lẽ thật đó, là chủ yếu của tu thiền. Nhưng chúng tôi giảng chỉ là lý thuyết, về thực hành là phần riêng của quý vị. Quý vị nhận xét hàng ngày, ứng dụng pháp tu, đó là công phu của quý vị.

Chúng tôi nói rõ ràng, chẳng những chúng tôi giảng như vậy, mà tất cả thiền sư dạy thiền cũng thấy như vậy và giảng nói như vậy. Đây chúng tôi

xin dẫn chứng bài kệ của một thiền sư quen thuộc với chúng ta nhất, Thiền sư Vạn Hạnh ở đầu nhà Lý. Bài kệ có bốn câu chữ Hán:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vo
Vạn mộc xuân vinh thu hựu kho?
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

(*Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cỏ xuân tươi, thu nhuốm hồng
Mặc cuộc thịnh suy, đừng sợ hãi
Thịnh suy như cỏ hạt sương đông.*)

Nhìn về thân thì thân này như bóng, như chớp, không thật, có đó rồi mất đó. Cũng như cây cỏ bên ngoài, mùa xuân tươi tốt, mùa thu héo tàn. Thế thì thân, cảnh và cuộc đời mặc nó trôi qua. Hoặc suy hoặc thịnh, hoặc tốt hoặc xấu đều không quan trọng, đều không sợ hãi. Nếu thấy cuộc đời là giả tạm thì có gì đâu sợ hãi. Tại sao? Vì những cái thịnh suy của cuộc đời khác nào như hạt sương đọng ở đầu ngọn cỏ. Hiểu như vậy, thấy như vậy là đúng tinh thần thiền.

Thiền sư Viên Chiếu giữa đời Lý cũng có bài kệ tương tự như sau:

Thân như tường bích dĩ đời thì
Cử thể thông thông thực bất bị,
Nhược đạt tâm không vô sắc tướng
Sắc không ẩn hiện nhậm suy di.

(*Thân như tường vách đã lung lay
Đau đầu người đời luống xót thay
Nếu đạt tâm không, không tướng sắc
Sắc không ẩn hiện mặc vẫn xoay.*)

Thân người như tường vách, đã tới lúc suy sụp thì cả thể gian người đời ai ai cũng đều lo sầu thảm não. Nếu đến chỗ tâm vọng tưởng đã lặng thì không còn sắc tướng nữa. Chừng đó hoặc sắc hoặc không mặc nó ẩn hiện, có gì là lo buồn.

Chúng ta thấy rõ thiền sư nào cũng thấy thân này là giả dối, tạm bợ, không có chân thật. Hiểu như vậy, thấy như vậy rồi, đối với cuộc đời, đối với sự sống, các ngài an lành tự tại. Khi sống với thân này thì không chấp vào nó, khi thân này sắp hoại thì cười chơi, chớ không than khóc. Tại sao khi thân sắp hoại lại than khóc? Vì sợ nó mất. Thân đã là giả thì mất đâu có quan trọng gì. Sở dĩ chúng ta thấy nó quan trọng vì tưởng nó là thật.

Thân như bóng như bọt, có gì quan trọng đâu! Vì vậy chúng ta sống không khổ vì thân, chết cũng không bị thân làm khổ. Như thế không phải tự do tự tại là gì?

Người an lành tự tại là người biết tu thiền. Như ngài Từ Minh, dòng Lâm Tế, đã nói "Sanh như đắp chăn đông, tử như cởi áo hạ". Mình sanh ra cũng như mùa đông được đắp chiếc chăn ấm vậy. Mình có chết đi chẳng khác nào như mùa hạ cởi áo cho khỏi nóng vậy, có gì đâu là quan trọng. Hiểu như thế thì sanh tử tự tại, không còn sợ hãi cái chết, không còn đau khổ nữa. Cho nên đạo Phật cứu khổ hay giải thoát cho con người là chỉ cho chúng ta thấy lẽ thật bằng trí tuệ. Có trí tuệ rồi mới hết khổ. Đó là chủ yếu của đạo Phật, cũng là chủ yếu của Thiền tông.

Quý vị hiểu những điều chúng tôi nói, biết thân này là giả, do vay mượn tứ đại bên ngoài, biết tâm suy nghĩ tưởng tượng là giả, do vay mượn các kiến thức bên ngoài. Hiểu biết như vậy, quý vị sẽ buông xả từ từ, không chấp thân tứ đại và tâm vọng tưởng, đó là quý vị biết tu thiền rồi.

Kính thưa quý vị, hôm nay chúng tôi chỉ đưa quý vị "Vào Cổng Nhà Thiền", chúng tôi chưa dẫn "Vào Cửa Không" và chưa "Chỉ Ông Chủ". Muốn vào cửa và thấy Ông Chủ chắc đòi hỏi nhiều thời gian nữa. Giới thiệu cho quý vị tới cổng, đó là bốn phần chính trong bài giảng hôm nay của chúng tôi.

KHAI THỊ BẰNG CÁCH THỜI LÔNG TRÊN ÁO

Thị giả Hội Thông đến từ giả sư Đạo Lâm (741-824) để đi các nơi tìm học Phật Pháp. Sư nói: "*Nếu người muốn hỏi Phật Pháp thì ta cũng có chút ít.*"

- *Thế nào là Phật Pháp của Hòa Thượng?*

Sư bứt sợi vải trên áo mà thổi. Hội Thông liền tỏ ngộ.

(Cửa giác ngộ ở chính tự thân mỗi người, đâu cần phải bên ba tìm kiếm bên ngoài)

CHỈ VÌ RẤT GẦN

Tăng hỏi thiền sư Huyền Sa Sư Bị (835-908):

"*Là cái gì, sao lại khó thấy như thế?*"

- *Chỉ vì rất gần*

(Thiền pháp chính là nơi tự thân mỗi người chứ không phải việc xa xôi)

Những Mối Nghi Thông Thường Về Tịnh Độ

HT Thiền Tâm

Các điều không tin, lậm dụng và kém nhận thức như trên, còn thuộc về phương diện đứng bên ngoài mà nhìn vào cửa Tịnh Độ. Nơi đây xin đề cập đến những kẻ thật ý muốn tu, hoặc đã nhập môn. Có nhiều người thật tâm muốn niệm Phật, hoặc đã từng hành trì rồi, nhưng vì sự học hiểu về giáo lý còn kém, nên khi nghe kẻ khác biện luận bài bác, liền khởi lòng nghi. Những mối nghi đó rất nhiều, nay chỉ nêu ra ba điểm phổ thông mà lắm người thường vướng phải. Mấy điểm ấy đại khái như: nghi Cực Lạc là quyền thuyết, nghi pháp môn tu chứng quá dễ, nghi mình kém duyên phước khó vãng sanh. Xin giải thích đại lược như sau:

* 1- Có kẻ thấy trong kinh điển tả cảnh Tịnh Độ quá trang nghiêm, bỗng sanh niệm nghi rằng: - Cõi Cực Lạc là quyền tiện của Phật nói ra để cho người hâm mộ gắng tu làm lành lánh dữ, đại khái như thuyết thiên đường, hỏa ngục hay cảnh Bồng Lai, để thưởng thiện phạt ác của các giáo phái khác. Làm gì có một thế giới từ đất đai, cây cối, lầu các đều bằng thất bảo như: vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não hợp thành? Lại còn thân người bằng chất ngọc nhuyễn kim cương, hóa sanh từ hoa sen không có già bệnh chết, các thức ăn mặc trân quý đều tùy ý niệm hiện ra? Như thế toàn là những chuyện đầu đầu, xa với thật tế hiện thấy trước mắt, làm sao tin được?

- Để giải thích điều này, xin đáp: - Những ý nghĩ đó đều còn cuộc hạn theo sự nghe thấy của tai mắt phàm tình. Người muốn học Phật không nên đem trí phàm phu mà suy lường cảnh thánh. Đừng nói đâu xa, ngay ở Việt Nam ta, khi cụ Phan Thanh Giản đi sứ sang Pháp trở về thuật lại, nói bên ấy đèn không đốt mà cháy, xe thuyền không ngựa kéo người bơi mà tự chạy. Cụ có vịnh hai câu thi:

Bá ban xảo kế tề thiên địa.
Duy hữu tử sanh tạo hóa quyền!

Hai câu này ngụ ý khen người Pháp trăm việc hay khéo sánh bằng trời đất, duy có sự sống chết là còn thuộc quyền tạo hóa định đoạt mà thôi! Vua Tự Đức và triều thần nghe nói thế đều không tin. Đến như ông Nguyễn Tri Phương là chỗ bạn thân, cũng mỉm cười cho là cụ Phan đi xa về nói khoác.

Thử hỏi: - Vua Tự Đức cùng triều thần đều tự nhận mình là người học thức, cho sự việc đó tai không nghe, mắt không thấy, vượt quá sức tưởng tượng, nên không tin. Nhưng các điều ấy quả thật không có chăng? Lấy một việc nhỏ này suy ra, ta thấy nếu đem những định kiến theo tai nghe mắt thấy và sự tưởng nghĩ phàm thường mà đo lường cảnh thánh đều thành sai lạc. Hơn nữa, nếu không có Phật A Di Đà tiếp dẫn, tại sao nhiều người niệm Phật khi sắp chết biết trước ngày giờ, thấy các cảnh tượng Tây Phương, cùng Phật, Bồ Tát hiện thân đón rước? Nếu cõi Cực Lạc là hư huyền, tại sao có những vị tu Tịnh Độ trong lúc hiện tiền bỗng được tâm khai thấy rõ ràng cảnh Tây Phương trang nghiêm y như lời Phật nói? Đệ tử của Phật hay người muốn học Phật mà không lấy lời Phật dạy trong kinh làm mực thước, thử hỏi còn lấy chi để làm chỗ tựa nương? Cho nên do theo Thánh Ngôn Lượng và Hiện Chứng Lượng (cách suy lường dựa theo lời Phật nói và sự hiện chứng của người tu), ta phải tin rằng những sự trang nghiêm ở Cực Lạc đều có thật.

* 2- Có người nghe nói pháp môn Tịnh Độ hành trì giản dị mà được kết quả rất mau chóng cao siêu, thì nghi ngờ rằng: - Đâu lại có phương pháp thành Phật quá dễ dàng như thế? Bởi đường lối thường thức của các môn tu là Chi và Quán. Khi hạ thủ dụng công, trước tu Chi, kế tiếp Quán; hoặc trước tu Quán, kế tiếp Chi. Lần lần tiến đến "trong Quán có Chi, trong Chi có Quán." Khi tới trình độ "Chi Quán không hai, định huệ tịch chiếu" mới gọi là bước vào cảnh giới tự tâm. Rồi từ đó về sau, nếu mỗi đời đều tiếp tục tinh tấn tu hành, theo như trong kinh luận nói, phải trải qua một muôn đại kiếp mới lên ngôi Bất Thối Chuyển. Tại sao chỉ niệm một câu Phật hiệu, ngay trong đời này lại được vãng sanh lên ngôi Bất Thối, há chẳng phải là quá dễ dàng ư?

Đề cập đến nghi vấn này, chúng ta nên biết tu các pháp môn khác chỉ hoàn toàn nương nơi tự lực, cho nên phải khó. Riêng đường lối Tịnh Độ có hai năng lực, là tự tâm lực và Phật tiếp dẫn lực, nên sự thành công rất dễ. Ví như một người chân yếu, muốn tự mình lên tận đỉnh núi cao là điều rất khó. Nhưng nếu kẻ ấy được một vị đại lực sĩ khoác cánh tay phăng phăng đưa bước tiến lên, thì kết quả đăng phong nào có khó chi! Về môn Tịnh Độ cũng thế, khi ta chuyên tâm niệm Phật tức là lúc tâm lực phát triển. Niệm đến một lòng không loạn,

là lúc tâm lực hoàn toàn hiện bày. Đang khi ấy nghiệp lực bị hàng phục không còn làm chướng ngại, lại được thêm Phật lực tiếp dẫn nên tuy nghiệp chưa trừ dứt, mà được vắng sanh. Khi sanh về Tây Phương

rồi, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, sự không thối chuyển cho đến khi thành Phật là một điều hiển nhiên dễ hiểu.

* 3- Có kẻ lại nghĩ rằng: Cảnh Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm vô lượng, chẳng phải dùng ít nhân duyên căn lành phước đức mà được sanh về. Nhìn gần lại mình, căn lành phước đức còn sơ bạc, nghiệp chướng lại nhiều, mong gì đời này được duyên tốt vắng sanh?

- Xin kính khuyên quý vị ngàn muôn lần chớ nên nghĩ như thế. Bởi khi các vị lần chuỗi niệm Phật được, là căn lành phước đức đã sâu dày rồi. Thử nghĩ lại xem, trên thế gian này biết bao nhiêu kẻ không nghe được danh hiệu Phật? Biết bao nhiêu người tuy nghe hồng danh đức A Di Đà, nhưng mãi đoạt lợi tranh danh, đeo đuổi theo các điều trần nhiễm, không chịu niệm Phật? Nay các vị đã được nghe Phật pháp và chí tâm niệm Phật, há không phải là có căn lành phước đức lớn đó ư? Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: "Nếu có chúng sanh nào nghe danh hiệu đức Phật kia, vui mừng khắp khởi, cho đến một niệm, nên biết kẻ ấy được lợi lớn, đã đầy đủ phước đức vô thượng." Lời này đủ chứng minh: biết niệm Phật tức là đã có nhiều phước đức căn lành rồi. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có dẫn sự tích những người phạm tội cực ác như Trương Thiện Hòa, Hùng Tuấn, Duy Cung và loài súc sanh như chim bát kha, anh vũ, chí tâm niệm Phật đều được vắng sanh. Phước đức căn lành của quý vị đã vượt xa hơn những người ác và loại súc sanh kia. Vậy cần chi phải e ngại là ngay trong đời này không được sanh về Cực Lạc

Những Mối Nghi Thiệp Lý

Ngoài ba điểm nghi phổ thông như trên, còn những mối nghi về Tịnh Độ quan thiệp tới đạo lý từ cạn đến sâu. Các điều nghi này rất nhiều, nay chỉ xin nêu ra các chi tiết quan trọng để giải thích, thể theo lối vấn đáp như sau:

1) **Hỏi:** Môn Tịnh Độ là pháp sơ cơ, chỉ để cho kẻ ngu dốt, căn trí thấp kém hành trì. Những người căn tánh cao phải tu Thiền hay Duy Thức

mới hợp lý. Và lại bậc thượng phụ phải có chí hùng cường tự lập, nên căn cứ nơi sức mình mà giải thoát; nếu cầu mong tha lực, chẳng tỏ ra hèn yếu lắm ư?

- **Đáp:** Với lời hỏi này, trước tiên xin nói về căn cơ, sau sẽ trả lời đến yếu tố tự lực tha lực.

* Pháp môn Tịnh Độ không phải chỉ để cho bậc trung, hạ căn, mà còn thâm nhiếp cả bậc thượng thượng căn. Bậc trung, hạ căn niệm Phật sẽ dứt được phiền não nghiệp chướng, phát sanh phước đức trí huệ, lần lần đi đến định cảnh, tùy công phu thấp cao mà vắng sanh về chín phẩm sen nơi Cực Lạc. Bậc thượng căn vừa đề khởi câu niệm Phật, liền thâm nhập vào cảnh giới định huệ, đi đứng nằm ngồi đều ở trong Niệm Phật Tam Muội, khi lâm chung sanh về thượng thượng phẩm ở Liên Bang. Trong hàng tiên đức đã có vị đi vào cảnh giới này, và trình thuật với câu:

Niết khởi sở châu thẳng sách đoạn
Thể hương phạn thực dĩ đa thời

Ý nói:

*Nắm lấy chuỗi tràng trần niệm dứt,
Nghiêm nhiên thành Phật đã từ lâu.*

Cho nên, câu niệm Phật thâm nhiếp hết ba căn, với người cao nó thành cao, với người thấp nó thành thấp.

Các bậc đại tri thức trong Phật Giáo thường phê luận: "Pháp môn Niệm Phật gồm nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, Mật." Tại sao pháp Niệm Phật lại gồm nhiếp cả bốn môn này? - Sở dĩ có điều ấy, bởi khi niệm Phật dứt trừ cả vọng tưởng chấp trước, đó là Thiền. Sáu chữ hồng danh bao gồm vô lượng nghĩa mầu, vô lượng nghĩa đều ẩn một và xuất hiện từ nơi đấy, đó là Giáo. Niệm Phật đến cảnh giới sâu, ba nghiệp đều trong sạch vắng lặng, đó là Luật. Câu niệm Phật có công năng như một câu thần chú, hay giải oan, trừ nghiệp, mãn nguyện, hàng ma đó là Mật. Như Liên Trì đại sư, trong một năm nắn hột lâu ngày, thay vì niệm chú đảo võ, Ngài chỉ đi ngoài đồng gõ mõ niệm Phật, đi đến đâu trời mưa đến đó. Và Viên Chiếu Bản thiền sư, thay vì tham thiền, Ngài chỉ dùng sáu chữ hồng danh mà được ngộ tánh bản lai, chứng vào Niệm Phật Tam Muội. Cứ như đây suy nghiệm rộng sâu thêm, câu niệm Phật cũng gồm thâm cả năm thời tám giáo, nhiếp luôn sáu pháp Ba La

Mật, như Triệt Ngô đại sư đã trình bày trong thiên Niệm Phật Bách Kệ.

Trong kinh lại nói: "*Chỉ thành xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, sẽ được tiêu tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử.*" Người niệm Phật nếu hằng giữ định tâm, tất sẽ phát huệ đồng như lỗi tu của các pháp môn khác. Hơn nữa, trên định tâm mà xưng danh hiệu Phật A Di Đà, thì sự tiêu nghiệp chướng sanh phước huệ càng cao thắng chóng mau. Vì thế, Liên Trì đại sư đã khen pháp Niệm Phật là: đại thiên định, đại trí huệ, đại phước đức, đại thánh hiền.

Theo Quán Kinh: người tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu chỉ thành xưng danh hiệu Phật A Di Đà cho đến mười niệm, thì Ngài liền hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Từ một kẻ cực ác, chỉ dùng mười niệm mà được vãng sanh, lên ngay ngôi Bất Thối Chuyển thật là điều rất hy hữu.

An Quang đại sư đã khen: "*Pháp Niệm Phật bậc cực cao niệm đến một lòng không loạn, chứng vào Tam Muội, kẻ cực thấp chỉ dùng mười niệm thành công, là điểm đặc sắc mà chưa thấy pháp môn nào có.*"

* Về vấn đề tự lực tha lực, nếu như hiểu môn Tịnh Độ chỉ hoàn toàn nương nơi tha lực là lầm. Người niệm Phật phải đem hết tự lực dứt trừ phiền não, trì niệm cho đến cảnh giới tâm mình, và tâm Phật tương ứng. Từ cảnh giới đó, hiện thời hành giả được Phật phóng quang thăm nhiếp thọ, khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh. Sự tiếp dẫn mới là yếu tố chánh của tha lực, vì thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta Bà này đến mười muôn ức Phật độ, còn không phải sức thần thông đạo lực tầm thường có thể đến được, huống nữa là phạm phu! Vì thế cần phải nhờ tha lực tức thần lực của Phật hoặc chư thánh tiếp dẫn. Ví như một học sinh, tự mình biết gắng hết sức chuyên học, dĩ nhiên là điều đáng quý. Nếu trên sự chuyên học ấy, lại được vị giáo sư giỏi kèm theo chỉ dạy, tất mức học vấn càng cao thâm, kết quả thi đỗ sẽ là phần bảo đảm. Trên tự lực của hành giả, thêm tha lực của Phật gia bị tiếp dẫn cũng lại như thế. Vậy sự kiện chính mình đã gắng hết sức để tu, lại cầu thêm tha lực cho được kết quả mau chóng, có phải là một điều hèn yếu lỗi lầm chăng? Sự cao diệu của môn Tịnh Độ, chính các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; các vị Tổ Sư như

Vĩnh Minh, Trí Giả, Triệt Ngô, Liên Trì, cho đến nhiều đẳng tôn túc ở các tông, đều khuyến nguyện vãng sanh. Chê Niệm Phật là thấp kém chỉ để cho bậc hạ căn tu hành tức là chê chư Bồ Tát, Tổ Sư và các vị cao đức đã nói trên. Bảo niệm Phật là hèn yếu, chỉ nương nơi tha lực, tức là chưa hiểu biết chi về môn Tịnh Độ.

2) **Hỏi:** Cổ thi có câu:

Thân khinh luyện đắc đồng tiên hạc
Cực Lạc hoành hoành nhứt trục phi.

Ý nói:

Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc,
Cực Lạc bay ngang thẳng trở về!

Thế thì ta cứ tham thiền, chờ khi chứng được thần thông, chừng ấy có thể đi về Cực Lạc, hoặc tùy ý sang các cõi Tịnh Độ khác. Như vậy, hà tất phải khẩn khẩn niệm Phật cầu về Cực Lạc làm chi?

- **Đáp:** Hai câu thi trên, ý nói cảnh giới cảm thông từ hành giả dung hòa với thần lực nhiếp thọ của Phật, chớ không phải chỉ cho cảnh giới thần thông. Xin tuân tự giải thích hai điều ấy, trước tiên hãy nói về cảnh giới thần thông.

* Theo trong kinh, đạo nhân và thần thông của bậc sơ quả Tu Đà Hoàn thuộc phạm vi một tiểu thế giới, gồm bốn cõi ác thú, bốn đại châu, một núi Tu Di, một nhật nguyệt, sáu cõi trời Dục, và một cõi Sơ Thiên. Đạo nhân và thần thông của bậc nhị quả Tư Đà Hàm ở trong chu vi một tiểu thiên thế giới; bậc A Na Hàm, một trung thiên thế giới; bậc A La Hán, một đại thiên thế giới. Bậc Sơ Địa Bồ Tát, đạo nhân thấy được một trăm cõi Phật cùng trăm đức Phật, chứng một trăm Tam Muội; thần lực có thể phóng ánh sáng và làm rung động một trăm cõi Phật, đi sang khắp một trăm Phật độ. Đạo nhân và thần thông của bậc Nhị Địa Bồ Tát ở trong chu vi một ngàn cõi Phật; bậc Tam Địa Bồ Tát, một trăm ngàn cõi Phật. Cứ như thế lần lượt tăng gấp bội lên mãi cho đến bậc đệ Thập Địa Bồ Tát thuộc ngôi Pháp Vân, thần thông đạo lực, bao hàm vô biên quốc độ. Từ thế giới Ta Bà này sang Cực Lạc cách mười muôn ức Phật độ. Số ức của An Độ thời xưa có ba bậc, mà mức trung bình là một triệu bây giờ. Như thế, nếu lấy mười muôn nhân cho một triệu (100.000 x 1.000.000) thì Ta Bà cách Cực Lạc đến một trăm ngàn triệu Phật độ. Lại về Phật độ, tức phạm vi ứng thân giáo hóa của

một vị Phật, có đức Phật lấy một đại thiên thể giới gồm một ngàn triệu thái dương hệ làm một Phật độ; có đức Phật lấy hai, ba hoặc trăm, ngàn, muôn, ức cõi đại thiên làm một Phật độ; có đức Phật lấy từ một hằng hà sa cho đến nhiều hằng hà sa cõi đại thiên làm một Phật độ. Ấy là chưa kể những khoảng trống xa cách từ Phật độ này đến Phật độ kia. Như thế ta thấy từ Ta Bà đến Cực Lạc, chẳng những bậc A La Hán, mà với thần thông của các vị hạ địa Bồ Tát cũng khó nổi tìm sang. Cho nên khi xưa ngài Mục Kiền Liên tuy hiện thân ở ngôi A La Hán, song kỳ thật là bậc Bồ Tát thị hiện làm Thanh Văn để tu Bồ Tát hạnh, nghe Phật nói Kinh A Di Đà, có lúc đã dùng sức thần thông của mình tìm sang Cực Lạc. Nhưng Ngài tìm mãi không thấy, sau cùng lạc đến thế giới của Phật Tu Di Tướng. Núi Tu Di cao tám muôn bốn ngàn do tuần, mỗi do tuần trung bình là sáu mươi dặm, Phật Tu Di Tướng và dân chúng ở cõi ấy, thân hình đều to lớn như núi Tu Di. Khi ngài Mục Kiền Liên đến cõi này, thấy Phật đang thuyết pháp cho đại chúng nghe, liền đi vòng quanh trên miệng bát của một vị tăng. Vị tăng ấy bạch với Phật rằng: có một con trùng nhỏ giống hình người bò trên miệng bát của mình. Phật Tu Di Tướng bảo: "Không phải thế đâu, đó chính là vị Thanh Văn đệ tử thần thông bậc nhất của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta Bà, tên gọi là Mục Kiền Liên." Ngài Mục Kiền Liên nghe nói thế, liền hiện thân lớn bằng núi Tu Di, đồng với thân lượng chúng sanh ở cõi ấy, bạch với Phật nguyện nhân mình đi lạc đến thế giới này, và kính xin Phật dùng thần lực đưa trở lại quốc độ Ta Bà. Như thế, ta thấy nếu căn cứ nơi thần lực, thì thần thông không rộng lớn, chẳng thể đi về Cực Lạc. Thời mạt pháp này, người tham thiền ngộ đạo còn khó có, nói chi chứng đến Sơ Quả Tu Đà Hoàn! Khi chưa chứng quả tất phải bị luân hồi, sự khỏi sa đọa còn không bảo đảm, bàn đến việc mỗi đời tiếp tục tiến tu trải qua vô lượng vô số kiếp, chờ chứng được ngôi vị thượng địa Bồ Tát để có thể sang Cực Lạc, phải chăng là một điều hư tưởng viển vông? Dù có đủ thần thông sang Cực Lạc, mà muốn ở cõi đó, phải quy kính xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà, mới được lưu trụ. Ví như nhà giàu kia có một vườn hoa tươi đẹp, sức ta có thể vượt tường đi vào, nhưng thật ra muốn vào đó thường ngoạn, còn phải thưa hỏi chủ nhà. Bởi thế, khi xưa ngài Duy Ma Cật dùng thần thông đem những tòa ngồi nghiêm đẹp cao bốn muôn hai ngàn do

tuần ở cõi nước Phật Tu Di Đăng Vương về nơi tịnh thất, chỉ riêng các bậc đại Bồ Tát đã từng lễ kính cúng dường mười phương chư Phật mới lên ngôi được. Ngoài ra những vị tân phát ý Bồ Tát cho đến hàng Thanh Văn đại đệ tử, tuy có thần thông dư sức vượt cao hơn bốn muôn hai ngàn do tuần, song không thể lên ngôi. Ngài Duy Ma Cật biết những tòa sư tử này do công đức phước báo của Tu Di Đăng Vương Như Lai, liền bảo với các vị ấy xưng danh hiệu quy kính đức Phật kia, sau đó mới lên ngôi được. Thế nên biết, muốn về cõi Cực Lạc phương Tây, sự xưng niệm đức Phật A Di Đà, là một điều tất yếu.

* Cảnh giới tự tâm cảm thông với thần lực nhiếp thọ của Phật là thế nào? Kinh nói: "Phật A Di Đà thường phóng quang nhiếp thọ tất cả chúng sanh niệm Phật ở mười phương không bỏ sót." Cho nên khi ta niệm Phật, liền được nguyện lực quang minh của Phật âm thầm nhiếp thọ. Lúc hành giả nhứt tâm niệm Phật, thì nghiệp lực chìm lắng, tâm lực lộ bày, ánh sáng của tự tâm giao tiếp với quang minh của Phật, nên hiện tiền có thể thấy cảnh Tây Phương, hoặc thần linh dạo chơi miền Tịnh Độ. Sức tâm nguyện thanh tịnh hướng về Tây Phương của hành giả gọi là tự tâm lực, hay tự lực; sức phóng quang nhiếp thọ để dẫn độ của Phật A Di Đà gọi là Phật nhiếp thọ lực, hay tha lực. Nhờ hai năng lực ấy nên tuy chưa được thần thông rộng lớn mà hành giả niệm Phật có thể sanh về Tây Phương. Khi lâm chung, người niệm Phật tùy theo công đức của mình, hoặc thấy Phật đến tiếp dẫn, hoặc thấy Bồ Tát hay Thánh chúng đến tiếp dẫn. Có vị tuy không thấy chi cả, nhưng do nguyện lực của mình và sức quang minh hướng dẫn của Phật, nên cũng được vãng sanh. Sự quan trọng của tha lực là như thế.

3) **Hỏi:** Tu Tịnh Độ cần phải chứng Niệm Phật Tam Muội, hoặc ít nữa đi đến cảnh giới nhứt tâm bất loạn, mới được vãng sanh. Như thế người hạ căn chưa chắc đã thực hành nổi. Vậy thì kẻ thấp kém ngu tối làm sao được sanh về Cực Lạc? Nếu kẻ hạ căn ngu tối không vãng sanh được, sao lại gọi pháp môn Niệm Phật thâm nhiếp cả ba căn?

- **Đáp:** Thật ra với căn cơ thời nay, cảnh giới nhứt tâm bất loạn trong lúc hiện tiền, còn không có mấy người đi đến, huống chi là Niệm Phật Tam Muội! Nhưng, theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, kẻ tạo tội ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tưởng địa

ngục hiện, chỉ tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà từ một cho đến mười niệm, liền được Phật hiện đến tiếp dẫn vãng sanh. Thế thì sự nhứt tâm được vãng sanh, là chỉ cho khi lâm chung chớ không phải lúc hiện tiền. Nếu lúc bình thời niệm Phật được nhứt tâm, nhưng sau đó lại chuyển hướng tu theo pháp môn khác không cầu vãng sanh, thì làm sao được về Cực Lạc? Mà muốn được nhứt tâm khi lâm chung, thì lúc bình thời phải tập câu niệm Phật cho thuần thực. Do bình thời thường niệm Phật, dù chưa được nhứt tâm, nhưng chủng tử niệm Phật dần chứa đã nhiều, lúc sắp chết, hành giả khởi niệm Phật nó liền phát hiện mạnh mẽ nên được nhứt tâm. Kẻ hạ căn niệm Phật được vãng sanh, thường ở trong tình trạng ấy.

4) **Hỏi:** Niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tâm, chặn đứng phiền não, đi đến chỗ vô niệm. Đã như thế thì cứ để tâm thanh tịnh, lần lần sẽ tiến vào cảnh giới vô niệm, cần gì phải niệm Phật cho nhọc sức lao hơi?

- **Đáp:** Điểm cứu cánh của pháp Niệm Phật là Niệm Phật Tam Muội, chứng toàn thể bản tánh Di Đà, tức cảnh giới Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Nhưng mục đích chánh yếu và cấp thiết của tông Tịnh Độ, là cầu vãng sanh để bảo đảm không còn luân hồi mê đọa, mượn hoàn cảnh ưu thắng ở cõi Cực Lạc tu hành, cho mau tiến lên Phật quả. Vì lẽ ấy nên hành giả của môn Tịnh Độ cần phải xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà. Chủ đích của môn Tịnh Độ là như thế, không cấp thiết ở chỗ cầu cảnh giới vô niệm, mau chứng ngộ tánh bản lai như bên Thiền Tông.

Tuy nhiên, khi thật hành chủ đích này, hành giả phải niệm Phật cho được nhứt tâm, nên dù không cầu vô niệm mà cảnh vô niệm vẫn tự hiện bày. Hơn nữa, nhờ công đức niệm Phật giúp sức cho mau tiêu nghiệp, nên cảnh giới ấy lại càng chóng hiển lộ. — đây chúng ta thấy mở thêm một tia sáng: muốn mau được vô niệm, được sớm ngộ tánh bản lai, lại cần phải niệm Phật.

Đi sâu thêm, nếu là người căn tánh Đại Thừa, tất phải hiểu niệm Phật là để thành Phật. Như chỉ hiểu niệm Phật cốt để ngăn trừ vọng tưởng, tức đã lạc vào Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu Thừa. Tại sao niệm Phật là để thành Phật? - Bởi khi vừa đề khởi câu niệm Phật, thì quá khứ, hiện tại, vị lai đều mất, tuy có tướng mà là tướng, tức sắc là không, hữu niệm đồng vô niệm, đi ngay vào cảnh giới bản

giác ly niệm của Như Lai, đương thể là Phật chớ còn chi nữa? Nếu cho rằng có niệm là còn trệ nơi hữu vi thì khi đức Thế Tôn hiện các tướng hữu vi như ăn cơm, khoác y, đàm luận, thuyết pháp đi đứng nằm ngồi, đều trệ nơi hữu vi và không phải là Như Lai sao? Lại nếu cho rằng còn niệm Phật chưa phải là vô niệm, thì chư tôn đức bên Thiền Tông khi tham thoại đầu, giảng luận, hoặc có lúc tụng kinh, lễ bái, sám hối, kinh hành đều thuộc về hữu tướng, không phải là thiền ư? Nên biết đạo lý của vô vi là "làm tất cả việc hữu vi mà không thấy có tướng làm", vô niệm cũng thế; chớ không phải tuyệt cả hành động, ngôn ngữ là vô vi vô niệm đâu! Bởi chẳng rõ lý này nên nhiều kẻ chấp không cho rằng: Niệm Phật như chiếc xe chạy đi thêm chớ nặng, hoặc như trong vàng còn lẫn chì, trong cơm lẫn cát, không được nhẹ nhàng thuần nhứt, thật đã sai lầm!

Nhưng niệm mà không niệm là cảnh giới của bậc thượng thượng căn; nơi đây chỉ khái luận qua để giải mỗi nghi chấp. Riêng bậc trung, hạ căn gắng niệm Phật cho thuần thực cũng đã quý lắm rồi!

5) **Hỏi:** Thể của các pháp là không, xưa nay vẫn vô sanh và bình đẳng vắng lặng. Khi tâm ta thanh tịnh, dù ở Uế Độ cũng thanh tịnh; trái lại như không thanh tịnh, tuy ở Tịnh Độ vẫn phiền não rộn ràng. Nếu đã có sanh tất phải có diệt hay có sanh là có tử. Thế thì bỏ Ta Bà cầu sanh về Cực Lạc, chẳng là trái đạo lý ư?

- **Đáp:** Vấn đề này có hai nghĩa. Xin thể theo lời của Trí Giả đại sư trong Thập Nghi Luận và phụ thêm đôi chút ý kiến để giải thích, phân làm tổng đáp cùng biệt đáp.

Về phần tổng đáp, nếu cho rằng cầu về Tịnh Độ là bỏ đây tìm kia, không hợp với lý Chân Như bình đẳng. Thế thì trụ Ta Bà không cầu sanh Cực Lạc, há không bị lỗi bỏ kia chấp đây sao? Còn như bảo: "Tôi không cầu kia cũng không chấp đây", lại cũng mắc vào lỗi đoạn diệt. Cho nên kinh Kim Cang Bát Nhã nói: "Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng: Nói phát tâm vô thượng Bồ Đề là đoạn diệt hết tướng của các pháp. Tại sao thế? Vì phát tâm vô thượng Bồ Đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt."

Về phần biệt đáp, xin giải thích về lý vô sanh và tâm tịnh.

Vô sanh cũng chính là lý bất sanh bất diệt. Bất sanh là các pháp do nhân duyên giả hợp mà sanh, không tự thể, nên không thật có tướng sanh. Vì nó hư huyền, không phải thật từ đâu sanh hiện, nên gọi là bất sanh. Bất diệt là khi các pháp hoại diệt, cũng không tự tánh, không bảo rằng mình hoại diệt. Vì nó không thật có chỗ trở về, dứt mất, nên gọi là bất diệt. Cho nên lý vô sanh hay bất sanh diệt, không phải "ngoài các pháp sanh diệt mà có." Vì thế chẳng phải không cầu sanh Tịnh Độ mà gọi là vô sanh, hoặc sanh về Cực Lạc, là có tử diệt, trái với lý vô sanh đâu! Đó là luận về lý, riêng về sự thì người sanh Tịnh Độ tất lên ngôi bất thối, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Trong thời gian ấy tiến tu đã dư chứng quả vô sanh. Như thế đâu còn vấn đề: có sanh có diệt, hoặc có sanh có tử mà phòng ngại!

Lý tâm tịnh cũng thế, dùng tâm thanh tịnh ở Ta Bà hành đạo, cùng trụ tâm thanh tịnh ở Cực Lạc để tu tiến, nào có ngại gì? Kinh Duy Ma nói: "Tuy biết các cõi Phật, cùng với hữu tình không, mà thường tu Tịnh Độ, để giáo hóa quần sanh." Cho nên người trí tuy siêng cầu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà không chấp có tướng sanh, vì nó không thật có; tuy biết rõ các pháp xưa nay hằng thanh tịnh vắng lặng, mà không ngại gì cầu sanh Tây Phương, mượn thắng duyên tu tiến để giáo hóa loài hữu tình. Đây mới là chân vô sanh, và cũng thật là nghĩa tâm tịnh tùy chỗ thanh tịnh. Trái lại, kẻ kém hiểu biết bị tướng sanh ràng buộc, nghe nói sanh liền nghĩ là thật có sanh, có tử diệt; nghe nói vô sanh lại chấp không sanh về đâu cả. Họ đâu biết sanh chính là vô sanh, vô sanh há ngại gì sanh; và tâm tịnh lại có ngại gì cầu về Cực Lạc ư? Vì không hiểu lẽ ấy, họ sanh lòng tranh chấp thị phi, khinh chê người cầu sanh Tịnh Độ, thật lầm lạc xiết bao!

Những Mỗi Nghi Căn Cứ Theo Kinh Điển

Ngoài những điều trên, lại có nhiều người học Phật, căn cứ các lý thuyết thế giới kinh văn, mà đặt các nghi vấn về môn Tịnh Độ. Nhân tiện, cũng xin tiếp theo thể văn đáp để giải quyết các mỗi nghi ấy.

1) **Hỏi:** Kinh Kim Cang nói: "Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyền, bóng, bọt". Thế thì cảnh Ta Bà đã huyền, mà cõi Cực Lạc cũng là huyền. Sao không đi ngay vào bản tâm chân thật, còn cầu về cảnh huyền làm chi?

- **Đáp:** Thật ra các cõi Uế Độ và Tịnh Độ trong mười phương đều dường mộng huyền; nhưng khi nào chứng được Như Huyền Tam Muội, mới thấy đó là hư giả. Bằng chưa được như thế, vẫn thấy nó là thật, vẫn bị nó chi phối, vẫn còn biết khổ vui, vào mùa nắng vẫn khó chịu về sự nóng bức, cho đến việc rất nhỏ như con kiến, con muỗi cắn đốt cũng vẫn còn bị đốn đau. Như vậy sao được gọi là huyền? Nên biết môn Tịnh Độ là phương tiện nhiệm mầu của Phật, mượn cảnh như huyền an vui, để đưa chúng sanh thoát khỏi cảnh như huyền thống khổ đầy đầy chương duyên và hiểm nạn. Rồi từ cảnh an vui như huyền đó tiến tu dễ dàng, để mau chứng vào cõi chân tâm thường tịch.

Lấy một thí dụ như tại cõi Ta Bà này, cảnh gia đình hay nơi thị tứ ồn ào là huyền, cảnh chùa am hoặc chốn núi non vắng vẻ cũng là huyền. Nhưng tại sao người tu giải thoát, lại bỏ cảnh gia đình thị tứ tìm nơi chùa am thanh vắng ở núi non? Có phải tại chốn gia đình nhiều bận buộc, cảnh huyền náo nhốn nhệch tâm, mà nơi chùa am hay chỗ núi non thanh vắng dễ tu chăng? Cho nên cảnh phàm tình cùng cảnh thánh chứng khác nhau, phàm tình mà đặt mình vào cảnh thánh chứng là điều xa vời trái với thật tế. Ta còn phàm phu hãy cứ theo phận phàm phu mà tuần tự tiến tu, đừng vội đem con mắt thánh nhìn nói quá cao xa, thành ra vọng ngữ và có hại.

Khi xưa cũng có một Thiền giả cho cõi Cực Lạc là huyền mộng, niệm Phật cầu vãng sanh vô ích. Triệt Ngộ đại sư nghe lời này, liền bảo: "*Không phải thế đâu! Từ bậc Thất Địa Bồ Tát trở về trước, đều tu hành ở trong mộng. Đến như đối với mộng lớn vô minh, thì bậc Đăng Giác vẫn còn say ngủ. Duy riêng chư Phật mới có thể tôn xưng Đại Giác, là những bậc hoàn toàn thức tỉnh mà thôi. Khi tự thân đã ở trong mộng, thì sự vui khổ vẫn uyên nhiên, vui cũng thấy vui, khổ còn biết khổ, sao được gọi mình là người tỉnh mơ, cảnh là huyền mộng? Thế thì thay vì ở trong cảnh mộng khổ của Ta Bà, sao bằng về cảnh mộng vui nơi Cực Lạc! Huống chi mộng ở Ta Bà là từ mộng vào mộng, bị cảnh duyên nghiệp lực lôi cuốn, mãi luân hồi sống chết chìm mê. Còn cảnh mộng ở Cực Lạc là từ mộng đến giác, lần lượt sẽ thức tỉnh hoàn toàn chứng lên quả Phật. Cho nên mộng huyền vẫn đồng, mà duyên cảnh mộng ở hai nơi thật chẳng*

đồng vậy. Thế thì sự niệm Phật cầu vãng sanh chẳng là cần thiết lắm ư!"

Lời cổ đức giải thích như thế, thì sự cầu sanh đã được hiển minh. Tuy nhiên, bài kệ trong Kinh Kim Cang nói đó, vẫn còn là lời phương tiện để cho chúng sanh lìa quan niệm chấp có theo phàm tình. Tiến một bước cao hơn, như Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: "*Như Lai vì hạng người căn tánh tối, mà nói các pháp như huyền vắng lặng, vì e họ sanh chấp kiến; vì hạng người căn tánh sáng, nói tướng hảo của chư Phật, bởi họ như hoa sen chẳng nhiễm trần.*" Cho nên Tu Bồ Đề là bậc giải ngộ lý không bậc nhứt, tuyệt không danh tướng, mà đức Thế Tôn lại thọ ký cho ông về sau thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai. Thế thì lý màu không danh tướng chẳng ngoài danh tướng, tất cả pháp mộng huyền đều là Phật pháp chân thường. Và đi sâu đến chỗ viên dung, như đức Lục Tổ nói, thì phàm phu nguyên là Phật, phiền não tức Bồ Đề, tất cả vô minh huyền vọng đều là thể viên minh chân giác của Như Lai tạng.

2) **Hỏi:** Kinh Pháp Bảo Đàn nói: "*Không niệm, niệm mới chánh. Có niệm, niệm thành tà.*" Như vậy, niệm Phật có phải là tà vọng chăng?

- **Đáp:** Về đạo lý vô sanh vô niệm, đoạn trước đã có nói. Nơi đây xin đáp một cách thẳng tắt: - Chẳng phải không niệm Phật, không tụng kinh, gọi là vô niệm. Mà thường hằng niệm Phật tụng kinh, nhưng tâm địa rộng không, chẳng chấp thấy mình có niệm tụng, mới gọi là vô niệm. Trái lại, dù ngồi an tĩnh lòng không suy nghĩ chi cả, mà còn cảm thấy biết cho mình, có sự ngồi thiền, vẫn gọi là "*có niệm*". Nếu nghĩ rằng "*không niệm*" là chẳng niệm Phật, tụng kinh, thuyết pháp, không có sự suy tư, thì thành ra gỗ đá; muốn tránh lỗi chấp có, lại lạc vào lỗi chấp không. Thế thì đã trái với ý kinh chỉ dạy. Cho nên đức Lục Tổ mới nói tiếp: "*Có, Không đều chẳng tướng. Ngồi được bạch ngưu xa*". Bậc cao đức bên Tịnh Độ khi xưa, tuy hằng niệm Phật cầu vãng sanh, song chẳng chấp tướng niệm Phật cầu sanh, nên đã có lời kệ:

Có niệm đồng không niệm,
Không sanh tức là sanh,
Chẳng phiền đời nửa bước.
Thân đến Giác vương thành

Nhưng, trên đây là nói tác phong tu niệm của bậc thượng căn. Với hàng căn cơ trung, hạ, cứ nên

gắng công niệm Phật cho nhiều, dù còn chấp thấy mình có niệm có tha thiết cầu sanh, cũng là điều tốt. Bởi nếu được như thế, khi mạng chung tất vãng sanh về Tây Phương, chừng ấy kết cuộc cũng sẽ chứng vào cảnh giới vô niệm vô sanh, đâu có điều đáng lo ngại! Bằng chẳng lượng sức mình, ưu cầu cao thắng, nê chấp theo kinh văn trên, đối với đạo lý vô niệm chưa thể làm nổi, với sự thấy có niệm Phật có cầu sanh lại không muốn thật hành, kết cuộc cả hai đều hỏng, vẫn chỉ là phàm phu trong vòng luân hồi thống khổ mà thôi!

- **Hỏi:** Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ bảo: "*Người phương Đông tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Người Tây Phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh về cõi nào?*" Như thế thì chỉ cốt làm sao diệt được tội, cần gì niệm Phật cầu vãng sanh? -

Đáp: Đức Lục Tổ và các vị cao đức bên Thiên Tông đứng trên cương vị truyền bá tông chỉ duy tâm, nên mỗi lời nói phải căn cứ theo chỗ lập pháp của mình, đều chỉ ngay vào bản tánh, và đều lấy tâm làm chủ. Ý Ngài muốn bảo: nếu tâm được thanh tịnh, thì tuy ở Ta Bà cũng tự tại giải thoát; tâm không thanh tịnh dù ở Tây Phương vẫn bị khổ não luân hồi. Thật ra, đối với người tu Tịnh Độ hiểu đạo lý, lời nói của Tổ chỉ có tác dụng khuyến tấn, bảo phải niệm Phật đến chỗ tịnh tâm không còn chấp tướng; chớ không phải bác sự niệm Phật cầu vãng sanh. Đức Thích Tôn, chư Phật khắp mười phương, chư Đại Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đều khuyến niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hai vị Tổ bên Thiên Tông ở Thiên Trúc là Mã Minh, Long Thọ đều khuyến niệm Phật; và chính ngài Long Thọ đã chứng ngôi Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh về Cực Lạc. Nếu đức Lục Tổ quả thật có ý bài bác sự Niệm Phật, thì chẳng hóa ra bài bác đức Thích Ca Mâu Ni, chư Phật, chư Bồ Tát, Tổ sư, và cả hai vị tiền bối trong tông của mình là Mã Minh, Long Thọ hay sao? Cho nên, nếu hiểu lầm rồi đem lời này chê bai niệm Phật, chính là bài xích và gieo mối oan cho đức Lục Tổ vậy.

Lại, hành môn nào cũng có lý và sự. Lời của đức Lục Tổ là nói về lý, ngoài ra còn có sự tướng của đường tu, cần phải nghĩ đến. Ta thử đặt lại câu hỏi: "*Người ở ngoài đời tạo tội, vào chùa am xuống tóc ăn chay giữ giới tìm nơi thanh vắng tu hành. Người ở chùa am tạo tội tìm nơi nào để tu?*" Nếu chỉ y theo lý mà bác như vậy, thì việc xuất gia

đến chùa am, ăn chay giữ giới, cho đến tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tham thiền, đều là lỗi lầm hết cả hay sao? Pháp tu Tịnh Độ cũng thế, thật ra chẳng phải người Đông Phương do tạo tội mới niệm Phật cầu sanh Tây Phương, mà niệm Phật cầu về Tây Phương chính là muốn mượn thắng duyên tu hành, để mau chứng lên quả Vô Sanh giải thoát. Dù người đã tạo nhiều tội, biết hồi tâm sám hối niệm Phật cầu vãng sanh, cũng là vì muốn sớm thoát sanh tử, vẫn không ngoài mục đích này. Còn người ở Tây Phương Cực Lạc cũng không tạo tội, bởi khi đã về cõi ấy, trên có Phật Bồ Tát, dưới có các bậc thượng thiện nhơn, xung quanh mình tiếng chim nói pháp, tiếng nhạc giảng kinh, không còn nhọc lòng lo đến vấn đề ăn mặc ở và các sự đau bệnh tai nạn oán thù, đường đạo chỉ thêm tiến lên, đâu còn có duyên gì để tạo tội?

Kết lại, câu nói của đức Lục Tổ nên hiểu chỉ là lời khai thị về lý tánh thanh tịnh để khuyến tấn mà thôi, không nên nghĩ lầm đem nó để bác sự tướng. Người niệm Phật nghe lời này, càng nên cố gắng niệm cho đến trình độ tâm không, mới hợp với ý của Tổ.

Cần Phá Lối Chấp Nhị Biên

Những mối nghi về Tịnh Độ theo loại trên hãy còn nhiều.

Đó do bởi người học Phật còn lối chấp hai bên, chưa dung hòa được giữa tánh tướng, có không, sự lý. Vì thế nên mới dùng tánh phá tướng, đem lý bác sự, lấy không bài có, và ngược lại, để gây thành những tranh chấp nghi vấn phân vân. Họ không ngờ sự lý tương tức, nghĩa là sự tức lý, lý tức sự, nếu phân chia ra mà nhận định thiên lệch, thì sự không thành chân sự, lý chẳng phải chân lý; cả đến tánh tướng, có không, và các pháp nhị biên khác cũng như vậy. Vì thế trong Kinh Duy Ma Cật mới nói đến Bất Nhị pháp môn, nghĩa là pháp môn Không Hai, để phá trừ lối chấp hai bên đó. Không Hai là dung hòa tất cả để nhập vào tánh thể, chứ chẳng phải một. Đây mới thật là chân cảnh của duy tâm. Ngoài ra, sự lập pháp riêng về hữu môn hay không môn, cũng còn ở trong vòng phương tiện quyền hóa mà thôi.

Kinh nói: "*Chán bỏ công đức hữu vi là nghiệp ma. Tham trước công đức vô vi cũng là nghiệp ma.*" Cổ đức cũng bảo: "*Pháp hữu vi tuy huyền, phé bỏ tất đạo nghiệp không thành. Pháp vô vi tuy*

chân, chấp lấy thì huệ tánh chẳng rộng." Những lời này chứng minh rõ, trên đường tu, sự lý không thể rời nhau.

Luận Trung Quán lại nói: "*Vì chúng sanh thông thường chấp trệ nơi hình thức nên kinh giáo mới dùng lý không để phá trừ. Nếu vừa lìa bệnh chấp có, lại rơi vào bệnh chấp không, tất chẳng còn thuốc gì chữa khỏi.*" Bởi lý Bát Nhã không nghe cao siêu mầu nhiệm, nên hàng trí thức khi xem đến những loại kinh này, phần nhiều hay vương vào chứng bệnh "nói lý", việc gì cũng lý thuyết hóa, khinh thường những người hành trì theo sự tướng, gây thành lỗi ngã mạn tự kiêu. Miệng họ tuy nói không, nhưng hành vi lại ở trong có, chính hợp với câu:

Đầu mòm nói suốt trăm phần diệu.

Dưới gót không ly một điểm trần!

* Khi xưa, các bậc đại tri thức cũng thường dùng lý không để trừ bệnh chấp có, nhưng chỗ tu chúng cùng sự khai hóa của những vị ấy đúng tu cách và hợp cơ nghi, mới đem lại lợi ích. Chẳng hạn như câu chuyện sau đây:

Có một vị thiền sư tu hành rất tinh tấn, ban đêm chẳng ngủ và thường ngồi mãi không nằm. Nhưng đã lâu năm dụng công, sư vẫn chưa chứng ngộ. Trong chùa có chú Sa Di chẳng biết từ đâu đến, xin nhập chúng. Ông này thường biếng trễ thậm chí nhiều phen tiếng chuông công phu khuya nổi lên, vẫn nằm lý mãi không ngồi dậy. Thiền sư biết được, gọi đến quở rằng: "Sao đã vào chùa tu mà còn lười biếng cứ nằm mãi như thế? Chú không nghe trong luật dạy: nghe chuông mà vẫn nằm không ngồi dậy, tương lai sẽ đọa làm thân rắn hay sao?" Sa Di đáp: "Thầy bảo tôi thường nằm sẽ thành con rắn; còn thầy chấp cứ ngồi mãi cũng thành con cóc, chớ có chứng ngộ được chi?" Sa Di nói xong liền ẩn mất. Nhưng vị thiền sư đã tỏ ngộ. Thì ra Sa Di này là một bậc đặc đạo, hiện thân đến khai hóa cho thiền sư.

Ngoài ra, còn câu chuyện Đôn Hà Thiên Nhiên hòa thượng cỡi lên cổ Phật và chề đốt tượng Phật gỗ để phá quan niệm chấp Phật. Sư Pháp Đạt vì ý mình đã tụng ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, nên lạy đầu không chাম đất, bị đức Lục Tổ quở, để phá quan niệm chấp pháp, chấp công đức. Ngài Bắc Tháp sau khi chứng được Đại Tự Tại Tam

Muội, viết danh hiệu Văn Thù, Phổ Hiền lên chiếc khổ để phá quan niệm chấp Thánh Tăng.

Thuở xưa các bậc đại tri thức, mức tu chứng đã cao, biết tùy cơ nghi mà hóa đạo, lại những hành giả trong thời ấy có nhiều bậc thượng căn, nên sự giảng về lý "không" thường có lợi. Đời nay người trung, hạ căn nhiều, cách giảng hóa nên dung hòa sự lý, tánh tướng, mới không gây nghi ngờ và làm thối đạo tâm của người học Phật. Nếu đa số người chưa thể một bước đi thẳng vào cảnh chân không mà bác bỏ hình thức, tất sẽ diễn thành tai nạn "*chưa được lên bờ đã vội phá bỏ chiếc bè*", làm sao tránh khỏi cảnh đắm chìm? Lại còn một điều nên để ý, nếu nói lý không mà mình chưa được không, hoặc chưa có đôi phần tư cách nào trên sự tu, tất chẳng thể cảm hóa người, chỉ thành cuộc tranh chấp hơn thua vô ích. Trước đây, bút giả đã có lần chứng kiến cảnh tượng ấy: Một đại đức thông hiểu giáo lý ở ngụ nơi chùa nọ dạy kinh. Vị sư trụ trì đã lớn tuổi, siêng tụng niệm nhưng chấp theo cách thức xưa, thấy đại đức lối sống tự do có vẻ tân thời, ý không ưa thích, liền bảo: "*Thầy khuyên dạy đạo mà ngày tối không thấy tụng một quyển kinh, niệm một câu Phật, như vậy làm sao nêu mô phạm tu hành cho đại chúng?*" Vị đại đức đáp: "*Cách tu có nhiều lối, phải chạy theo hình thức như thầy, tối ngày tụng niệm, mới gọi là tu sao?*"

Kinh Kim Cang nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã.

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị nhơn hành tà đạo.

Bất năng kiến Như Lai!

"*Chớ đức Lục Tổ khi xưa đâu có tụng kinh niệm Phật gì, mà Ngài cũng đắc đạo, làm Tổ được vậy?*" Sư trụ trì đuối lý, đành lặng yên. Xét ra, sư trụ trì có lỗi chấp nê hình thức; vị đại đức tuy nói lý cao, song thật ra cũng chẳng tham thiền tịnh niệm chi nên đã không cảnh giác nổi mà còn gây thêm sự bức bối cho sư.

Trong hai lối chấp có và không, sự chấp không rất nguy hại. Kinh Lăng Già cùng Mật Nghiêm đều bảo: "*Thà chấp có như non Tu, chớ chấp không như hạt cải*". Chấp có, ý nói hằng kiêng nhân quả, sợ tội phước, lo giữ giới, tụng niệm, làm lành, tuy bị hình thức bó buộc không tự tại giải thoát, nhưng gây được công đức và thiện

căn. Còn chấp không, mình đã chưa chứng được chân không, lại chẳng chịu theo hình thức, siêng tu công đức, tất sẽ luân hồi sa đọa.

Bút giả tự xét mình, nghiệp chướng nhiều, căn tánh kém, vẫn không muốn làm bàn đến đạo lý cao siêu, sợ e hạnh chẳng xứng lời, trở thành vọng ngữ. Nhưng với lòng thành muốn cho người dứt nghi ngờ sanh tín tâm niệm Phật, nên bắt buộc dĩ phải thổ lộ ít nhiều. Hằng ví mình như người bại chân ngồi ở ngã ba đường, tuy không tự đi được, song cũng cố gắng chỉ nhắc hành khách tránh nẻo hiểm nguy, theo lối đi rộng bằng an ổn. Còn sự biện luận để phân biệt phải quấy kém hơn, tuyệt nhiên lòng không nghĩ đến! -

(NIỆM PHẬT THẬP YẾU, HT Thiền Tâm)

Không tâm là đạo

Thiền sư Minh Chí hỏi: - *Nếu nói không tâm là đạo, ngôi gạch không tâm cũng ưng là đạo? Thân tâm xưa nay là đạo, tứ sanh thập loại đều có thân tâm cũng ưng là đạo?*

Sư Bồn Tịnh đáp: - *Đại đức nếu hiểu bằng vào thấy nghe hiểu biết thì cùng đạo khác xa, tức là người cầu thấy nghe hiểu biết, không phải là người cầu đạo.*

Kinh nói: "*không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...*". Sáu căn còn không, thấy nghe hiểu biết nương đâu mà lập. Cùng tột gốc nguồn chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Đâu không đồng với cỏ cây ngôi gạch.

Minh Chí lặng thinh thôi lui.

Hạt Cải chứa Tu-Di

Thứ Sứ Hồng Châu hỏi Thiền sư Qui-Tông:

Tôi thường nghe: Tu-Di chứa hạt cải thì tôi chẳng nghi. Hạt cải mà chứa núi Tu-Di, chẳng phải là nơi hư-vọng sao? Nghe người ta truyền rằng Sư quân đã từng đọc muôn cuốn sách phải chăng?

Thứ Sứ nói: *Chẳng dám.*

Sư liền rời từ đầu tới chân của Thứ Sứ rồi nói: - Chỉ lớn bằng cây dừa, muôn quyển thi thơ để chỗ nào?

(Xuất xứ: Cảnh Đức Truyền Đăng Lục)

THẤY PHÁP

Thích Thông Phương

I. CHÂN GIÁO PHÁP.

Tất cả quý Phật tử học Phật pháp lâu rồi nhưng có thấy được chân giáo pháp chưa? Nếu học Phật pháp theo kiểu lật từng trang kinh này qua trang kinh nọ, hay là nhai từng lời của những vị Tổ này đến những vị Tổ nọ, hoặc là nghe buổi giảng này đến buổi giảng kia v.v... thì quý vị có thấy chân giáo pháp không? Mà nếu không thấy thì nghe giảng để làm chi? Cho nên đây p

hải nhớ: giảng giải là chỉ nói về pháp thôi !

Quý vị nhớ kĩ điều đó, quý thầy giảng dù cho hay cách mấy đi nữa cũng chỉ là nói về pháp, còn chân giáo pháp thì không có nằm ở trong những lời giảng đó mà nó nằm ở trong cuộc sống hằng ngày hay là ngay trong tự tâm của mỗi người. Do đó, nếu chỉ bám vào những lời giảng đó thì không thể thấy nổi, mà ở đây mỗi vị phải khéo làm sao thấu qua những lời giảng, lắng lòng nghe trở lại nơi chính mình để thấy đến chân giáo pháp thì mới là khéo! Quý vị nhìn lại nơi thân mình bây giờ xem, so với lúc còn bé thì nó thế nào? Đi vào thực tế, mới sanh ra mình có mấy kí lô mà bây giờ thì tới mấy chục kí lô, đó là pháp đấy! Kế nữa, chỗ mà quý vị ngồi ở đây trước kia là chỗ của Tăng Ni ngồi chứ không phải là chỗ quý vị ngồi. Vậy thì sao bây giờ mình lại ngồi đây? Đó cũng là thấy pháp, chứ không phải là mình thấy trong chữ nghĩa. Rồi buổi học này bây giờ thì tập hợp đông đảo như vậy nhưng qua mười một giờ thì sao? Thấy được điều đó là thấy pháp rồi. Như vậy, pháp hiện hữu khắp nơi trong cuộc sống hằng ngày, thấy như vậy thì mới đúng là thấy pháp.

Rồi quý vị đi đường hay là đi ra vườn mà bất ngờ đạp phải cây gai thì thế nào? Thì đó là thấy pháp, còn nếu không thấy pháp thì thấy đau! Rồi vừa mở mắt chào đời thì vì sao liền khóc "oa oa" mấy tiếng? Thấy được điều đó là thấy pháp. Cái thân mình đây bữa nay sao nó nhức đầu quá, mà mình thì đâu có muốn nó nhức đầu. Thì đó là thấy pháp, tức là thấy được nó là vô thường, khổ, vô ngã. Khéo học như vậy thì sẽ thấy được pháp chân

thật (chân giáo pháp), nếu tập nhìn kiểu này thì mình sẽ luôn luôn thấy pháp ở khắp nơi chứ không phải chỉ ở trong buổi giảng hoặc lên bàn Phật đọc kinh mới thấy. Mà nếu thấy pháp hiện hữu khắp nơi được như vậy thì chắc chắn là sẽ bớt phiền não, bởi toàn lo thấy pháp thì đâu có thấy phiền não, còn mình thì chỉ lo thấy phiền não nên thành ra không thấy pháp. Cái pháp này mình không phải nhọc nhằn tìm ở trong sách vở cũng như không phải đợi lên lớp, mà nó ở ngay trong cuộc sống hằng ngày đây. Cho nên, học là để mình thấy đến pháp chân thật chứ không phải là chỉ thấy trên những lời lẽ chữ nghĩa. Ngài A-chan Chah (một vị Thiền sư người Thái Lan) thỉnh thoảng có đi thăm những ngôi chùa cổ, khi đến vài nơi di tích, thấy nó bị đổ vỡ hoặc nứt nẻ, một trong những người đi theo buột miệng than:

- *Thật đáng tiếc quá!*

Tức là những ngôi chùa này ngày xưa nguy nga, tráng lệ đẹp đẽ mà bây giờ thì nó đổ vỡ, nứt nẻ như vậy.

Nghe như vậy, Sư mới bảo:

- *Nếu không có sự đổ vỡ thì chẳng có Đức Phật và cũng chẳng có giáo pháp.*

Tức là nó đổ vỡ như thế vì đó hoàn toàn phù hợp với những lời Phật dạy: "*Các pháp hữu vi là vô thường*", chính như vậy nên mới có Đức Phật, có giáo pháp. Nếu nó mà mãi mãi như vậy thì Phật nói các pháp hữu vi là vô thường là không phù hợp sao? Như vậy, ngay đó thì Ngài thấy rõ pháp, còn những người nhìn theo thế gian khi thấy nó đổ vỡ thì buồn tiếc: "Ngày xưa nó đẹp đẽ mà bây giờ thì nó không còn như xưa nữa!" nên sinh chán nản. Thí dụ như đi tham quan đến những thánh tích xưa, nếu mình nhìn theo con mắt thế gian thì sẽ thấy chán vì không có gì để tham quan hết, bây giờ nó đã đổ nát, chỉ còn lại những cái nền cũ thôi! Nhưng nếu khéo thì mình sẽ thấy được pháp trong đó, thì mới thấy có giá trị, có ý nghĩa. Cũng như trong kinh Kim Cang, mở đầu kinh:

"Đến giờ ăn, Phật đắp y ôm bát đi vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong, Phật trở về thọ thực rồi xếp y bát, rửa chân, trải tòa ngồi".

Trưởng lão Tu-bồ-đề thấy vậy liền tán thán: "*Bạch Thế Tôn, thật là hi hữu! Như Lai khéo hộ*

niệm cho các vị Bồ-tát, khéo phó chúc cho các vị Bồ-tát".

Như người thường thì chỉ thấy Đức Phật sáng đi khát thực rồi về ăn cơm thì có cái gì đâu là phó chúc, có cái gì đâu hộ niệm? Nhưng đây Trưởng lão Tu-bồ-đề thì thấy pháp hiện hữu trong đó, ánh sáng Kim Cang Bát-nhã luôn chiếu sáng. Mình học là phải học sâu vào chỗ đó, ngay trong những cử chỉ hành động bình thường đó. Phật thì lúc nào cũng giác không mê, nên trong mỗi cử chỉ hành động của Ngài lúc nào cũng biểu hiện ánh sáng chánh giác. Người thấy pháp thì phải luôn luôn thấy ánh sáng đó. Tuy Phật chưa nói gì nhưng ánh sáng Kim Cang Bát-nhã cũng hiển hiện trong đó rồi, thấy được vậy nên Ngài Tu-bồ-đề mới tán thán. Mà đúng là chuyện ít có, ít người thấy được, chính đó là chỗ Phật hộ niệm, chính đó là chỗ Phật phó chúc cho các vị Bồ-tát phải luôn luôn sống như vậy. Thấy được như vậy là khế hợp với Phật, học Phật phải thấy đến chân giáo pháp như vậy thì đó mới là khéo học.

Trước kia, tôi có đọc một hai tài liệu nghiên cứu kinh Pháp Hoa, có tài liệu nói rằng: "Nghe nói kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao, bộ kinh Đại thừa mà sao đọc trong đó giống như đọc chuyện tiểu thuyết: lâu lâu kể chuyện này, lâu lâu kể chuyện kia, chuyện tiền thân quá khứ v.v... không thấy gì hay hết!". Chính Thiền sư Bạch Ẩn cũng vậy, lúc còn trẻ Ngài đọc kinh Pháp Hoa thì không thấy có gì đặc biệt. Nhưng sau một thời gian tu tập, trí tuệ sáng rồi, Ngài đọc lại kinh Pháp Hoa thì mới chợt nhận ra đúng là có những ý nghĩa sâu xa trong đó mà hồi xưa mình không thấy. Đây cũng vậy, nếu nhìn theo con mắt thế gian mà đọc kinh Pháp Hoa thì không thấy gì hay: Như Phật kể chuyện Phật Đa Bảo quá khứ rồi lúc sau thì Phật đó hiện ra v.v... giống như trong chuyện tiểu thuyết! Đó là không thấy pháp, còn đây mình phải làm sao thấu qua chữ nghĩa mà thấy đến nghĩa chân thật (chân giáo pháp) chứ không phải chỉ dừng trên đó.

Nhà Thiền có câu: "*Không vào hang cọp làm sao bắt được cọp con?!*", cứ ở ngoài luận bàn cách mấy đi nữa thì cũng không làm sao bắt được hết! Dù cho lý luận siêu cách mấy đi nữa thì đó cũng chỉ là nói chơi thôi, mình phải dám vào đó thì mới bắt được cọp con, tức phải có một cái nhảy, phải dấn thân vào! Đó mới là thực tế để mình sống được chân giáo pháp của Phật.

Có câu chuyện trong thời Phật tại thế, Trưởng lão Pothila thông thuộc Tam tạng trong thời kỳ bảy Đức Phật và thường tuyên đọc giáo lý cho một nhóm năm trăm vị Tỳ-kheo nhưng ông chưa chứng quả. Một hôm nọ, Đức Phật nhủ thầm: "*Nếu có dịp thì ta sẽ khuyến khích Trưởng lão này chấm dứt lậu hoặc*". Từ khi đó, mỗi lúc vị này đến bên Đức Phật thì Ngài thường gọi: "*Hãy đến đây Pothila rồng!*" hoặc là "*Chào ông Pothila rồng!*". Cũng có lúc, Phật bảo: "*Hãy ngồi xuống đi, Pothila rồng!*" hoặc là "*Hãy đi ra, Pothila rồng!*". Thậm chí có khi Trưởng lão đã đi ra rồi thì Đức Phật còn nói theo: "*Pothila rồng đã đi ra rồi!*". Nếu mình mà bị nói như vậy thì chắc là tự ái lắm: "Mình là ông thầy lớn mà Phật gọi "Ông thầy rồng" thì mất mặt với đám đệ tử sao!". Mà nếu tự ái như vậy thì chắc là không thấy được chân giáo pháp nổi! Nhưng với trưởng lão Pothila này, nghe thấy Đức Phật cư xử như vậy thì ông tự suy nghĩ: "*Chắc là Thế Tôn nhắc mình chưa phát triển được chánh định*", tức ông chỉ hiểu trên văn tự mà chưa thực chứng trên chánh định. Do vậy, ông quyết định vào rừng để tu thiền định. Chiều hôm đó, ông sắp xếp y bát. Đợi lúc trời chập tối các thiện tín đi nghe pháp, ông bèn đi lẫn vào trong nhóm đó để cho các Tỳ-kheo kia không để ý rồi đi đến một khu rừng. Ở nơi này có ba mươi vị Tỳ-kheo đang ẩn tu, ông bèn đến vị Trưởng chúng thưa:

- Xin Trưởng lão chỉ dạy cho tôi!

Vị này bèn nói:

- Tôn giả! Ngài là giảng sư, chúng tôi còn phải học nơi Ngài nữa mà. Tại sao Ngài lại nói như vậy.

Ông Pothila vẫn khiêm tốn thưa:

- Thưa Ngài! Xin Ngài đừng từ chối, hãy chỉ dạy cho tôi!

Thật ra, cả ba mươi vị Tỳ-kheo này đều là bậc đã chứng A-la-hán hết rồi nhưng vị Trưởng lão đệ nhất này nghĩ rằng: "*Vị Tỳ-kheo này là người học rộng, mà học rộng thì chắc sẽ có cao ngạo. Ta nên dùng phương tiện dẹp bớt cao ngạo đó cho thấp xuống thì vị này mới học pháp được*".

Nếu cứ cao ngạo "Mình là ông thầy lớn, hiểu biết nhiều" thì vị Trưởng chúng thuyết pháp như thông thường làm sao vô được nữa!

Vị này bèn đẩy qua vị kia, vị thứ nhất đẩy xuống vị thứ hai:

- Ngài đến vị kia, vị đó sẽ chỉ cho.

Vị đó lại bảo:

- Ngài gặp vị kia, vị đó sẽ chỉ cho.

Cứ như thế cho đến người cuối cùng là vị Sa-di bảy tuổi đang ngồi vá y! Đến đây thì kiêu khí của vị Trưởng lão này cũng giảm xuống bớt rồi! Mà đúng là ông Pothila có tâm học đạo thật sự nên vẫn đến chỗ vị Sa-di và chấp tay cung kính:

- Thưa Đại đức, xin Đại đức chỉ giáo cho tôi!

Vị này liền đáp:

- Ô kìa giảng sư! Ngài nói gì lạ vậy! Ngài hơn tôi cả về tuổi tác và học vấn, tôi còn phải học với Ngài nữa mà!

Nhưng ông Pothila vẫn rất khiêm tốn:

- Đại đức, xin Ngài đừng từ chối, hãy chỉ dạy cho tôi!

Vị Sa-di này mới nói:

- Thưa Tôn giả, nếu như Ngài kiên nhẫn thì tôi sẽ chỉ cho Ngài.

Ngài Pothila đáp:

- Tôi sẽ kiên nhẫn, nếu như Ngài bảo tôi nhảy vào lửa thì tôi cũng nhảy nữa!

Quý vị thấy, một vị trưởng lão đối với một vị Sa-di mới bảy tuổi mà còn khiêm tốn như vậy. Đúng là Ngài đáng để cho chúng ta lạy nữa, bây giờ khó tìm ra một vị như vậy.

Nghe như vậy, vị Sa-di liền thử! Vị này chỉ cái ao nước ở cách đó không xa và bảo:

- Vậy Ngài hãy nhảy xuống ao này để cả y áo luôn!

Ông Pothila này liền đi tới và nhảy xuống ao liền! Y áo của Ngài ướt hết, vị Sa-di thấy vậy liền kêu:

- Thôi, Ngài hãy đến đây!

Sau khi vị Trưởng lão này đến, vị Sa-di mới nói:

- Này Tôn giả! Giả sử ở đây có một cái hang với sáu cái cửa, có một con tắc kè chui vào hang đó. Người nào muốn bắt nó phải bít năm cửa hang

kia chỉ còn chừa lại một cửa, thì sẽ tóm được con tắc kè. Như thế, Ngài nên đóng hết năm căn lại và tập trung vào ý căn.

Tức là tâm mình chạy lung tung nơi sáu căn, mình tập trung không nổi thì bây giờ phải đóng hết năm căn mà chỉ tập trung vào ý căn. Nếu là người thường thì khi nghe vậy chắc cũng chưa hiểu gì sâu lắm, nhưng với Trưởng lão Pothila này, vừa thông minh vừa sáng trí lại còn là bậc thầy thuyết pháp nữa nên nghe tới đó là Ngài nắm được vấn đề, Ngài liền nói:

- Như thế đủ rồi Đại đức, Ngài khỏi cần phải nói thêm nữa.

Ngay tại chỗ, ông bèn tập trung tư tưởng quán sát về thân mình và bắt đầu thiền định. Đức Phật biết vậy nên hiện ra trước mặt, Ngài đọc bài kệ:

*Tu thiền trí tuệ sanh
Bỏ thiền trí tuệ diệt.
Biết con đường hai ngã
Đưa đến hữu phi hữu.
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí tuệ tăng trưởng.*

Bài kệ vừa xong, Trưởng lão liền chứng A-la-hán.

Đó là để đánh thức cho mình. Ban đầu, Ngài Pothila hiểu thông giáo lý nhưng chưa thực chứng, Đức Phật muốn cảnh tỉnh nên nói: "Pothila rỗng" tức chỉ hiểu giáo lý nhưng chưa thực chứng bên trong. Nhưng ở đây, Ngài đúng là người có tâm học đạo nên nghe Phật nói vậy thì biết và thức tỉnh nên sẵn sàng buông bỏ để vào rừng tu tập thiền định, và cũng sẵn sàng dẹp bớt cái ngã nên đối với vị Sa-di mới bảy tuổi mà dám hạ thấp mình, do đó mới chứng đạo mau như vậy. Cho nên, mình cần phải khéo thực hành để thực sự đạt đến cái thấy pháp và chứng pháp, đó là cái gương nhắc nhở cho mình tiến lên.

Trong nhà Thiền, Ngài Lâm Tế từng nhắc trong chúng:

- "Thế nào là pháp? Pháp chính là tâm pháp, mà tâm pháp thì không hình, thông suốt cả mười phương, hiện dụng ngay trước mắt. Người tin chẳng kịp liền nhận danh nhận cú, nhằm trong văn tự muốn suy lường Phật pháp thật cách xa trời đất!"

Tức là người khéo thì nhận được cái tâm pháp đó, đó mới là chỗ chân thật. Còn "*người tin chẳng kịp thì liền nhận danh nhận cú*", là người không khéo thì theo danh từ câu chữ, rồi ở trong đó mà muốn suy lường Phật pháp thì quả thật cách xa rồi!

Ngài bảo thêm:

- "Đại đức! Ông chớ nhận cái áo, nó chẳng biết cử động. Chính người hay mặc áo thì có cái áo "thanh tịnh", có cái áo "vô sanh", áo "Bồ-đề", áo "Niết-bàn", có áo "Tổ", áo "Phật".

Tức là Ngài nhắc mình chớ có nhận cái áo mà phải thấy được người hay mặc áo, đó mới là chính yếu, còn những danh từ "thanh tịnh", "giải thoát", "Bồ-đề", "Niết-bàn", "Tổ", "Phật" thì chỉ là mấy cái áo mặc thôi! Nhưng thường thì người học Phật lại hay mắc kẹt trên những cái áo, mấy cái đó chỉ là danh từ thôi, nó có biết giác ngộ giải thoát gì đâu! Vô sanh, hay Bồ-đề, hoặc Niết-bàn thật thì không nằm trong những cái tên đó, nhưng người không khéo thì cứ lo học trên những cái tên đó rồi phân tích chia chẻ: "Bồ-đề" như thế nào, "Niết-bàn" như thế nào, "Tổ" như thế nào, "Phật" như thế nào, rồi "thanh tịnh" như thế nào v.v... Cứ phân tích dài dài trên những cái tên đó, nhưng không thấy Bồ-đề ở đâu hết! Nếu lột hết những cái tên này ra thì Bồ-đề, Niết-bàn ở đâu? Làm sao chỉ ra? Ông Bàng Uẩn có bài kệ:

*Độc kinh tu giải nghĩa
Giải nghĩa thủy tu hành.
Nhược năng y nghĩa học
Tức nhập Niết-bàn thành.
Độc kinh bất giải nghĩa
Đa kiến bất như manh.
Duyên văn quản chiếu địa
Tâm trung bất khảng cân.
Diễn diễn tổng thủy thảo
Đạo tòng hà xứ sanh?*

Dịch:

***Độc kinh cần hiểu nghĩa
Hiểu nghĩa mới tu hành.
Nếu hay nương nghĩa học
Liền vào Niết-bàn thành.***

Ông nói rằng đọc kinh cần thấu được nghĩa, mà hiểu được nghĩa thì mới biết tu hành. Vậy nếu hay nương nơi nghĩa để học sâu vào, tức vượt qua danh từ thì liền vào được thành Niết-bàn.

***Độc kinh chẳng hiểu nghĩa
Thấy nhiều chẳng bằng mù.
Theo văn rộng chiếm đất
Trong tâm chẳng chịu cày.***

Tức là cứ theo văn tự, ôm cho nhiều đất nhưng trong tâm không lo cày, tức không lo tu gì hết thì:

*Khoảnh khoảnh ruộng là cỏ
Thì lúa mọc đâu đây?*

Tức là tâm mình không lo cày, để cỏ hoang mọc đầy trong đó thì tìm đâu ra lúa? Lúa mọc được chỗ nào? Đó để nói lên học mà không thực hành thì tâm đầy phiền não, cũng như ruộng đầy cỏ hoang thì giác ngộ từ đâu mà có? Đó là để thức tỉnh người học đạo phải học sao cho thật đúng với ý nghĩa học đạo, phải thấu qua những chữ nghĩa mà thấy được pháp, thì đó mới là khéo.

II. PHẢN QUAN TỰ KỸ.

"Phản quan tự kỹ" tức tự soi xét lại chính mình, đây là điểm trọng yếu trên đường học Phật. Mình học lời Phật, lời Tổ, lời Kinh nhưng phải soi xét lại chính mình để thắp sáng vào cuộc sống thì đó mới là thật học, chứ không phải là học để thêm kiến thức, thêm hiểu biết. Cho nên học lời Phật, lời Tổ, lời Kinh thì phải khéo chuyển những nghĩa lý chết ở trong văn tự thành những nghĩa lý sống, làm sao có sức sống chân thật thì đó mới thực sự là người học chân thật.

Có câu chuyện vào thời Đường, Tướng công Vu Định đến hỏi Thiền sư Đạo Thông ở núi Từ Ngọc:

- *Thế nào là gió đen thổi thuyền bè trôi dạt vào nước quỷ La-sát?*

Ở đây, ông dẫn trong kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn: "*Người đi biển khi gặp gió đen (gió dữ, gió bão) thổi thuyền bè trôi vào trong nước quỷ La-sát, nếu thành tâm niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì liền được khỏi*".

Thiền sư Đạo Thông bèn đáp:

- *Cái gã khách Vu Định này hỏi chuyện ấy làm gì?!*

Vu Định là một ông tướng trong triều, nghe vậy bèn chạm tự ái nên đỏ mặt lên liền! Thiền sư Đạo Thông ngay đó liền chỉ và nói:

- *Chính đó là trôi dạt vào nước quỷ La-sát!*

Ở đây, ông Vu Dịch này lấy câu trong kinh đem ra hỏi nhưng Thiền sư Đạo Thông không giải thích theo chữ nghĩa, không nói gió đen là gió dữ, gió này, gió kia v.v... mà đi thẳng vào khiến ông soi lại ngay chính mình để thấy được chân nghĩa của nó như thế nào, thì đó mới là nghĩa sống. Tức là vừa nghe nói ông bèn nổi sân lên thì đó là gió dữ thổi vào nước quỷ La-sát chứ gì nữa! Ngay đó thì ông tỉnh lại.

Cũng như Thiền sư Bồn Như, khi còn đi tham học Sư đến tham vấn Tôn giả Pháp Trí:

- *Thế nào là vua các kinh?*

Đây cũng là dẫn ra trong kinh Pháp Hoa.

Tôn giả Pháp Trí bèn bảo:

- *Ông làm Tri khó ba năm đi rồi ta sẽ nói cho ông nghe.*

Thiền sư Bồn Như vâng lệnh. Mãn ba năm, Sư lại đến thưa:

- *Nay xin Hòa thượng nói cho.*

Tôn giả Pháp Trí bèn gọi to:

- *Bồn Như!*

Sư ứng:

- *Dạ.*

Ngay đó, Sư liền ngộ ra vua các kinh liền! Sư bèn làm bài tụng:

*Xứ xứ phùng quy lộ
Đầu đầu đạt cố hương.
Bồn lại thành hiện sự
Hà tất đãi tư lương.*

Dịch:

***Chốn chốn gặp đường về
Nơi nơi vốn quê xưa.
Xưa nay việc bày hiện
Nào phải đợi nghĩ suy.***

Tức là lẽ thật luôn luôn bày hiện ở trước mắt, khắp nơi chỗ nào cũng là quê hương của mình, nếu khéo thì ngay đó nhận liền khỏi suy nghĩ gì hết. Như vậy, Ngài Bồn Như ban đầu kết trên chữ nghĩa, đọc kinh Pháp Hoa có đoạn: "*Kinh Pháp Hoa là vua các kinh*" nên Sư mới đi hỏi. Nhưng Tôn giả Pháp Trí là bậc đã đạt đạo nên không giải

cho Sư theo chữ nghĩa. Điểm thứ hai là Ngài Pháp Trí còn khéo khiến cho Ngài Bồn Như hết sức thành tâm tập trung vào vấn đề, miên mật không còn phân tán, không còn nghĩ chuyện gì khác lung tung nên bảo: "*Ông hãy làm Tri khó ba năm đi*". Mà đúng là Ngài Bồn Như có đầy đủ lòng tin với Ngài Pháp Trí cho nên nghe bảo như vậy thì liền vâng lời. Và trong ba năm đó, Sư cũng luôn luôn tập trung vào vấn đề này không quên, làm thì làm nhưng lúc nào cũng nhớ làm sao giải quyết vấn đề này, cho nên ba năm trôi qua mà vấn đề này vẫn còn ở trong đầu! Chứ nếu như người khác thì chắc là làm chừng một năm là thấy buồn chán quá! Mà chính cái tâm hết sức thiết tha như vậy cũng giống như cửa mở sẵn, tức là sẵn sàng đón nhận nên ngay đó Ngài Pháp Trí khéo đánh thức một cái nhẹ thì Ngài Bồn Như nhận ra liền: "*Vua các kinh là ở ngay nơi chính mình chứ không ở đâu xa hết!*". Thì đó mới là cái nghĩa sống, cái nghĩa thật, và đó là thấy được chân giáo pháp. Ấy là nhắc nhở mình phải luôn khéo soi lại chính mình chứ đừng có lo chạy ra ngoài!

Lục Tổ từng bảo Ngài Thần Hội:

- *Nếu tâm ông mê chẳng thấy thì hỏi Thiện tri thức để tìm lối đi, còn nếu tâm ông đã tỏ ngộ thì liền tự thấy tánh, bèn y nơi pháp mà tu hành. Ông tự mê không thấy được tự tánh lại còn đến hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì tự mình biết há thay cái mê cho ông? Còn nếu ông tự thấy thì cũng không thay được cái mê cho ta, sao chẳng tự biết tự thấy mà đi hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?*

Đây là đoạn Ngài Thần Hội đến hỏi Lục Tổ: "*Ngài thấy hay không thấy?*". Chuyện này với người khác mà nghe hỏi vậy thì cũng thích bày tỏ thấy thế này thế kia v.v... nhưng với Lục Tổ thì không phải vậy, Ngài thấy thấu tâm can Ngài Thần Hội. Nghĩa là chuyện của ông mà ông không lo giải quyết, lại lo hỏi ta thấy hay không thấy. Chuyện của ta có dính dáng gì tới ông đâu, ông thấy hay không thấy mới quan trọng. Cũng như ông ngộ hay không ngộ thì đó mới quan trọng, còn chuyện ta ngộ hay không ngộ là chuyện của ta, không phải chuyện của ông mà ông lại lo hỏi ta. Nếu thật sự ta ngộ thì ta có thay cho ông được hay không?! Cho nên, đây là Tổ nhắc nhở để đánh thức cho Ngài Thần Hội phải soi lại nơi chính mình để mở sáng trí tuệ, đó mới là thiết yếu.

Mà trường hợp này bây giờ cũng có, nhiều vị đến hỏi: "*Thấy ngộ chưa?*" thì chuyện ngộ hay không là chuyện của thầy, còn mình ngộ hay không mới là quan trọng. Cứ lo đi hỏi, đi thử thầy hoặc người này, người kia v.v... Có vị chưa ngộ gì hết mà cũng lo đi thử người này người kia coi có ngộ hay không, đúng là chuyện không thực tế. Cứ lo đi thử người này người kia ngộ chưa, còn mình thì chưa ngộ gì hết nên đi thử rồi bị người ta thử lại liên hồi! Hiểu kỹ như vậy để thấy con đường đi, làm sao mình học pháp, thấy được pháp rồi sống được pháp, tức là học đạo rồi thường khéo soi lại và mở sáng nơi chính mình. Được vậy thì mới bớt mê lầm, bớt phiền não, càng học đạo thì càng đi sâu vào trong đạo, chứ không phải là học chữ nghĩa cho thêm kiến thức, thêm hiểu biết, thì nhiều khi cũng là bệnh, phiền não cũng không bớt gì.

III. TÓM KẾT.

Pháp luôn luôn hiện hữu khắp nơi chứ Phật không có giấu, Tổ cũng không có giấu, chỉ là mắt tâm của mình chưa mở mà thôi. Phật, Tổ sẵn sàng chỉ hết nhưng do mắt tâm mình chưa mở nên mới bị chữ nghĩa che mờ thành ra mê không thấy. Bây giờ đây mình khéo thường soi trở lại để mở sáng mắt tâm thì sẽ thấy rõ là ánh sáng của pháp luôn luôn hiện tiền khắp nơi. Được như vậy thì mình học Phật mới thấy có niềm vui, thật sự bớt được những phiền não, những chấp trước. Rõ Pháp hiện tiền khắp nơi thì đi đâu cũng thấy pháp chứ không thấy phiền não, còn ngược lại mình cứ thấy phiền não thì tức là không thấy pháp.

Ngài Bàn Sơn tức Thiền sư Bảo Tịch, khi còn tham học tâm lúc nào cũng chuyên tâm tham thiền không có nghĩ lung tung, tức lúc nào cũng nghĩ đến pháp. Cho nên, một hôm đi ngang qua chợ gặp một người mua thịt nói với người bán thịt:

- Ông cắt cho tôi một miếng thịt thật ngon.

Người bán thịt nghe vậy hơi không vừa ý nên buông dao đứng khoanh tay bảo:

- *Này trưởng sư, ở đây miếng nào chẳng ngon?*

Ngay câu đó, Ngài Bảo Tịch liền có tỉnh! Quý vị thấy, đơn giản đó chỉ là câu chuyện thông thường ở ngoài đời: ông này đi mua thịt thì ông kia nói ở đây miếng nào cũng ngon; nhưng với Ngài

Bảo Tịch thì khác: Ngài không phải thấy thịt mà là thấy pháp. Với người đời, tâm lúc nào cũng nghĩ theo chuyện thế gian nên nghe nói thịt thì chỉ nghĩ đến thịt, còn Ngài Bảo Tịch bởi vì đang tham thiền, lúc nào cũng nghĩ cũng nhớ pháp, làm sao sáng được pháp nên khi nghe tới đó là tỉnh được pháp, thấy được pháp. Đó bởi vì pháp hiện bày khắp nơi, chỗ nào cũng có pháp hết nên ngay đó thì Ngài liền tỉnh ngộ. Cho nên, học Phật thì phải khéo chuyên tâm, còn mình thì ngược lại, cứ tán tâm nghĩ chuyện thế gian! Ở đây, ngay nơi pháp thế gian mà các Ngài còn thấy đó là Phật pháp, còn mình thì nhiều khi Phật pháp mà lại thấy thành thế gian pháp. Đang tụng kinh mà nghĩ chuyện thế gian thì lúc đó là thấy pháp thế gian, không thấy được kinh nữa rồi! Cũng có khi tâm mình nghĩ lung tung nên đối với Phật pháp mình lý luận một hồi thành ra thế gian pháp nữa, nên phải khéo cẩn thận!

Thời còn tại thế, một lần Đức Thế Tôn đến vùng Alavi, Ngài thuyết một thời pháp về quán niệm sự chết. Tức là ai ai cũng sẽ chết, cái chết sẽ đến không ai tránh khỏi, làm sao phải thường nhớ thường quán như vậy để chuẩn bị thì khi cái chết đến, mình sẽ bình tĩnh có cách đối phó chứ không sẽ hoảng hốt. Khi đó, có cô gái con của người thợ dệt tui mới mười sáu tuổi nhưng nghe xong thì cô cảm kích: "*Những lời Đức Thế Tôn dạy thật kì diệu!*". Khi về nhà, cô bắt đầu thực hành, cô quán niệm liên tục suốt cả ngày đêm. Ba năm sau, một buổi sáng Đức Thế Tôn quán sát nhân duyên thì thấy cô gái này sẽ được độ vào dòng Thánh, cho nên Ngài mới cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo đi đến vùng Alavi để độ. Nghe tin Đức Phật đến, dân chúng ở đây rất vui mừng nên cùng nhau đến thỉnh Phật cúng dường rồi nghe pháp. Cô gái này nghe tin đó cũng rất vui mừng muốn đến gặp Phật, nhưng hôm ấy bắt ngờ cha cô trước khi đi đến xưởng dệt lại dặn: "*Này con, trên khung cửi của cha còn một khổ vải chưa dệt xong, nhưng cha phải dệt xong ngày hôm nay để giao cho người ta. Con quán chỉ vào thoi cho dấy rồi mang gấp đến cho cha*". Nghe như vậy, cô đành hoãn lại chuyện đi nghe pháp và ngồi vào ghế để quán sợi mang đến cho cha.

Hôm ấy là một hôm đặc biệt, theo pháp thường của chư Phật, sau khi thọ trai xong, Ngài sẽ thuyết một thời pháp cho các thí chủ nghe; nhưng hôm nay sau khi Đức Phật thọ trai xong, mọi

người chờ nghe pháp nhưng Ngài ngồi im lặng. Tuy vậy, khi Đức Phật ngồi im lặng thì dù cho chư Thiên cũng không dám hỏi nữa. Đó bởi vì Đức Phật chờ cô gái này, Ngài từ xa đến đây để độ cô vì Ngài biết rằng trong ngày hôm nay cô gái này sẽ chết, nếu độ được thì trong ngày hôm nay cô gái này sẽ được vào dòng Thánh với quả Tu-đà-hoàn. Sau khi đánh xong chỉ vào thoi, cô bèn bỏ vào giỏ đem đến xưởng dệt cho cha. Đường đi thì ngang qua Tinh xá nên cô đứng ở lại vòng ngoài của thính chúng và chăm chú nhìn Đức Phật. Ngay đó, Đức Thế Tôn cũng thấy cô, trong cái nhìn của Đức Phật cô hiểu ý Phật muốn nói gì đó cho nên cô đến gần cung kính đánh lễ Đức Phật và ngồi vào trong hàng thính chúng.

Đức Thế Tôn bèn hỏi cô:

- Con từ đâu đến?

Cô thưa:

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Đức Phật hỏi tiếp:

- Vậy con sẽ đi về đâu?

Cô đáp:

- Bạch Thế Tôn, con không biết nữa.

Phật hỏi:

- Con không biết hay sao?

Cô thưa:

- Bạch Thế Tôn, con biết.

Phật hỏi thêm:

- Con biết thật không?

Cô đáp:

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Khi ấy, thính chúng nghe như vậy thì tỏ vẻ bức bối khó chịu: "Tại sao cô gái này dám trả lời với Đức Thế Tôn có vẻ đùa như vậy?!". Đức Phật bèn bảo tất cả im lặng rồi Ngài hỏi lại cô cũng như để cho tất cả đại chúng hiểu được:

- Nay con, khi Như Lai hỏi: "Con từ đâu đến" thì tại sao con lại đáp là con không biết?

Cô thưa:

- Bạch Thế Tôn, Ngài hẳn biết rằng con từ nhà đến đây, nhưng Ngài hỏi như thế thì con hiểu

ý Ngài muốn hỏi con là từ đâu mà sanh đến đây, điều đó con không biết cho nên con đáp là con không biết.

Phật khen ngợi:

- Lành thay!

Đức Phật hỏi tiếp:

- Nay con, còn khi Như Lai hỏi: "Con sẽ đi đến đâu" thì tại sao con lại đáp là con không biết?

Cô đáp:

- Bạch Thế Tôn, Ngài cũng biết là con đi đến xưởng dệt vì ở trên tay con đang cầm cái giỏ thoi, nhưng Ngài hỏi như thế thì con hiểu ý Ngài muốn hỏi con là sau khi rời khỏi nơi này (tức thân này) con sẽ sanh về đâu, điều đó con không biết nên con đáp là con không biết.

Phật lại tán thán lần nữa rồi hỏi tiếp:

- Nay con, còn khi Như Lai hỏi: "Con không biết sao" thì tại sao con lại đáp là con biết?

Cô thưa:

- Bạch Thế Tôn, con đáp như thế vì con biết chắc chắn là con sẽ chết, đó là điều phải đi đến.

Đức Phật lại khen ngợi lần nữa rồi hỏi tiếp:

- Nay con, còn khi Như Lai hỏi: "Con biết thật không" thì tại sao con lại đáp là con không biết?

Cô đáp:

- Bạch Thế Tôn, con đáp như thế vì điều con biết chắc chắn là con sẽ chết nhưng chết như thế nào, chết vào lúc nào: vào ban đêm hay ban ngày, buổi sáng hay buổi chiều v.v... thì con không biết được, cho nên con đáp là con không biết.

Đức Thế Tôn lại khen ngợi cô lần nữa rồi bảo thính chúng:

- Các người không hiểu ý của cô bé nên mới nổi giận. Với người nào không có tuệ nhãn thì họ đui mù, chỉ người nào có tuệ nhãn thì mới thấy được điều này.

Phật bèn nói mấy câu pháp cú. Kết thúc thời pháp, cô gái chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau đó thì cô đi đến xưởng dệt, lúc đó cha cô đang ngủ. Cô bèn đưa cái giỏ thoi vào, ông giật mình bèn choàng dậy kéo cửi trở lại. Đầu khung cửi đột ngột văng vào ngực của cô, cô ngã ra chết liền sanh lên cõi trời

Đâu-suất. Cha cô rất buồn, bèn đến thưa hỏi Phật, nghe pháp, sau đó ông xin đi xuất gia và cũng chứng quả A-la-hán.

Như vậy, đó cũng để nói lên cô gái này mới có mười mấy tuổi nhưng có chừng tử Bồ-đề sâu nên tuy nghe Phật thuyết một thời pháp ngắn nhưng cô thấm sâu và ứng dụng liền, quán niệm liên tục suốt ngày đêm. Nó thấm sâu vào tâm trí cô nên cô lúc nào cũng thấy pháp, nên khi đến gặp Phật, Phật hỏi những câu đó thì với mọi người chỉ là thấy theo bình thường ở thế gian (hỏi ở đâu đến thì nói là ở nhà, hỏi đến đâu thì đáp đến kia v.v...); nhưng cô vì thấy được pháp nên biết Phật hỏi như vậy không phải là hỏi theo kiểu thường tình thế gian mà muốn hỏi cô từ đâu sanh đến đây, rồi hỏi đi đến đâu tức sẽ tái sanh đi về đâu. Mà đúng là vậy, trong lòng cô lúc nào cũng quán niệm về sự chết, lúc nào cũng là thấy pháp thôi nên nói ra thì chỉ nghĩ đến nó. Bởi vậy, quý vị khéo ứng dụng thực hành như vậy thì bảo đảm, cái chết có đến thì cũng vẫn thấy pháp.

Đó là những điểm muốn nhắc cho tất cả người học đạo, làm sao mình học để ứng dụng, để sống luôn luôn thấy pháp, thấy được chân giáo pháp chứ không phải là thấy pháp trên văn tự chữ nghĩa hoặc là trên những lời lẽ mà thôi. Được như vậy thì mới xứng đáng với tinh thần học đạo, học pháp. Mà như vậy thì mới bảo đảm cuộc sống của mình sẽ có nhiều an vui, là sống có pháp, thì cuộc đời mới thật có ý nghĩa. Kiểm lại xem, nếu cuộc đời này mà quý vị sống không có pháp thì có ý nghĩa gì? Sinh ra, lớn lên, rồi lập gia đình tạo sự nghiệp, vui chơi thế này thế kia v.v... rồi chết! Hoặc là sáng dậy mở mắt ra, đánh răng, rửa mặt, súc miệng, lo ăn rồi đi làm, chiều về rồi ăn, rồi ngủ, ngủ rồi thức dậy, thức dậy rồi ăn, ăn rồi đi làm, đi làm rồi ăn, rồi đi chơi, đi ngủ v.v... rồi chết! Sống như vậy thì quý vị thấy ý nghĩa gì?! Xét kỹ, mình có duyên gặp Phật pháp, rồi học để mà sống thì đó mới đúng là, sự sống có những ý nghĩa sâu xa, cao quý hơn. Được như vậy thì mình mới thấy rằng: "Vua Trần Nhân Tông đi tu là có lý!". Đúng là dù cho ngai vàng, điện ngọc v.v... gì đi nữa thì cũng còn chưa phải quý, trong Phật pháp quả còn có cái gì đó cao quý vượt hơn nữa nên Ngài mới sẵn sàng từ bỏ để đi tu. Thấy như vậy thì mình mới quý trọng pháp, mới thấy đúng là Pháp bảo.

Mong sao tất cả học pháp, thấy được pháp để thấy rằng Đức Như Lai vẫn luôn luôn dạy chúng ta đây chứ chưa có mất. Được như vậy thì bảo đảm trên đường học Phật mình luôn có chỗ nương tựa chắc chắn, chánh pháp vẫn luôn soi sáng thế gian chưa từng gián đoạn.

Thiền Trà

*Núi là núi, sông là sông
Thiền là một tách trà nồng trên tay
Nước là nước, mây là mây
Thiền là hiện hữu phút giây đang là.
Tây phương vốn giữa ta bà
Khác nhau một niệm Phật ma đối đời.*

*Đạo là đạo, đời là đời
Nhịp nhàng song vận không rời khỏi nhau
Nơi hạnh phúc ẩn niềm đau
Bên dòng lệ khổ có câu kinh huyền.*

*Động là động, thiền là thiền
Cái nhìn Như Thị thôi phiền năng, mưa.
Thực tại trôi giữa đời mơ
Một dòng sương khói đôi bờ nhị nguyên
Trắng rơi xuống tách trà thiền
Ai cười vỡ mộng nơi miền tử, sinh..*

Như Nhiên - Thích Tánh Tuệ

Tâm Xuân

*Người qua một giấc Đông miên
Trở mình tỉnh thức.. ngoài hiên Xuân về
Gió xuân lay nhánh Bồ đề
Chấp tay sen, chợt bốn bề ngát hương !
Xuân về xin gửi tình thương
Chan hòa tựa ánh triêu dương rạng ngời
Xuân thiêng liêng giữa đất trời
Ước nguyện đây đó muôn người lạc an.
Chuông chùa huyền diệu ngân vang
Lay cảnh Mai dậy nở vàng trước hiên.
Chúa Xuân trong cõi Trăm Nhiên
Khoan thai nhẹ bước.. bình yên vào đời,
Thấp mùa xuân giữa môi cười
Thấp Tâm Xuân để lòng người mãi xuân.*

Thích Tánh Tuệ

Ra khỏi hầm lửa

HT Thích Thanh Từ

Hôm nay Tăng Ni, Phật tử về đây để mừng năm mới và tha thiết chúc tụng chúng tôi. Thật ra chúng ta mừng thêm một tuổi hay buồn bớt đi một năm sống ? Lần lượt hết năm này sang năm khác, cứ thế mà chúng ta trải qua mấy mươi năm từ thuở bé cho đến ngày nay. Riêng tôi thì tóc bạc da nhăn rồi, còn quý vị có người tóc đã bắt đầu bạc, cũng có người còn trẻ hơn. Trên con đường sanh tử, có người đi hơn nửa đường, có người đi nửa đường, có người mới đi một phần ba, một phần tư đường, đã đi thì nhất định là phải đến, không ai không đến.

Thế nên trong nhà Phật lễ sanh tử là một việc lớn. Vì sợ vô thường nửa chừng, qua được một năm là thấy mình sống thêm một tuổi, sang năm tới chưa biết có tròn được một năm không, nên năm mới mừng tuổi có nghĩa là mừng sống thêm một tuổi. Mừng thêm một tuổi là buồn bớt đi một năm sống, nhưng vì thêm một tuổi là qua được cái yếu và thêm cái thọ, nên tạm gọi đó là mừng.

Riêng chúng tôi, thấy Tăng Ni là những người mình cuu mang từ bao năm nay, chúng tôi muốn những người đó mỗi ngày một hay, mỗi ngày một cao thượng, mỗi ngày thêm sáng suốt, giác ngộ và giải thoát. Thế mà nhiều khi chúng tôi thấy có những người không tiến bao nhiêu, hy vọng được giải thoát nhưng lại trói buộc nhiều, muốn được giác ngộ nhưng ngọn đèn trí tuệ lu mờ từ từ. Đó là những điều làm cho chúng tôi phải lo lắng. Vì vậy mỗi năm, chúng tôi đều nhắc nhở Tăng Ni và Phật tử, phải có cái nhìn xuyên suốt từ buổi ban sơ cho đến hiện nay, để thấy rõ bước tiến của mình mỗi năm mỗi khác, chớ không nên dậm chân một chỗ hoặc thoái lui, vì như thế là điều đáng buồn. Đề tài tôi nhắc nhở quý vị hôm nay là Ra khỏi hầm lửa.

Nếu không có chủng duyên lành từ nhiều đời trước, chắc chúng ta khó có thể xuất gia, cạo tóc, ở chùa tu hạnh giải thoát. Từ khi lọt lòng mẹ đến khi khôn lớn, chúng ta có bốn phận đối với cha mẹ quyến thuộc và có trọng trách đối với gia đình, xã hội. Vậy mà chúng ta dứt bỏ được tất cả manh mối trói buộc để một mình an ổn thanh tịnh nơi đạo tràng tu hành thanh tịnh, đó là do đầy đủ phúc

duyen chớ không phải ai muốn cũng được. Đã có phúc duyên lớn như vậy, chúng ta không nên chần chờ, thờ ơ để cho duyên tốt đó bị mai một, như thế là hủy hoại nhân lành đã gieo từ bao đời, đến nay mới được thành tựu. Là người từ trong trăm mối buộc ràng của gia đình, xã hội mà cắt đứt tất cả, ở yên tu hành chúng ta phải nhớ làm tròn bốn phận để khỏi hổ là mở việc này lại cột việc khác.

Tránh sự bận rộn phiền toái của gia đình, vào chùa lại cũng phiền toái bận rộn, đó là điều sai lầm, không đúng tinh thần người học đạo.

Kinh Nguyên thủy có kể thầy Sa-di Sanu, đi tu từ thuở năm bảy tuổi cha mẹ gởi vào tỉnh xá ở với chư Tăng. Một thời gian sau, học hành khá thuyết pháp hay, nhưng không biết vì lý do gì thầy lui sụt tâm Bồ-đề, về xin mẹ hoàn tục. Bà mẹ là người tha thiết với đạo, thấy thầy chán nản việc tu hành nên bà buồn khóc. Thầy Sa-di lấy làm lạ hỏi:

*Thưa mẹ người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống không được thấy.
Thưa mẹ con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao thưa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con ?*

Ý thầy muốn hỏi: Ở thế gian người ta khóc vì đau khổ khi con chết, hoặc vì còn sống mà phải chia tay mỗi người một nơi. Thầy còn sống và còn về gặp mẹ, vậy tại sao mẹ khóc ? Bà mẹ đáp:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc khi con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết,
Này con, được kéo ra,
Khỏi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chăng ?*

Bà mẹ nói lý do quá rõ ràng: Không phải bà khóc vì con chết hay vì sống mà không thấy mặt nhau, mà khóc cho đứa con đã bỏ dục lạc thế gian,

nay muốn trở lui lại, giống như kẻ đang sống mà thành chết. Khóc cái chết là khóc cho người bỏ tâm hồn trong trắng, sáng suốt, trở lại thành con người tối tăm u mê, chính đó là niềm đau khổ của bà mẹ. Thứ nữa bà thấy con mình xuất gia, chẳng khác nào người được kéo ra khỏi hầm lửa. Đã ra khỏi hầm lửa, nay lại nài nỉ xin trở vào, biết cái khổ đó, bà thương xót nên khóc. Đó là hai lý do khiến bà buồn khổ. Như thế đối với bậc cha mẹ biết đạo lý, khi thấy con đi tu, đã thâm nhập đạo lý và sống được trong đạo một thời gian thì niềm vinh hạnh của cha mẹ rất lớn, mừng con mình có hạnh xuất trần thoát tục, mừng con được rảnh rang nhàn hạ trong đạo đức, rồi mai kia sẽ làm lợi ích cho nhiều người. Khi con được cha mẹ đặt hy vọng, đặt niềm tin, nay trái lại muốn bỏ đạo lý để trở thành người thế tục, điều đó khiến cha mẹ đau khổ hơn lúc cho con đi tu. Một là nhục nhã vì con mình không tròn chí nguyện cao cả, hai là thương con đã có chí giải thoát xuất trần, đã được thanh thoi nhàn hạ, nay lại trở thành người tầm thường, lẫn trong trần tục, bị muôn mối buộc ràng. Vậy đã là người xuất gia chúng ta phải làm thế nào ? Chần chờ để qua ngày tháng hay có niệm thôi lui trở về tìm hưởng dục lạc ? Hai quan niệm đó đều tội lỗi, đều gây khổ đau cho cha mẹ.

Thiền sư Đạo Ưng nói: *“Các ông xuất gia như kẻ tội ra khỏi khám đường, nên ít muốn biết đủ, chớ tham danh lợi ở đời... được ở trong Phật pháp phải mười phần sống chín phần chết...”* Lời nói của Ngài đơn giản, nhưng thâm thúy biết bao ! Người xuất gia không phải chỉ bỏ nhà cha mẹ vào trong chùa là đủ. Xuất gia có ba nghĩa, vượt ra khỏi nhà thế tục, vượt ra khỏi nhà phiền não và vượt ra khỏi nhà luân hồi trong tam giới. Ngày xuất gia chúng ta thệ nguyện ra khỏi nhà phiền não, nhà trầm luân trong tam giới, có khác nào ra khỏi khám đường. Đã ra khỏi khám đường mà còn nài nỉ xin trở vào thì có hợp lý không ? Dĩ nhiên là không. Một lần ra khỏi vĩnh viễn không trở lại, đó mới là người khôn ngoan sáng suốt. Nếu ra rồi còn muốn trở lại thì thật là rất dại khờ, làm cho những người chung quanh nhìn chúng ta với đôi mắt thương xót. Đã ra khỏi khám đường rồi chúng ta phải làm gì nữa ? Ngài nhắc nên ít muốn biết đủ, tức là bớt lòng tham lam, đừng muốn nhiều, đừng gây tạo nhiều, để có thì giờ tu hành. Đừng tâm tham muốn không chạy theo danh lợi, vì nó là sợi dây, là miếng mồi nhử chúng ta trở lại vòng đau

khổ của khám đường. Muốn thực hiện bản nguyện ra khỏi vòng trầm luân tam giới, Ngài dạy chúng ta ở trong Phật pháp, mười phần sống phải chết hết chín phần. Ngày nay chúng ta phải chết chín phần thế tục, chỉ còn một phần nhỏ là phải ăn phải mặc, phải tới lui qua lại, cái còn đó rất đơn giản, rất ít oi, chớ đừng sống trọn vẹn như người thế tục. Chính sự tinh tấn tu hành là gốc để chúng ta thoát ly tam giới. Muốn được như thế chúng ta phải hạn chế những nhu cầu, những mong muốn. Chúng ta phải bớt đi, càng bớt nhiều thì tinh thần tu hành càng tăng trưởng. Trái lại chúng ta cứ đòi hỏi, cứ chạy theo chúng thì tinh thần tu hành ngày càng giảm sút. Thế nên Ngài dạy mười phần sống phải chết chín phần.

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương đức Phật cũng đã từng dạy: *“Người xuất gia ra khỏi dục lạc của thế gian, chẳng khác nào người khạc đàm dãi nhổ xuống đất.”* Khi khạc đàm dãi nhổ xuống đất rồi, chúng ta có muốn ngó lại nó không ? Chắc gồm lăm, không muốn ngó lại. Ngó lại còn không muốn, huống nữa lấy tay sờ, lấy lưỡi liếm. Cũng thế, người đã xuất gia, thấy rõ những cái dở, cái xấu, cái hại của thế gian, thì phải dứt khoát vượt ra khỏi trần lao để làm lợi ích cho mọi người. Nói cách khác là để đui dắt mọi người cùng ra khỏi trần lao. Thế nên chúng ta không thể xem thường, phải thấy dục lạc thế gian là mối họa lớn cần phải tránh, cần phải không nhìn đến thì mới có thể vươn lên được. Nếu còn ưa thích, còn mơ ước nó, chúng ta sẽ chìm đắm, đau khổ.

Sư Ni Subha nói lại việc tu hành của bà trong một bài kệ dài, tôi dẫn một đoạn:

*Dục làm cho điên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy ác ma.
Dục nguy hiểm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.
Ta quyết định như vậy:
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn...*

Bà biết rõ dục lạc làm cho chúng sanh điên cuồng, nói những lời không đúng lẽ thật, nên gọi là loạn ngôn. Dục lạc làm cho tâm chúng sanh thác

loạn ô uế, nhiễm nhơ rồi dẫn dắt, lôi chúng sanh vào bẫy của ác ma, bị trói buộc trong vòng ma. Dục lạc nguy hiểm không thể nào kể hết, nó tạo nhiều khổ, là thuốc độc, là nhân của đấu tranh. Chúng ta cãi nhau giành giật nhau vì dục lạc. Chính vì tìm kiếm, theo đuổi dục lạc mà thân chúng ta héo tàn, kiếp sống trở nên khô khan, không tươi sáng. Biết như thế chúng ta quyết định không trở lại với dục lạc, vì đó là nhân gây bất hạnh, đau khổ. Mục tiêu chánh yếu của người tu là dứt hết nhân khổ đau, tiến tới an lạc Niết-bàn thanh tịnh. Không phải chỉ riêng bản thân chúng ta hết khổ, được vui. Chúng ta sẽ chỉ cho bằng hữu, cho huynh đệ, cho mọi người chung quanh cũng hết khổ, được an vui. Nếu chúng ta càng tu càng phiền não, càng héo hắt khổ đau, làm sao có thể đưa mọi người đến chỗ an vui ? Thế nên chủ yếu là chúng ta phải tự mình bỏ hết những mầm khổ đau để được an lạc tự tại, rồi hướng dẫn mọi người cùng an vui. Đó mới thật là người tu chân chánh, mới thật đạt được sở nguyện của người xuất gia.

Sơ Tổ Trúc Lâm có bài phú “Cư Trần Lạc Đạo” bằng chữ nôm, đây là một đoạn trong hội thứ mười:

“... Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao.

Chiền vắng am thanh, chính thật cảnh đạo nhân du hí.

Ngựa cao tán cả, Diêm Vương nào kể đũa nghênh ngang;

Gác ngọc lầu vàng, ngục tốt thiếu chi người yêu quý.

Chuộng công danh, lòng nhân ngã, thật ấy phạm phu;

Say đạo đức, dòi thân tâm, định nên thánh trí.

Mày ngang mũi dọc, tướng lạ xem ắt bằng nhau;

Mặt thánh lòng phàm, thực cách nhẵn vằn vằn thiên lý...”

Người tu phải ở chỗ nào ? “Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao.” Những kẻ ẩn sĩ lúc nào cũng thanh tịnh nơi núi hoang rừng rậm. Chiền vắng am thanh tức là chùa ở chỗ vắng vẻ, am ở chỗ yên tịnh, chính thật cảnh đạo nhân du hí; du hí là dạo chơi, bậc đạo nhân dạo chơi chỗ chùa vắng am thanh. “Ngựa cao tán cả, Diêm Vương nào kể đũa nghênh ngang”, dù được ngồi ngựa cao, che tán lớn việc đó trên thế gian thấy như

nghênh ngang đắc thế lắm, nhưng vua Diêm Vương có sợ không ? Tới ngày cũng lôi mình xuống dưới, chớ không ai tránh được. “Gác ngọc lầu vàng, ngục tốt thiếu chi người yêu quý”, người ở gác ngọc, lầu vàng là bạn yêu quý của ngục tốt, của ngưu đầu mã diện. Tại sao ? Vì chính đó là gốc của ái nhiễm, người ái nhiễm là bạn để cho ngục tốt hay ngưu đầu mã diện lôi xuống dưới chơi với nó. Như vậy hai trường hợp: trường hợp được ngựa cao tán cả cũng không thoát khỏi tay Diêm Vương, trường hợp được gác ngọc lầu vàng thì làm bạn với ngưu đầu mã diện. “Chuộng công danh, lòng nhân ngã, thật ấy phạm phu”, nếu tu mà còn quý mến công danh, còn ưa thích nhân ngã, quả thật chúng ta là kẻ phạm phu. Trái lại “Say đạo đức, dòi thân tâm, định nên thánh trí”, ở trong đạo, người nào tu hành say mê thích thú, thân tâm luôn đổi thay, ngày xưa một trăm phần phiền não, tu một năm còn chín chục phần, tu hai năm còn tám chục phần, tu mười năm thì hoàn toàn trong sạch, người đó mới thật là người tốt. Chính việc dòi dòi thân tâm là điều quyết định để trở nên con người thánh trí. Như vậy phạm phu là vì chuộng công danh, lòng nhân ngã, thánh trí là vì biết mến đạo đức, biết sửa đổi thân tâm. Chúng ta muốn làm phạm hay thánh đều tùy theo tâm niệm, của mình. “Mày ngang mũi dọc, tướng lạ xem ắt bằng nhau”, bất cứ ai dù đẹp dù xấu dù trắng dù đen... chân mày cũng ngang mũi cũng dọc xuống. Thấy dường như lạ nhưng đều bằng nhau nghĩa là giống nhau hết. “Mặt thánh lòng phàm thật cách nhẵn vằn vằn thiên lý”. Bài này dùng chữ mặt, chỗ khác viết lòng phàm, lòng thánh. Tuy về thân, dáng vẻ đồng nhau nhưng về tâm, tâm phàm, tâm thánh cách nhau muôn trùng. Câu nói gọn hơn là “Như nhau dọc mũi ngang mày, lòng phàm lòng thánh cách nhau ngàn trùng.” Như vậy ai cũng mày ngang mũi dọc giống hệt nhau, nhưng tâm hồn của người nhiễm ô trần tục và tâm hồn người được thanh thoát, tiêu dao trong cảnh thanh tịnh thì cách biệt nhau muôn trùng. Vậy tất cả chúng ta, ai là người có chí tu hành, phải cố gắng đạt cho kỳ được sự cao cả, sự thanh thân đó, đừng để trở thành kẻ phạm phu tục tử đáng chê, đáng trách.

Tôi nhắc lại một lần nữa, tất cả chúng ta đã có phúc duyên lành nhiều đời nên ngày nay mới được vào đạo, xuất gia, tu hạnh giải thoát. Đó là phúc đức lớn, vinh dự lớn của mình, đã được thì nên giữ và cố gắng làm tăng trưởng thêm. Có nhiều người

cũng muốn xuất gia, được thông thả tu hành như chúng ta, nhưng duyên của họ chưa đến. Vậy chúng ta phải cố gắng mỗi ngày mỗi tiến, đừng đứng nguyên một chỗ, cũng đừng lui sụt.

Tôi dẫn thêm bài kệ “*Sơn Phòng Mạn Hứng*” của Sư Tổ Trúc Lâm, quý vị nghe rồi ứng dụng đúng như tinh thần này:

*Thị phi niệm trực triều hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tàn vũ tĩnh sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điệu hựu xuân tàn.*

Dịch:

*Phải trái rụng theo hoa buổi sớm.
Lợi danh lạnh với trận mưa đêm,
Hoa tàn, mưa tạnh, non im lặng,
Xuân rồi còn dư một tiếng chim*
Đỗ Văn Hỷ

Phải trái rụng theo hoa buổi sớm, buổi sáng nhìn xuống gốc mai, chúng ta thấy mai rã cánh rất nhiều. Chúng ta tu thế nào mà bao nhiêu điều thị phi rụng như những cánh hoa lá tả rơi buổi sớm, chớ không dính chặt, dính cứng trong tâm mình.

Lợi danh lạnh với trận mưa đêm, mùa thu có những trận mưa đêm tầm tã, gió lạnh. Tâm danh lợi của mình cũng phải lạnh như vậy, lạnh không còn một chút hơi ấm nào.

Hoa tàn, mưa tạnh, non im lặng, Hoa tàn, mưa tạnh thì còn cái gì ? Còn một ngọn núi im lặng xanh rì. Cũng thế, tâm thị phi đã rụng hết, tâm danh lợi đã lạnh hết, lúc đó vẫn còn tâm thể thanh tịnh bất sanh bất diệt. Và còn điều gì nữa ?

Xuân rồi còn dư một tiếng chim, tuy mùa xuân tàn rồi mà còn một tiếng chim hót. Thật đẹp làm sao ! Tu hành phải như vậy, phải làm sao mà thị phi rụng hết như hoa buổi sớm, danh lợi lạnh ngắt như mưa đêm. Được như vậy sớm muộn gì cũng giải thoát. Mong rằng tất cả Tăng Ni cũng như Phật tử có được tâm niệm như ngài Điều Ngự Giác Hoàng đã nhắc trong bài kệ “*Sơn Phòng Mạn Hứng*”.

Hôm nay là ngày đầu năm, tôi có đôi lời nhắc nhở chung cho Tăng Ni và Phật tử. Mong rằng tất cả hãy ghi nhớ ý của chư Tổ, các bậc tu hành trước, lấy đó làm kinh nghiệm mà cố gắng học rồi làm theo gương người xưa, để xứng đáng là người xuất gia làm tròn sở nguyện của mình, hầu trên

đền đáp bốn ân, dưới cứu giúp ba cõi. Đó cũng là sở nguyện của chúng tôi.

cây...Có một người đến hỏi: Bồ Đề Đạt Ma từ phương Tây qua, có ý nghĩa gì?
Người ấy phải trả lời ra sao?

(Vô ngôn thuyết)

Thiền Sư Trí Nhân tỉnh ngộ

Sư quê ở Thanh Châu, chán tục xuất gia, đi tham vấn các nơi. Khi ở chỗ Tổ Bá Trượng, Sư tánh thức mình mất, tham thiền chẳng ngộ. Đến Tổ Bá Trượng tịch, Sư theo tham học với Qui Sơn Linh Hựu.

Một hôm Qui Sơn bảo: - *Ta nghe người ở chỗ Tiên sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là người thông minh lanh lợi, ý hiểu thức tướng là cội gốc sanh tử. Giờ đây thử nói một câu khi cha mẹ chưa sanh xem?*

Sư bị một câu hỏi này mờ mịt không đáp được. Trở về liêu, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: “*Bánh vẽ chẳng no bụng đói.*”

Đến cầu xin Qui Sơn nói phá. Qui Sơn bảo:

- *Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta; ta nói là việc của ta đâu can hệ gì đến người?*

Sư bèn đem những sách vở đã thu thập được đồng thời đốt hết. Sư nói: “*Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm Tăng thường làm việc cơm cháo, khỏi nhọc tâm thần.*”

Sư khóc từ già Qui Sơn ra đi. Thẳng đến Nam Dương chỗ di tích Quốc sư Huệ Trung. Sư trụ tại đây. Một hôm nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng, Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười.

Sư trở về tắm gội thắp hương nhắm hướng Qui Sơn đánh lễ, ca tụng rằng:

“*Hòa thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay.*”

(Trực nhận chơn tâm)

Muôn Pháp Nhất Như

“*Một tức là tất cả,
Tất cả tức một*”

(Tam Tổ Tăng Xán đời Đường)

TÂM SANH CÁC PHÁP SANH

Thích Thông Phương

I. PHÁP TÙY TÂM HIỆN.

Chúng sanh mê lầm quên tâm chạy theo vật, hướng ra ngoài gọi là theo duyên, do đó bị cảnh duyên chuyển quên mất gốc, nhận lầm các pháp là thật có, nên gọi là cái thấy điên đảo. Điên đảo là cái thấy lộn ngược, cái giả cho là thật, cái thật thì không nhận thấy.

Thiền sư Duy Tín nói:

“Khi chưa học đạo thấy núi sông là núi sông, khi học đạo thấy núi sông không phải là núi sông”.

Chưa học đạo còn mê, thấy núi sông là thật, ngoài tâm có Pháp thật nên muôn vàn cảnh khổ cũng theo đó mà sanh. Khi học đạo mở sáng được mắt tâm, biết rõ các pháp do duyên sinh không thật có, thấy được lẽ thật đó tâm không còn bám chấp nên phiền não cũng không sanh.

Thiền sư Phật Ấn cùng ngồi thiền với ông Tô Đông Pha, xả thiền ra ông Tô Đông Pha hỏi Thiền sư Phật Ấn:

- *Thầy thấy tôi ngồi Thiền hôm nay đáng ra sao?*

Thiền Sư Phật Ấn nói:

- *Hôm nay ông ngồi tốt lắm, ngồi đáng giống như Phật.*

Thiền sư Phật Ấn hỏi lại:

- *Còn ông thấy tôi ngồi đáng ra sao?*

Ông Tô Đông Pha lâu nay luận đạo thường bị thua Thiền sư Phật Ấn nên hôm nay được dịp trả lại, bèn nói:

- *Đáng Thầy ngồi giống như đồng phân bò.*

Hai tâm trạng rõ ràng, ông Tô Đông Pha lúc đó bị tâm hơn thua che nên ông không thấy đáng thật của Thiền sư Phật Ấn đang ngồi, mà chỉ biết trong đầu có câu trả đũa cho thỏa tức mấy lần đã bị thua. Về nhà gặp cô em gái, Tô Đông Pha kể lại cuộc đối đáp giữa ông và Thiền sư Phật Ấn cho Tô Tiểu Muội nghe. Nghe xong, cô phân tích cho ông

Tô Đông Pha thấy rõ tâm ngài Phật Ấn thanh tịnh sáng suốt nên nhìn cái gì cũng sáng suốt, nhìn ai cũng là Phật. Trái lại, ông Tô Đông Pha còn tâm hơn thua nên chỉ nhìn thấy đồng phân bò. Như vậy rõ ràng pháp là từ tâm sanh. Tâm trong sáng thanh tịnh thì chúng ta nhìn ra pháp gì cũng trong sáng, thanh tịnh; tâm dơ xấu thì nhìn ra pháp gì cũng thành dơ xấu.

Đó là bài học mà mỗi người phải tự kiểm nghiệm lấy chính mình. Trong cuộc sống hằng ngày, nếu lúc nào chúng ta cũng nhìn lại tâm sẽ chuyển đổi được nhiều tập nghiệp xấu. Khi chúng ta thấy người này xấu, người kia xấu thì biết là tâm chúng ta đang dơ xấu; hoặc thấy người này tốt, người kia tốt là biết tâm mình hiền thiện. Người mê thì luôn luôn cho rằng mình có cái nhìn sành đời, nhìn ai là biết xấu biết tốt, nhưng không ngờ là tâm mình đang chạy theo duyên, đang bị cảnh trôi. Nhờ tu Phật chúng ta mới thấy điều đó, tất cả các pháp là do tâm sanh.

Có vị tăng ở Hải Đông, trên đường đi tham học nhọc nhằn mệt mỏi quá, tới đến ông nghỉ tạm ở một ngôi mộ cổ. Đang khát, ông nhìn thấy bên cạnh có một chút nước, mới lấy uống. Đang khát mà uống được nước, ông cảm nhận nước thật ngọt ngào. Rồi ngủ một giấc cho tới sáng. Sáng dậy, ông thấy bên cạnh có cái đầu lâu chứa một ít nước. Nhớ lại tối hôm qua mình đã uống nó, ông liền ói mửa ra hết. Ngay đó, ông liền ngộ: “À! Thì ra tâm sanh các pháp sanh”. Lúc ban đêm, ông uống ngon lành, bây giờ chỉ thấy thôi là đã ói. Rõ ràng cũng là nước, ban đêm chưa có tâm phân biệt chỉ thấy có nước là liền uống; sáng ra thấy nước đựng trong cái đầu lâu nhor nhóp, tâm phân biệt khởi nên ông vừa thấy là ói mửa ra. Do tâm sanh mà các pháp sanh, chứ nước chỉ là nước thôi.

Luật sư Độc Thể cùng với chúng tăng ở trên núi Hoa Sơn, bị bắt xuống doanh trại của quân lính. Các tướng trong doanh trại mới tra hỏi và sau đó được tha trở về. Sư cùng với chúng trở về, đến lưng chừng núi thì trời đã tối. Trong mấy ngày bị bắt tra hỏi, không được ăn uống gì hết nên ai cũng mệt lả và khát nước. Chợt thấy một vũng nước nhỏ, mỗi người mừng rỡ lấy uống cho đỡ khát. Sáng dậy thấy là một vũng nước dơ của những con trâu nằm quây, ai nhìn thấy cũng không dám uống. Ban đêm mỗi người uống ngon lành, vì lúc đó tâm chưa phân biệt. Sáng ra nhìn thấy sanh tâm phân

biệt nên không dám uống nữa. Gọi là pháp từ tâm sanh. Tâm đang khát nước, trời tối thấy nước thì chỉ biết uống thôi, không nghĩ ngợi gì hết. Sáng ra phân biệt nước nhơ nước sạch thành ra ngăn ngại. Như vậy pháp nhơ, pháp sạch đâu có cố định; cũng là nước đó nhưng do tâm sanh, tùy tâm mà sanh nhơ, sanh sạch. Chúng ta luôn kiểm tra lại tâm mình, thấy rõ từng đường đi lối về của tâm để có thể giải quyết nhiều chuyện vướng mắc trong cuộc đời. Tất cả đều do tâm chúng ta sanh ra các pháp, không có pháp nào thật cả, chỉ vì ta mê nên nhìn mọi vật bằng cái nhìn điên đảo, mê lầm để rồi dẫn đến phiền não khổ đau. Phiền não khổ đau này do ai tạo? Do tâm mê của chúng ta tạo ra chứ không phải ai cả.

Có câu chuyện, ông hàng xóm mất một con gà kiếm hoài không ra. Ông nghi ngờ thằng bé hàng xóm gần nhà lấy trộm, vì nó hay qua lại nhà ông. Thế là ông để ý nhìn nó đi qua đi lại, thấy đáng nó đúng là đáng ăn trộm. Ông nghi ngờ đủ thứ hết. Vài ngày sau, ông tìm lại được con gà không phải do thằng bé lấy trộm, mà con gà chạy qua nhà người khác và bị con chó vật chết. Bây giờ ông mới tỉnh ra, mình đã nghi oan cho đứa bé. Ông nhìn lại đứa bé đúng là dễ thương, không có tướng ăn trộm. Ông liền chuyển đổi cái nhìn. Cũng là đứa bé nhưng tâm ông nghi ngờ rồi suy đủ thứ hết, nhìn nó thành ra tướng ăn trộm. Khi tâm hết nghi, thấy đứa bé thật thà dễ thương. Cũng vậy, trong cuộc sống chúng ta có thành kiến với ai rồi, thì nhìn người đó cái gì cũng xấu, đó là tùy tâm sanh. Cho nên, chúng ta hãy quán kỹ lại để thấy được sự lầm lẫn nơi tâm của mình.

Như bình hoa đây, nó đâu tự nói nó là bình hoa, cũng không tự nói nó đẹp hay xấu. Nhưng do tâm người đặt ra đây là bình hoa rồi phân biệt bình hoa thế này thế kia, chứ từ nguyên thủy nó không có tên. Nếu ban đầu con người đặt cái này là cái ly hoa thì bây giờ chúng ta cũng gọi là cái ly hoa, nhưng người xưa đặt tên là bình hoa nên giờ mình cũng gọi là bình hoa. Tên do tự con người đặt ra, chứ tự thân sự vật đâu có đặt ra cái này cái kia. Chính con người tự đặt tên rồi con người chấp vào nó, để thấy đúng ý nghĩa là pháp từ tâm sanh, khi hiểu được rồi chúng ta phải trả lại pháp đúng như thật của nó.

Trong thiền thoại kệ có ba vị thiền sư: ngài Quế Sâm, ngài Trường Khánh, ngài Bảo Phước đi vào trong Châu Thành thấy một đóa hoa mẫu đơn.

Ngài Bảo Phước nói:

“Một đóa hoa mẫu đơn đẹp”.

Ngài Trường Khánh nói:

“Chớ để con mắt sanh hoa”.

Ngài Quế Sâm nói:

“Đáng tiếc một đóa hoa”.

Đây là các Ngài muốn cảnh tỉnh cho người.

Một đóa hoa bình thường, nó không tự nói là nó đẹp hay xấu. Nhưng do tâm người sanh nên nó thành ra có thể này thế kia, đây gọi là đang bình yên mà gây thành sóng gió. Như một thỏi vàng đổi trước một đứa bé thì nó có biết gì đâu, đứa bé một thỏi vàng và một viên kẹo sôcôla cho đứa bé thì nó sẽ lấy viên kẹo mà ăn, thỏi vàng thì đâu ăn được. Đối với đứa bé, thỏi vàng còn thua một viên kẹo nhưng đối với người lớn thì có thể giết nhau. Một thỏi vàng vô tri vô giác nhưng tâm con người ta sanh ra trong đó thành nguy hiểm, rồi chúng ta cho là vàng độc, nhưng với đứa bé nó đâu thấy gì là độc. Tại tâm con người sanh phân biệt nên có quý có phiền, đó gọi là điên đảo. Hiểu được lẽ thật đó, chúng ta mới mở tâm nhìn sáng suốt để ứng dụng tu cho đúng đắn, chín chắn hơn.

Có lần, một vị tăng hỏi Thiền sư Bá Trượng - Hoài Hải:

- Đối với tất cả cảnh, làm sao tâm được như cây đá (không dính mắc)?

Thiền sư Bá Trượng - Hoài Hải đáp:

“Tất cả các pháp vốn chẳng tự nói là không, chẳng tự nói là sắc, chẳng tự nói phải quý, nhơ sạch, cũng không có cái tâm trói buộc người, chỉ tại người hư vọng, tính chấp tạo bao nhiêu cái hiểu, khởi bao nhiêu thứ thấy biết, rồi sinh bao nhiêu thứ lo sợ. Cần phải nhận rõ, các pháp không tự sinh, đều do một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có. Biết tâm cùng cảnh không có đến nhau, thì ngay nơi đó là giải thoát, mỗi mỗi pháp ngay nơi đó là lặng lẽ, là đạo tràng”.

Hiểu rõ các pháp tự nó vốn không có sanh tâm trói người, chỉ do người ở trên pháp mà sanh tâm rồi tự trói. Bây giờ chúng ta thấy các pháp là các

pháp thôi, tâm và cảnh không đến với nhau thì ngay đó tự giải thoát. Bình hoa nằm trên bàn này, mắt của chúng ta thì ở trên gương mặt, nó đâu có đến nhau. Như vậy tại sao nó trôi mình?

Cũng như mấy vị tham dục, thân thì ngồi trong nhà nhìn ra ngoài đường thấy cô gái đẹp đi ngang liền nói cô gái đó trôi mình. Sự thật cô gái có hay biết gì đâu! Do tâm người đó khởi nên mới chạy đuổi theo vướng mắc, rồi đổ lỗi cho người ta. Đây Thiền sư dạy tâm và cảnh không có đến nhau, nhận chân được chỗ này là giải thoát. Lẽ thật của các pháp như vậy đó, chúng ta không nên trách nơi pháp mà phải trách ngay tâm của chính mình. Có nhiều vị nói chỗ này khó tu, cảnh kia khó tu rồi tìm lên núi tu. Đó là đổ lỗi cho cảnh, nhưng cảnh đâu có làm mình khó tu. Nếu lên núi vắng vẻ mà tâm chúng ta không an thì ở trên đó cũng bất an như thường.

Thời Phật, có đạo sĩ Uất-đầu-lam-phát tu tiên đắc được Phi Phi Tường Xứ định, có thần thông. Mỗi ngày ông dùng thần thông bay tới cung nhận vua dâng cúng đường. Hôm đó vua đi vắng, dặn công chúa ở trong cung khi Tiên nhân tới phải tiếp đãi, cúng đường cho chu đáo, đừng để sơ suất ông sẽ quở rất nguy hiểm. Mỗi lần ông Uất-đầu-lam-phát tới, vua thường dìu ông lên đài ngồi và cúng đường. Bấy giờ, cô công chúa cũng đỡ Tiên ông lên đài ngồi, nhưng do xúc chạm với cô gái nên tâm dục của ông khởi lên, liền bị mất thần thông. Thọ trai xong, ông không biết làm thế nào để bay về, đành nói với cô công chúa:

- Bấy lâu, ta thường dùng thần thông bay đến rồi về, không có dịp cho dân chúng chiêm bái, nay ta sẽ đi bộ về cho họ chiêm bái.

Nghe có lý, nên cô công chúa cũng đưa ông đi bộ về. Khi trở về núi, ông ngồi thiền bên bờ suối, có tiếng nước suối chảy róc rách, tiếng cá lội chim kêu làm tâm rối loạn, ông nổi sân lên. Ông phát nguyện: “Sau này sẽ làm con chồn bay để ăn hết tụi bay”. Sau đó, ông cố gắng tu và đắc định trở lại, sau ông chết được sanh lên cõi trời Phi Phi Tường Xứ. Đức Phật dùng thiên nhãn thấy ông sống đến hàng tỷ năm, nhưng khi hết kiếp sống trên cõi trời ông sẽ bị đọa làm con chồn bay.

Để thấy trong núi sâu chỉ có cá lội, chim bay cũng làm cho tâm con người bất an. Tâm đã không an thì ở đâu cũng không an, không thể đổ lỗi nơi

pháp, nơi cảnh. Ngài Bá Trượng cũng nói pháp không có tâm trôi buộc người, chỉ tại người hư vọng tính chấp, khởi bao nhiêu thứ hiểu biết rồi yêu sợ thành ra bị vướng hết trong đó. Tùy tâm mà thấy ra cảnh, pháp cũng từ đó sai biệt. Với người tâm thiền tỏ sáng thì nhìn ra cái gì cũng thiền, thấy đâu đâu cũng là Phật pháp. Tâm thanh tịnh nhìn cảnh bình thường cũng thiền, đọc chuyện thường cũng thành thiền.

Như người có tâm thiền đọc bài ca dao “Thằng Bờm có cái quạt mo” cũng thấy chất thiền trong đó:

*Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi năm xôi Bờm cười.*

Thiền ở chỗ nào? Chỉ có cái quạt mo mà Phú ông xin đổi ba bò chín trâu, chim đồi mồi v.v... nhưng Bờm không lấy, đây là Phú ông chỉ gạt thằng Bờm thôi. Nhưng thằng Bờm ngây thơ không nghĩ bị gạt mà nghĩ theo thực tế. Bấy giờ bụng Bờm đang đói mà ba bò chín trâu thì xa vời quá, nên khi Phú ông đổi gói xôi là Bờm chịu liền. Sống ngay thực tế chứ không nghĩ tưởng đâu xa hết, thiền là ở chỗ đó. Cho nên, với tâm thiền thì cái gì cũng thiền, còn tâm thế gian phân biệt thế này thế kia nên không thấy được ý thiền trong đó. Rõ ràng pháp từ tâm sanh, tâm sanh thì các pháp sanh. Tâm là gốc, nếu tâm chuyển thì pháp sẽ chuyển theo.

II. CHUYỂN TÂM, PHÁP LIỀN CHUYỂN.

Trong nhà thiền có câu chuyện “Cô gái xấu xí”: một hôm có vị Thiền sư đi tới bờ sông, thấy một cô gái trẻ bỗng nhảy xuống sông. Thiền sư thấy vậy vội vàng kêu cứu, mỗi người xuống cứu cô gái lên. Khi được cứu sống, cô gái không cảm tạ vị Thiền sư mà còn trách cứ, oán ghét là tại sao không để cô chết.

Vị Thiền sư mới nhẹ nhàng hỏi cô gái:

- Tại sao cô muốn tự tử?

Cô gái nói:

- Tôi quá xấu xí nên mỗi người chế nhạo, phê bình, không ưa tôi, do đó tôi sống không thú vị, chết cho xong.

Ngài nhần nại, nhẹ nhàng chỉ:

- Con người ta sống ở đời là có hai mạng sống. Một là của riêng mình, ích kỷ chỉ nghĩ cho mình thôi. Nhưng mạng sống ích kỷ của cô vừa mới chết rồi. Ngoài ra còn có sinh mạng thứ hai là sống chuyên lo cho người khác, có lòng vị tha, nghĩ tới người khác quên lo cho mình. Hiện tại tôi đã cứu sống cô rồi thì từ đây cô hãy sửa đổi tư tưởng, hành vi của mình. Tùy nơi, tùy lúc mà giúp đỡ, phục vụ cho người. Còn cái sinh mạng ích kỷ thì đã chết rồi, giờ cô hãy sống bằng sinh mạng này đi.

Nghe như vậy, cô thấy cởi mở trong lòng. Từ đó, cô bắt đầu làm nhiều việc thiện, lo cho người khác, cứu giúp người này người kia, đem đến an vui cho nhiều người. Lâu ngày tiếng đồn tốt đẹp về cô, đặt cho cô tên là Hạnh Thiện. Hạnh tốt lành vang khắp xóm làng, mỗi người ai cũng khen ngợi tâm tính của cô, mỗi ngày cô càng rộng mở tươi vui hơn. Tương cô theo đó cũng chuyển đổi, nên ai thấy cũng muốn gần. Cuối cùng, cô sống một cuộc đời tươi vui. Đó là chuyển một cái nhìn mà cuộc đời tươi vui theo, chuyển tâm đen tối thành sáng sủa. Trước cô gái nhìn theo bản ngã ích kỷ, không thoả mãn được nên tìm đến cái chết. Bây giờ chuyển tâm rộng lớn ra quên mình vì mỗi người, sống gần với mỗi người thì tâm tươi sáng mát mẻ hơn, cuộc sống luôn luôn lạc quan. Trước đó, cuộc sống cô gái là bi quan, bây giờ tâm chuyển thì pháp cũng chuyển theo. Cho nên, chúng ta khéo chuyển nơi tâm thì cuộc sống cũng chuyển theo hướng tốt đẹp. Đó là lẽ thật, nhất là học Phật chúng ta thấy điều đó rất rõ ràng.

Có câu chuyện: một hành giả Tây Tạng rút vào trong rừng để tu hạnh viễn ly, tức là hạnh xa lìa. Mục đích của pháp tu này là cắt đứt mọi thứ tư tưởng sai lầm. Những tư tưởng này đã che đậy sự trong sáng của bản tâm, thường gọi là Phật tánh. Do đó, vị tu sĩ này muốn cắt đứt những tư tưởng sai lầm để cho Phật tánh hiển bày.

Vào một buổi sáng, vị tu sĩ mới đi ra khỏi lều và tìm một tảng đá để ngồi thiền định. Trong khi đó ở dưới làng, người em gái đem một bình sữa chua và ít thực phẩm để tiếp cho ông. Cô em gái chờ hoài không thấy thầy về nên đặt bình sữa ở dưới bàn thờ rồi quay về làng. Vị tu sĩ thiền định xong trở về lều thì trời đã tối, không còn nhìn thấy mọi vật được rõ. Về lều, trên bàn thờ chỉ có ngọn đèn tí hon chập chờn, thầy nhìn có một cái gì đó sáng tròn tròn ở dưới bàn thờ mà thầy chưa bao giờ thấy. Trong tâm thầy chợt nghĩ đó là con mắt của ma, ngay đó thầy bỗng thấy hơi sợ. Nhưng định tĩnh lại, thầy nghĩ mọi sắc thể đều là không thật có. Thầy cởi cái túi đeo vai và đập lên con mắt ma ấy. Đồng thời, thầy cũng nhắc nhở mình, kẻ tu hạnh viễn ly là không sợ bất cứ thứ gì ở thế giới này hay thế giới khác. Khi ấy bình sữa bị đập thì sữa văng tung toé mọi nơi, cái sắc trắng của sữa bây giờ phản chiếu với ánh lửa mờ mờ biến ra hàng trăm con mắt ma. Vị tu sĩ bây giờ càng sợ hơn nữa, hoảng quá, thầy đập loạn xạ lên, càng đập thì càng nhiều con mắt ma, dính lên tường, lên cả túi đeo vai của ông. Bây giờ, thầy nhìn đâu cũng thấy con mắt ma. Ngay đó, vị tu sĩ bỗng nhớ lại pháp tu của mình, mình tu pháp tu cắt đứt, nên giờ phải cắt đứt tất cả không sợ gì hết.

Ngay đó, thầy cắt đứt được dòng tư tưởng không nghĩ lung tung, chỉ một chút thôi thầy giống như tách lìa cái tâm thức bị vô minh che phủ. Thầy tỉnh táo sáng suốt trở lại, không còn sợ hãi và nhận ra tay mình dính đầy sữa. Lúc đó thầy tỉnh ngộ và nhận ra không có con mắt ma nào hết. Cái nhìn của vị tu sĩ thay đổi không còn lo sợ, nên thế giới cũng thay đổi theo không còn thấy ma quỷ nữa. Ngay đó, thầy liền cười to, thoải mái.

Đó là bài học chuyển tâm, trong cuộc đời chúng ta cũng giống như vậy. Do mê lầm nên nhìn xung quanh đều có tư tưởng sai lầm, nhìn cái gì cũng ma quỷ, phiền não là do bám chấp vào cái ngã mê lầm. Bây giờ chúng ta cắt đứt hết mọi tư tưởng, trở lại với tâm Phật trong sáng thì chợt tỉnh, không còn ma quỷ. Tâm trong sáng thì nhìn tất cả đều là “Tình với vô tình đồng thành chủng trí”, cho nên người giác ngộ nhìn cỏ cây cũng thấy Phật, đâu có bóng dáng ma quỷ. Lâu lâu có ai mà bị ma quỷ tới khảo thì biết tâm người đó luôn sống trong mộng tưởng. Tâm trong sáng thì không có ma quỷ nào khảo, chúng ta mở được cái nhìn đó thì chuyển đổi cả một cuộc đời.

Tư tưởng sai lầm tạo thành sợ hãi, muốn an ổn thái bình thì chúng ta phải chuyển tâm nhìn đúng cái nhìn sáng suốt. Bao nhiêu sợ hãi, lo buồn, phiền não đều từ tư tưởng sai lầm, từ bản ngã con người mà ra. Giống như một giấc chiêm bao dài, bởi người ta sống là có hai giấc chiêm bao ngắn và chiêm bao dài. Ban đêm là chiêm bao ngắn, ban ngày là chiêm bao dài, đó là giấc chiêm bao thôi. Giấc ngộ trở lại, nhận ra cái ta này không có thật thì cái gì sợ hãi, cái gì lo âu, cái gì là được là mất? Đúng là giấc chiêm bao, nhưng ít ai ngộ được lẽ thật này để sống đúng như pháp. Đó là lý do chúng ta phải học Phật và tu Phật.

Con người khi gặp những cảnh trái nghịch hay sanh tâm thù ghét trách cứ, do không nhận chân được lẽ thật các pháp là do tâm sanh. Vì vậy, chúng ta phải khéo tu để chuyển hóa cái nhìn cho đúng.

Có Thiền sư Tường Sơn, người Nhật Bản. Ngài dạy cách tu sửa đổi tâm theo luật nhân quả. Ngài dạy: *“Đối với việc sửa đổi tâm của con người, tốt nhất là quán luật nhân quả. Ví dụ: Ngay nếu có người ghét ta, ta cũng không nên thù lại họ, mà ta phải phê phán lại chính mình, xem xét lại tại sao vô cớ mà người đó ghét ta? Tức là phải có một nguyên nhân nơi chúng ta và còn có nguyên nhân chưa rõ trong ta”* (từ đời trước hay đời này mà ta chưa nhớ rõ, tìm được nguyên nhân đó thì chúng ta giải quyết mọi việc). Đó là quán theo luật nhân quả để chuyển tâm, chứ không phải người ta ghét mình rồi mình ghét lại người đó.

Đây Ngài dạy phải quán kỹ trở lại. Ví dụ: Ta tốt với họ nhưng họ vẫn ghét ta, tức là phải có nguyên nhân. Nếu đời này ta không có gì thì tất nhiên là đời trước ta cũng tạo oan trái với họ, bây giờ phải trả. Nếu bây giờ ta ghét họ trở lại nữa thì oán kết càng thêm. Đời này kết, đời sau kết, kết hoài bao giờ mới hết.

Ngài dạy: *“Tất cả mọi việc đều là nhân quả, chúng ta không nên dựa vào những thành kiến phán đoán chủ quan của mình (thấy người ta ghét mình thì mình ghét trở lại). Trên tất cả, mọi việc không xảy ra theo thành kiến chủ quan mà theo đúng quy luật tự nhiên. Nếu bạn biết chắc chắn điều này thì tâm bạn trở nên sáng suốt”*. Học Phật là phải mở sáng mắt tuệ, để giúp chúng ta giải quyết được nhiều vấn đề trở nên sáng suốt, lạc quan. Chúng ta hóa giải được thành kiến chủ quan

thì sống được nhẹ nhàng, không phiền trách người này người kia. Phật dạy tất cả con người sống trên thế gian này đều nằm trong luật nhân quả, không có ngẫu nhiên, vô cớ.

III. MỞ CON MẮT BÁT-NHÃ.

Tiến thêm một bước nữa, chúng ta cần khéo mở con mắt Bát-nhã để thấy rõ các pháp không tự sanh, mà đều từ tâm sanh. Bản chất của nó là tánh không, tức là không có tự tánh, cho nên tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt. Chỉ do tâm sanh chứ pháp không có thật thể, không có tính chất cố định của nó, vì vậy không chấp pháp thì không có khổ đau.

Thời Phật, có một vị ngoại đạo đến hỏi Thế Tôn:

- *Hôm qua Ngài thuyết pháp gì?*

Đức Thế Tôn đáp:

- *Thuyết định pháp.*

Vị ngoại đạo hỏi:

- *Còn hôm nay Ngài thuyết pháp gì?*

Đức Thế Tôn đáp:

- *Hôm nay thuyết bát định pháp.*

Vị ngoại đạo hỏi:

- *Hôm qua tại sao Ngài thuyết định pháp, còn hôm nay lại thuyết bát định pháp?*

Thế Tôn đáp:

- *Hôm qua định, hôm nay chẳng định.*

Nếu hôm qua cứ cố định mãi thì sao lại có hôm nay? Do đó, hôm qua nói định pháp, hôm nay nói bát định pháp. Sở dĩ có bát định pháp nên mới có hôm qua, hôm nay và ngày mai. Vì vậy, chúng ta không thể chấp cứng bám chặt vào một chỗ, hôm qua hôm nay mọi thứ đều bát định, không chấp thì tâm sẽ cởi mở nhẹ nhàng. Hôm qua ai nói nặng, chúng ta chấp câu nói đó rồi khổ suốt đời. Bây giờ hôm qua nghe nói nặng, hôm nay là một ngày khác không thêm nhớ thì hết khổ. Đó là mở sáng con mắt Bát-nhã, hé cánh cửa giải thoát mà đi vào.

Như vậy thì các pháp không cố định, pháp phiền não cũng không cố định do pháp từ tâm sanh. Nên nói chuyển mê thành giác, chuyển chúng sanh thành Phật, chuyển phiền não thành

Bồ-đề. Vì tất cả tánh là không; chúng sanh tánh không, mê lầm tánh không, phiền não tánh không nên mới có thể chuyển. Từ đó mở sáng mắt tuệ nhìn cái gì cũng chuyển thành Phật pháp. Khi đi đường thấy chiếc xe hư cũng nhắc chúng ta giác ngộ Phật pháp, vì nó vô thường. Người đời thấy một ngôi nhà mới xây cất khen đẹp quá, hoặc thấy xây nhà cao hơn nhà mình thì cũng hơi đố kỵ. Nhưng người có mắt tuệ thấy xây một ngôi nhà mới cũng nhắc mình giác ngộ, trước kia nhà này là không có, bây giờ lại có, như vậy nó từ không mà thành có nên nó cũng chỉ là tạm có, không thật có cố định. Trước đây là một bãi đất trống không thuộc về ai, bây giờ thuộc về người này cũng chỉ tạm thôi. Mảnh đất này chúng ta làm chủ nhưng mai một biết bao nhiêu người làm chủ, đều là vô ngã. Thấy chim bay trên trời cũng nhắc chúng ta tính ngộ. Chim đậu rồi bay, không có cố định, đâu đâu cũng nhắc chúng ta là Phật pháp.

Ngày thực tế đang học đây: trước khi chúng ta vào, lớp học trống không, giờ ngồi đây học tạo thành một pháp hội. Học xong, hội chúng tan ra thì trả lại căn phòng trống. Pháp hội này cũng là tánh không. Đây là bài kinh Bát-nhã không giải thích bằng văn tự, chữ nghĩa dài dòng, mà chính đó là bài kinh sống. Sống được với tâm kinh này mới thấy Phật pháp thật cao quý.

IV. TÓM KẾT.

“Tâm sanh thì tất cả pháp sanh”. Các pháp có ra do tâm hiện, các pháp không tự đứng riêng tại chỗ, không có thực thể cố định. Tâm mới là gốc của các pháp, tu là chuyển nơi tâm. Chuyển nơi tâm là chuyển trở lại đúng với chánh pháp, không bỏ gốc theo ngọn. Khổ vui, tốt xấu, mê ngộ đều từ nơi chính mình mà ra, muốn chuyển hóa, muốn giải quyết là chuyển ngay nơi tâm.

Thiền sư Bàn Khuê trong thời gian đi hành cước, một hôm đi ngang qua trạm ngựa, lúc đó chân mỏi nên Sư thuê một con ngựa để cỡi. Sư định lên đường thì có một xe hàng quý giá đi tới. Người cho thuê ngựa thấy xe hàng quý giá, còn Sư là một ông thầy rách rưới lang thang, nên chủ tiệm liền đổi ý. Ông lấy con ngựa của Sư lại để cho đoàn xe hàng quý thuê được nhiều tiền hơn. Sư ngồi xuống ở trạm ngựa, vì đi hết nổi.

Người phu trạm thấy vậy mới nói an ủi: **“Thầy có buồn giận không?”**.

Sư trả lời: **“Vì việc lớn mong cầu giác ngộ, tôi đã từ bỏ quê nhà, bỏ hết ước muốn của cha mẹ. Thế mà nay tôi lại bất mãn vì chuyện nhỏ nhặt này, tôi rất hối hận!”**.

Nói xong, Sư đứng dậy bỏ đi. Về sau Sư giác ngộ giáo hóa đại chúng. Sư thường bảo: **“Từ lúc ấy trở đi tôi đã bỏ được gốc giận dữ”**.

Đây là bài học nhắc mỗi người, cơn giận cũng từ tâm mà sanh, và từ tâm mà diệt. Cho nên, chúng ta quyết tâm chuyển hóa cuộc đời thì phải chuyển nơi tâm, chứ không phải từ bên ngoài mà được. Mong tất cả mở được mắt tuệ, không mê các pháp và sống vươn lên trong ánh sáng Bát-nhã rạng ngời.

Dù Chỉ Một Lần

*Xin một lần lặng nghe tiếng thời gian
Rơi tí tách như ngoài hiên mưa nhỏ
Trong vắng sâu ánh sao đêm mờ tỏ
Đời mênh mông.. về lại với riêng mình..*

*Xin một lần thức dậy với bình minh
Nghe gió hát lời Tâm kinh huyền diệu
Chợt nhận ra đời ta chưa từng thiếu
Ngaoanh nghìn xưa.. mòn mỏi bước chân tìm..*

*Xin một lần trò chuyện với con tim
Nghe lòng ngực niệm ân tình sự sống.
Bởi trí óc chưa từng nguôi dục vọng
Đầy con tim mấy độ sắp toi đời!!*

*Xin một lần ra biển lúc chiều rơi
Uống nước biển để .. tâm tình thôi khát?..
Hạnh phúc truy cầu nắm tay cùng ảo giác
Loài người say hoài, đâu phải rượu trần gian..*

*Thử một ngày dừng lại bước gian nan
Nhìn đức Phật mắt Ngài ngân ngấn lệ.
" Sao con lấy khổ làm vui mãi thế? "
Con Phú hào cam phận kiếp hèn nô?*

*Trăm năm rồi.. lá rụng xuống hư vô
Lao lung kiếp đã tròng chi thêm nữa..?
- Ai Tỉnh thức nhìn hoa Chân Lý nở
Dù chỉ một lần, khoảnh khắc hóa thiên thu..*

Như Nhiên - Thích Tánh Tuệ

THÁI ĐỘ PHI THƯỜNG CỦA LÒNG TỪ BI BAO LA

Đức Đạt-lai Lạt-ma

Hoàng Phong chuyển ngữ

Nghĩ đến các cảnh tượng khổ đau mà chúng sinh đang phải gánh chịu là một phương pháp giúp mình thiền định về lòng từ bi. Nếu muốn gia tăng sức mạnh của lòng từ bi ấy lên gấp mười lần hơn thì quý vị nên quán tưởng đến một chúng sinh thật rõ rệt nào đó đang phải gánh chịu những sự đau đớn không sao kham nổi, một con vật đang bị đưa vào lò sát sinh chẳng hạn. Hãy tưởng tượng ra sự sợ hãi trong tâm trí nó trước cảnh huống ấy, đây cũng là một cách giúp quý vị khơi động ước vọng thiết tha trong lòng mình mong sao cho con vật thoát khỏi được cảnh khổ đau đang chờ đợi nó.

Hoặc quý vị cũng có thể quán tưởng đến trường hợp của các chúng sinh khác. Thật vậy, những cảnh khổ đau nhan nhản khắp nơi, chẳng hạn như khi đi xe lửa ở Ấn Độ, thì thế nào quý vị cũng sẽ trông thấy đủ mọi cảnh khổ của súc vật và cả con người. Quý vị nên nghĩ đến các chúng sinh ấy, chúng cũng mong cầu tìm được hạnh phúc như chính chúng ta, thế nhưng về phần chúng thì thật hết sức hiển nhiên là chúng đang phải gánh chịu mọi thứ khổ đau. Hoặc quý vị cũng có thể hình dung trường hợp thú vật bị con người bắt làm những công việc khổ nhọc. Khắp nơi, từ thành phố đến thôn quê, đâu đâu người ta cũng thấy những con bò lang thang mà xã hội Ấn cảm không được giết, chúng bị bỏ quên, không còn ai để ý đến chúng nữa chẳng qua vì chúng đã già và không còn làm việc được nữa. Người ăn mày khắp nơi - kẻ thì mù, người thì điếc, kẻ thì câm hoặc tật nguyền - nếu không phải là ăn mày thì họ cũng là những người thật nghèo khổ. Những người chung quanh họ thay vì nhủ lòng thương và giúp đỡ họ thì lại tìm cách tránh xa hoặc xô đuổi họ, đôi khi còn đánh đập họ nữa. Các cảnh tượng ấy xảy ra hàng ngày ở bất cứ một nhà ga xe lửa nào ở Ấn Độ.

Hoặc quý vị cũng có thể quán tưởng đến bất cứ một cảnh tượng nào khác mà quý vị không thể nào dần lòng được. Đây là cách giúp mình khơi động sức mạnh của lòng từ bi thật rộng lớn mang

tính cách toàn cầu (*chẳng hạn như không phải chỉ biết xót thương dân tộc mình mà còn thương yêu các dân tộc khác và tất cả chúng sinh*).

Sau đó quý vị hãy liên tưởng đến các cấp bậc chúng sinh khác [hơn với chúng ta]: khổ đau có thể là chưa xảy đến với họ trong lúc này, thế nhưng các hành động tiêu cực tồn lưu từ lâu đời nhất định một lúc nào đó sẽ mang lại cho họ các hậu quả mà họ không hề mong đợi, khiến họ phải gánh chịu những cảm nhận khổ đau như trên đây (*ngoài cõi "dục giới" của con người, súc vật, quỷ đói..., còn có các cõi "sắc giới" và "vô sắc giới" của các thiên nhân và thánh nhân. Tất cả súc vật, con người, thánh nhân và thiên nhân đều cảm nhận sự khổ đau một lúc nào đó*).

Người ta thường xem niềm ước vọng tất cả chúng sinh đang đau khổ đều đạt được hạnh phúc là một thứ **tình thương yêu** mang tính cách toàn cầu, và lòng mong cầu tất cả chúng sinh đều được giải thoát khỏi mọi khổ đau là **lòng từ bi**. Có thể luyện tập cùng một lúc cả hai phép thiền định ấy (*tình thương yêu và lòng từ bi*), và đến một lúc nào đó thì các phép luyện tập ấy sẽ mang lại một sự biến cải trong tâm thức mình.

Một thái độ phi thường

Việc luyện tập về tình thương yêu và lòng từ bi không được dừng lại ở cấp bậc tưởng tượng hay ước vọng, mà phải phát huy một sự quyết tâm chân thật giúp mình dần thân thật tích cực vào các công tác làm vui bớt khổ đau của chúng sinh và mang lại hạnh phúc cho họ. Tham gia vào các công tác trong lãnh vực đó chính là bổn phận của một người tu tập. Càng phát huy thật mạnh lòng từ bi thì quý vị cũng sẽ càng cảm thấy mình gắn chặt hơn với nó. Thật ra cũng chỉ vì vô minh mà chúng sinh không hiểu được là phải hành xử như thế nào hầu có thể giúp mình đạt được mục đích ấy mà thôi. [Vì thế] những ai đã phát huy được sự hiểu biết đó tất phải nhận thấy trọng trách của mình là phải giúp các chúng sinh ấy phát huy lòng quyết tâm tạo ra những điều tốt đẹp cho chính mình.

Thể dạng tâm thức đó gọi là **thái độ phi thường** hay **cách hành xử ngoại hạng**. Sức mạnh của lòng từ bi thúc đẩy chúng ta biết nhận lãnh trọng trách của mình, thật ra không thể nào có thể hiện ra với những người tu tập còn yếu kém. Theo các truyền thống tu tập bằng phương pháp truyền

khẩu (thụ giáo trực tiếp giữa một người đệ tử và thầy mình) thì thái độ phi thường đó phải được thực thi dưới hình thức một sự cam kết, tương tự như ký vào một bản giao kèo (cam kết với người thầy mà mình thụ giáo là mình sẽ thực hiện bằng được những lời thệ nguyện của mình).

Mỗi khi quý vị phát động thái độ phi thường đó, thì cũng nên tự hỏi là ngoài lòng can đảm và sự quyết tâm ấy [trong tâm trí mình] thì trên thực tế mình có đủ khả năng mang lại hạnh phúc thật sự cho chúng sinh hay không. Chỉ khi nào quý vị hội đủ khả năng chỉ dẫn cho họ trông thấy con đường đích thật đưa đến sự hiểu biết toàn năng, thì mới mong giúp họ loại bỏ được vô minh (*sự u mê tâm thân*) đang chi phối họ, hầu mang lại cho họ một niềm hạnh phúc lâu bền trong tâm tay của họ. Dù cho quý vị có thể giúp đỡ kẻ khác tạo ra cho mình một niềm an vui tạm thời đi nữa, thì việc thực hiện mục đích tối thượng (*sự giác ngộ*) chỉ có thể trở thành thực tế khi nào chính họ biết tự nhận lấy trọng trách làm tan biến vô minh của chính mình. Đối với chính quý vị thì cũng thế: nếu mong muốn mang lại sự giải thoát cho mình thì trách nhiệm cũng sẽ là trong tay của chính mình.

Nếu không đạt được sự hiểu biết toàn năng thì không thể nào giúp đỡ kẻ khác một cách hữu hiệu được.

Như đã được nói trên đây, quý vị phải biết chỉ dẫn cho con người trông thấy con đường đúng đắn, việc ấy sẽ không thể nào thực hiện được khi quý vị vẫn chưa đạt được cho mình sự hiểu biết (*trí tuệ*). Có nhiều phương tiện giúp mình đạt được sự hiểu biết ấy; một trong số đó là cách phát huy sự hiểu biết trí thức, thế nhưng sự hiểu biết sâu xa nhất (*trí tuệ*) thì chỉ có thể mang lại từ kinh nghiệm (*bằng thiền định và các kinh nghiệm thực tiễn trong cuộc sống*).

Quý vị không được thuyết giảng cho người khác những gì mà đối với mình vẫn còn mờ ám. Hơn nữa quý vị cũng phải đạt được cho mình một trí tuệ hoàn hảo hầu giúp mình nhận định chính xác tính cách hợp thời và thích nghi của những lời giảng huấn ấy và cả khả năng tâm thần của từng người nghe. Không nên thuyết giảng một số các khái niệm quá sâu sắc cho bất cứ ai; các khái niệm ấy chẳng những không mang lại một lợi ích nào mà còn có thể là độc hại cho họ nữa (*một số các khái niệm triết học siêu hình có thể mang lại sự*

hoang mang cho một số người nghe, sự hoang mang đó có thể sẽ được nuôi dưỡng thêm bởi trí tưởng tượng của họ và sẽ trở thành các cảm nhận sai lầm trong tâm trí họ. Đây là chưa nói đến những người thuyết giảng không nắm vững và thấu triệt được các khái niệm mà mình thuyết giảng, trong các trường hợp đó lại càng dễ đưa đến những sự hiểu biết lệch lạc cho người khác. Đây là cách làm phương hại đến Đạo Pháp hơn là quảng bá Đạo Pháp.

Nhằm giúp mình đánh giá khả năng của kẻ khác được đúng đắn hơn, quý vị phải chủ động được tất cả các hình thức tắc nghẽn (*obstruction/bế tắc, chướng ngại*) thật tinh tế ngăn chặn sự hiểu biết (*sự quán triệt, trí tuệ*). Khi còn tại thế chính Đức Phật cũng đã từng nêu lên một bài học về sự kiện này: có một người giàu có muốn được xuất gia, thế nhưng các đệ tử cao thâm, kể cả Xá Lợi Phất (Sariputra), đều nhất loạt cho rằng người này chưa hội đủ tiềm năng đạo hạnh cần thiết để được thụ phong (*làm người tỳ kheo*). Thế nhưng duy nhất chỉ có Đức Phật là nhờ vào sức mạnh của sự hiểu biết toàn năng đã nhận thấy được tiềm năng của người ấy. Vì thế khi quý vị chưa đạt được sự giác ngộ toàn vẹn, thì vẫn sẽ còn tồn lưu bên trong nội tâm mình những sự bế tắc ngăn chặn sự hiểu biết khiến cho việc trợ giúp kẻ khác sẽ không được hoàn hảo.

Quý vị cũng có thể tự nghĩ rằng việc thực hiện các ước vọng của mình và mang lại sự an vui cho chúng sinh tất cả đều là do nơi ý chí của chính mình [vì thế]: "Nào tôi có cần phải tu tập hầu đạt được sự giác ngộ để mà làm gì? Dầu sao đi nữa thì cũng đã sẵn có vô số chư Phật giúp đỡ họ, và họ chỉ cần bước một bước đầu tiên mà thôi".

Tuy nhiên, nếu muốn đạt được sự trợ giúp của một vị hướng dẫn tâm linh (*một vị thầy, một nhà sư*), thì cũng cần phải có những mối dây ràng buộc về nghiệp giữa mình và vị ấy. Chính vì thế nên mỗi vị thầy cũng chỉ có thể mang lại lợi ích cho một vài người nào đó trong số các đệ tử của mình. Nếu muốn hiểu được điều này thì phải tìm đọc bộ kinh "Sự Hoàn Hảo của Trí Tuệ" gồm tám ngàn dòng (*tức là bản kinh Aṣṭasāhasrikā Prajñāpāramitā Sūtra*/"Tiểu phẩm Bát-nhã-ba-la-mật-đa kinh", và cũng là phiên bản đầu tiên của bộ kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa/Prajnaparamita-sutra. Bản kinh này được trước tác vào khoảng thế

kỷ thứ I trước Tây Lịch, và cũng là bản kinh đầu tiên của Đại Thừa Phật giáo. Bắt đầu từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ IV bộ kinh này lại được khai triển và diễn giải thêm, với nhiều phiên bản khác nhau gồm 10.000, 18.000, 25.000 và 100.000 dòng và được gọi chung là Mahāprajñāpāramitā-sutra/Đại phẩm Bát-nhã-ba-la-mật-đa kinh. Trong vòng hai thế kỷ tiếp theo sau đó thì bộ kinh đồ sộ này lại được rút ngắn bớt, trong đó gồm có các kinh như Tâm Kinh, Kinh Kim Cương, v.v.). Kinh này cho biết là mỗi khi chư Phật và các vị Bồ-tát nhận thấy một người đệ tử nào đó có những mối dây ràng buộc về nghiệp mạnh hơn ở một nơi khác, thì thường là khuyên họ hãy nên tìm một người thầy khác phù hợp với trường hợp của mình (đáp ứng với trình độ và khả năng của mình). Vì thế, dù một số người có thể hội đủ khả năng trông thấy được một vị Phật bằng chính mắt mình, thì cũng có thể là sẽ gặt hái được ít kết quả hơn so với trường hợp khi tương giao với chính quý vị, với điều kiện là các mối dây ràng buộc phải sâu xa hơn (giữa quý vị và người đệ tử của mình và chính quý vị cũng phải đạt được sự giác ngộ hoàn hảo). Vì lý do chu kỳ xoay vần của các sự hiện hữu (các kiếp tái sinh) không mang tính cách khởi thủy, nên các mối dây ràng buộc của nghiệp cũng thế (sự hiện hữu và tái sinh xoay vần bất tận, không có một điểm mốc đầu tiên nào cả, do đó nghiệp phát sinh từ những sự hiện hữu đó cũng sẽ xoay vần bất tận với chúng, tức là không có một sự khởi thủy nào cả); ít nhất những gì mà tôi đề cập đến trong trường hợp trên đây là các mối dây ràng buộc thật mạnh của nghiệp phát sinh trong các kiếp sống gần đây hơn (chẳng hạn như trong các kiếp sống trước kiếp sống hiện tại này mình đã từng tu tập, hoặc thực hiện được những điều đạo hạnh, hoặc từng là đệ tử của một vị đại sư, thì các nghiệp ấy sẽ dẫn dắt mình gặp được một vị thầy uyên bác và tận tình với mình trong kiếp sống này. Các mối dây ràng buộc về nghiệp "mới mẻ" ấy phát sinh trong các kiếp sống vừa qua có thể là khác hơn với các nghiệp lâu đời phát sinh từ những kiếp sống thật xa xưa, đưa đến thể dạng con người hoặc một số các phẩm tính cơ bản nào đó của mình trong kiếp sống hiện tại).

Ngay cả trường hợp quý vị thực hiện được thể dạng hiểu biết toàn năng (trí tuệ) đi nữa, thì sự kiện đó cũng không nhất thiết là sẽ mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tất nhiên là nó sẽ mang lại

thật nhiều lợi ích thiết thực đối với một số chúng sinh nào đó mà thôi. Vì thế thật hết sức quan trọng là quý vị phải đạt bằng được sự giác ngộ vẹn toàn [thì mới có thể cứu độ được thật nhiều chúng sinh]. Một số người rất cần đến sự trợ giúp của quý vị trên đường tu tập tâm linh của họ, do đó nhất thiết quý vị phải nhận lãnh trọng trách là phải cố gắng mang lại những điều tốt đẹp cho họ. Sự ý thức đó sẽ phát huy trong tâm thức quý vị một sự tin tưởng thật vững chắc là nếu không đạt được sự hiểu biết toàn năng, thì chẳng những mình sẽ không thể nào đạt được ngay cả các mục đích mà mình tự đưa ra cho mình, huống chi là mang lại sự an lành đích thật cho kẻ khác.

Vài lời ghi chú của người dịch

Bài viết trên đây của Đức Đạt-lai Lạt-ma thật sâu sắc nhưng vô cùng thực tiễn, nêu lên một điều thật then chốt và cũng là bước đầu tiên của một người tu tập trên con đường: đó là lòng từ bi. Lòng từ bi luôn có sẵn trong lòng của mỗi con người, thế nhưng chúng ta lại thường không trông thấy nó - ít ra là một cách rõ rệt - và cũng không hề tìm cách để phát huy nó. "Lòng từ bi" sơ đẳng nhất cũng có thể nhận thấy nơi các loài thú vật tiến hóa như khỉ, voi..., dưới các hình thức tương trợ và lối sống tập thể.

Đối với con người thì lòng từ bi trở nên phức tạp hơn nhiều và thường bị biến dạng hoặc che khuất bởi bản năng và các hình thức sinh hoạt xã hội. Một cách cụ thể, chẳng hạn như khi chúng ta gặp một người bị tai nạn xe cộ, máu me lênh láng, cảnh tượng đó khiến chúng ta kinh hoàng và quay đi chỗ khác: đây là lòng từ bi biến thành sự sợ hãi. Khi trông thấy một miếng thịt thật tươi, nhiều nạc, còn dính máu đỏ ở chợ, thì mình thèm, chỉ muốn được ăn một bữa cơm với một đĩa thịt kho thật ngon: thì đây là lòng từ bi bị che khuất và đè bẹp bởi bản năng. Nơi các bệnh viện thì nhà xác được giấu kín, người chết được len lén đưa ra cửa sau, và trước đây không lâu trong lịch sử, người ta còn kéo nhau đi xem hành quyết được tổ chức công khai: thì đây là lòng từ bi bị che khuất bởi các sự sinh hoạt xã hội và chính trị.

Mục đích trước nhất của một người tu tập là phải làm thế nào để có thể nhìn thấy được lòng từ bi của mình phía sau những sự biến dạng gây ra bởi những thứ xúc cảm lệch lạc, phía sau những phản ứng bản năng sơ đẳng nhất và sau hết là phía

sau những sự sinh hoạt xã hội thiếu suy nghĩ và những lời tuyên truyền chính trị. Một cách cụ thể, chúng ta hãy thử nhìn vào tấm hình dưới đây:

Hầu hết chúng ta có thể sẽ phì cười trước một cảnh tượng thật hết sức khôi hài và trớ trêu, thế nhưng cũng có thể là có những người cảm thấy thương cho con vật bị khai thác đến cùng cực, và đồng thời cũng thương cho cả người chủ của nó vì vô minh mà hành hạ và ngược đãi nó.



Phật giáo gọi thái độ của những người phì cười là một sự "xao lãng", tức là không nhìn thấy được bản chất của sự sống, không ý thức được sự khổ đau của chúng sinh. Trong kinh Pháp Cú Đức Phật ví sự xao lãng đó với "một người chăn bò đếm đàn bò của người khác" (câu 19). Thiếu sự chú tâm và cảnh giác khiến chúng ta không nhìn thấy được bản chất của những gì đang xảy ra chung quanh giúp mình biết trở về với con người đích thật của chính mình hầu giúp mình khám phá ra lòng từ bi ẩn nấp thật sâu kín bên trong con tim của chính mình.

Phật giáo gọi thái độ của những người biết thương xót con vật và người chủ của nó là sự "tỉnh giác", tức là ý thức được bản chất khổ đau của sự sống. Sự ý thức đó sẽ khơi động lòng từ bi sâu kín thường bị che lấp của chúng ta. Thế nhưng từ sự hé lộ đó đưa đến một thái độ phi thường và một cung cách hành xử ngoại hạng mà Đức Đạt-lai Lạt-ma nêu lên trên đây còn là cả một con đường.

Vậy thái độ phi thường và cung cách hành xử ấy là gì?

Cảnh tượng khổ đau của con vật bị khai thác và sự vô ý thức của người chủ nó khiến chúng ta bất nhẫn và sẽ làm bùng lên lòng từ bi trong con tim mình, thế nhưng trên thực tế thì mình không làm được gì cả, không thể chạy đến để giải cứu con vật ra khỏi những sợi dây trói nó vào chiếc xe, cũng không sao có thể thuyết phục được người chủ của nó đừng hành hạ nó. Thế nhưng sự bất lực của mình cũng có thể khiến mình không cảm lòng được, nước mắt tuôn trào. Xúc cảm từ bi thật mạnh đó sẽ giúp mình phát huy một quyết tâm vô song là

phải tu tập hầu có thể giúp đỡ không những con vật và người chủ của nó trước mặt mình, mà thật nhiều những con vật khác và những con người khác. Đây là thái độ phi thường và cung cách hành xử ngoại hạng mà Đức Đạt-lai Lạt-ma đã thực hiện được, và đây cũng là sự khác biệt giữa một cách phì cười thật ngô nghê và hai dòng nước mắt của lòng từ bi bao la, và đó cũng là sự khác biệt giữa vô minh và giác ngộ.

Gạo vẫn là gạo

Một thanh niên thỉnh giáo vị đạo sĩ:

" Sư phụ, có người nói con là thiên tài, cũng có người mắng con là ngốc nghếch, ý kiến của thầy thế nào ạ?"

"Vậy con đánh giá mình thế nào?" – vị đạo sĩ hỏi lại.

Người thanh niên nọ về mặt ngơ ngác.

"Ví dụ một cân gạo, trong mắt người làm bánh thì nó là bánh nướng, trong mắt người nấu rượu thì nó là rượu, trong mắt người ăn xin thì đó là một bữa cơm cứu mạng. Còn gạo thì vẫn là gạo mà thôi."

Đạo sĩ nói đến đây, người thanh niên mới như vỡ ra nhiều điều.

Lời bình: Cách bạn đánh giá bản thân mình có vai trò quyết định đến giá trị của chính bạn.

Bọ cạp và thiên sư

Một vị thiên sư nhìn thấy một con bọ cạp rơi xuống nước, ông quyết định sẽ cứu nó. Ai ngờ vừa chạm vào, thiên sư đã bị con vật cắn vào tay. Thiên sư không vì sợ hãi mà từ bỏ ý định, tiếp tục đưa tay ra vớt con bọ cạp lên nhưng ông vẫn bị tấn công.

Thấy vậy, một người đứng cạnh mới hỏi: *"Nó đã cắn vào tay ông như vậy, sao ông còn cố cứu nó?"*

"Cấp người là thiên tính của bọ cạp còn thiện là thiên tính của tôi. Tôi nào có thể vì thiên tính của nó mà từ bỏ thiên tính của mình." – thiên sư đáp.

Lời bình: Thà chấp nhận thiệt thòi đau khổ chứ không thể dễ dàng thay đổi sự lương thiện trong nội tâm. Đây chính là cái gọi là từ bi bác ái của vị thiên sư.

Bông Hồng Trắng

Trần Văn Lương
(Kính dâng U)

Rằm tháng bảy mưa trời không chấm đất,
Con lên chùa lòng u uất khôn nguôi,
Nhìn ai ai cũng hoa đỏ thắm tươi,
Mà tủi phận gắn lên người hoa trắng.

Sau Phật điện, phòng hương linh tĩnh lặng,
Khói nhang mờ cùng vật nằng nường nhau.
Màu khăn tang che khuất kín niềm đau,
Ngàn ánh mắt từ vách cao buồn bã.

Khung ảnh mẹ giữa hàng trăm ảnh lạ,
Đôi mắt già tựa biển cả đau thương,
Thương cho mình trót giữ nợ tha phương,
Thương con cháu cõi vô thường trôi nổi.

Tiếng mõ gõ đục ngầu theo làn khói,
Giọng kinh buồn như réo gọi hồn xưa,
Nén sứt sùi đang khóc trợn cơn mơ,
Con tiếc nhớ những ngày thơ đã khuất.

Xưa theo mẹ ngày Vu Lan lễ Phật,
Con dại khờ, luôn đánh mất cành hoa,
Đâu biết rằng niềm hạnh phúc bao la,
Được gói trọn trong nụ hoa đỏ thắm.

Cậu mất sớm, mẹ trăm ngàn cay đắng,
Nách năm con, vượt bao dậm sơn khe,
Một đời người chịu mấy bận lìa quê,
Thân cát bụi chưa được về chốn cũ.

Cuộc đời mẹ là chuỗi dài khổn khổ,
Không họ hàng, thân góa bụa long đong.
Tuổi xa trôi, sống nhờ đất lưu vong,
Khi nhắm mắt, cháu con còn thăm thẳm.

Con mơ ước, sao đem dòng máu ấm
Từ tim con nhuộm thắm lại nụ hoa,
Để cho con được thấy lại mẹ già,
Dù chỉ thoáng vài sát na ngắn ngủi.

Nhưng hoa trắng vẫn nguyên màu sấm hối,
Và mẹ hiền vẫn lạc lối nơi đâu,
Con đón đau trước ảnh mẹ gục đầu,
Lòng chua xót chỉ biết cầu biết khấn.

Cài hoa trắng, con đành lòng chấp nhận,
Khoác lên người thân phận kẻ mồ côi.
Mẹ đã đi xa vĩnh viễn thật rồi,
Con mất mẹ, mẹ ơi, con mất mẹ.

Làn khói trắng tỏa lên cao nhè nhẹ,
Kính cầu hồn buồn cắt xé ruột gan,
Ngọn gió lùa thêm buốt giá thân nhang,
Nén cháy dở vun từng hàng nước mắt

Trời tháng bảy, mây mù không xuống đất,
Chôn quê nhà đang lất phất mưa Ngâu,
Riêng mình con thương nhớ mẹ âu sầu,
Cài hoa trắng mà cúi đầu buồn tủi.

Dù nghiệp chướng trải ba ngàn thế giới,
Dù luân hồi trăm vạn lối mang mang,
Nếu kiếp sau phải trở lại trần gian,
Con chỉ muốn mãi được làm con mẹ.

Bởi Mẹ Là Lẽ Sống Của Đời Con!

Con mài miệt theo dòng đời cơm áo
Bấy lâu rồi sống lối đạo làm con
Có thì giờ cho bè bạn, tình son..
Mà quên mất mẹ cũng cần san sẻ.

Ngày hai buổi vẫn đi, về bên mẹ
Nào thấy đâu màu tóc mẹ dần phai
Lá thu rơi.. lòng mẹ có u hoài?
Khi con sống vô tình như chiếc bóng..

Vì dỗi mắt hướng tiền tài, danh vọng
Dệt giấc mơ đời diễm mộng ở tương lai
Con ơ thờ không nhận diện hôm nay
Còn có mẹ giữa đời là hạnh phúc!

Mẹ vẫn sống âm thầm như mọi lúc
Sáng chiều quanh bếp núc với vườn rau.
Nhà quạnh hiu mẹ đứng cạnh giàn bầu..
Con dăm đứa vì đâu... giờ xa vắng!

Ngày tháng vẫn cứ trôi đi thắm lặng
Con quen dần sống ích kỷ, nhỏ nhen
Hững hờ quên câu hiếu đạo thánh hiền
Quên hạnh phúc thiêng liêng còn có Mẹ!

- Đời vạn nẻo nhiều lần con vấp té
Khó khăn tìm nhân thế một bàn tay!
Khi đường trần nhiều thua thiệt, đắng cay
Con bùng ngộ, may mắn thay còn Mẹ!!

Ôi! Có mẹ, mọi điều đều còn có thể..
Một tình thương trời bể của đời con
Nguyện từ nay không để mẹ mỗi mòn
Mẹ yêu kính, con ngàn lần tạ lỗi!

Nay đã đến mùa Vu Lan thắng hội
Con quay về bên nguồn cội yêu thương
Cầu xin cho Cha Mẹ mãi thọ trường
Ai còn mẹ trong mười phương hạnh phúc.

Hoa hồng đỏ nâng niu cài lên ngực
Tạ ơn Người - lẽ sống của đời con!..

Như Nhiên - Thích Tánh Tuệ

Một năm, nhìn lại . . . 2018

Năm nào cũng vậy, khi cầm bút để viết lại những sinh hoạt trong năm của chùa, tôi thấy thời gian như càng lúc càng đi nhanh hơn. Bao đổi thay trong cuộc sống của chúng ta cứ liên tục không ngừng nghỉ. Phải nói năm vừa qua, là một năm mà đạo tràng chúng ta rất may mắn có thêm sự góp mặt thường xuyên hơn của các sư cô Phúc Thịnh, Huệ Trí. Đặc biệt nay lại thêm sự góp mặt của ni cô Thiên Huệ, người đã tận tụy với đạo tràng nhiều năm từ lúc còn là cư sĩ.

Mỗi cuối năm, khi nhìn lại các hoạt động trong năm để rút tỉa những kinh nghiệm, thành thực mà nhận xét thì BTS chúng tôi, dù đã cố gắng hết sức, nhưng đôi khi vì thời giờ eo hẹp nên chắc cũng không tránh khỏi những thiếu sót, không ít thì nhiều cũng khiến chúng tôi áy náy và nguyện sẽ cố gắng hơn, để không phụ lòng tin tưởng của quý vị.

Lịch Mậu Tuất 2018 (Phật Lịch 2562)

Xin tán thán đạo hữu Giác Minh đã hoàn thành tập lịch Mậu Tuất thật đẹp với những hình ảnh anh tự chụp khi gia đình anh viếng thăm các Thiền Tự và chùa chiền bên Nhật Bản. Kỹ thuật ấn loát và màu sắc của lịch năm nay rất hài hòa và tinh xảo. Lịch của chùa Phật Quang rất được yêu chuộng trong cộng đồng, không chỉ vì đẹp, mà còn vì có đầy đủ ngày tháng Âm Lịch cùng những ngày Lễ Tết cổ truyền của Việt Nam ta.

Báo Xuân Hoa Sen Mậu Tuất 2018

Những tuần chót của Tháng 12 cuối năm vừa qua thì mọi người tuy bận rộn với những mua sắm cho những ngày nghỉ lễ cuối năm, nhưng vẫn phải tìm thời gian để viết bài góp phần cho tờ Báo Xuân Hoa Sen hằng năm. Chỉ khi nào các bài đã được Ban Biên Tập chuyển đến nhà in thì lúc đó mới thật sự được thờ phào. Sau cùng thì tờ Hoa Sen 2018 cũng hoàn tất với thật nhiều bài vở phong phú từ những cây viết tài tử của chùa. Ban Trị Sự thật sự tán thán những cố gắng của tất cả anh chị em trong chùa đã thực hiện được tờ Hoa Sen cho bà con có báo Xuân đọc trong những ngày Tết.

Tết Mậu Tuất 2018 (Ngày 16/2/2018 Dương Lịch)

Năm nay ngày Mừng 1 Tết rơi vào ngày Thứ Sáu nên nhiều Phật tử đã xin nghỉ làm để có một 3 ngày week end ăn Tết. Tôi Giao Thừa, thời tiết khá ẩm và không gió tuyết như các ngày Xuân. Phật tử và đồng hương người Việt về chùa đón Giao Thừa và cùng dự Văn Nghệ Tất Niên thật đông. Mai vàng và chậu đào hồng khoe sắc thật đẹp trong chánh điện nên được nhiều người chụp hình kỷ niệm. Không khí trong chùa như ấm lại với những màu sắc rực rỡ trong khói hương trầm của ngày Tết. Đặc biệt phần văn nghệ Tất Niên làm cho không khí trong chùa nhộn nhịp hẳn lên. Các tiết mục ca, vũ do anh chị em Ban Văn Nghệ, các cháu lớp Việt ngữ và các ca sĩ “cây nhà lá vườn” đã cho khán giả những giây phút đón Xuân thoải mái. Trong chánh điện buổi lễ đón giao thừa đã bắt đầu với sự chủ lễ của Thầy trụ trì, cùng các sư cô. Đúng nửa đêm, đoàn múa lân Chùa Phật Quang đã làm không khí chánh điện bùng lên với những điệu nhảy múa thật tượng hình sôi động, mọi người hân hoan bước qua năm Tuất với những lời chúc tụng lạc quan cho cuộc sống.

Đại Lễ Thượng Nguyên (Ngày Rằm Tháng Giêng 2018)

Trong ngày Thượng Nguyên, dư hương ngày Tết vẫn còn phảng phất trong không gian tĩnh lặng của chánh điện. Nhìn từ ngoài cổng, người ta đã thấy các Phật tử đang thắp hương dâng Đức Quán Thế Âm cầu cho gia đình an lạc hạnh phúc. Như thường lệ, sau phần tọa thiền, mọi người đã ngồi chật kín để được nghe Thầy Trụ Trì ban pháp thoại.

Đại Lễ Phật Đản 2018 (Chủ Nhật Ngày 20 Tháng 5/2018)

Đại Lễ Phật Đản đã được long trọng tổ chức với sự chủ lễ của thầy Thông Giải (Thiền Viện Đại Đăng) cùng thầy trụ trì Đăng Nhật, tham dự còn có các Sư Cô. Sau hồi chuông trống Bát Nhã mở đầu cho buổi lễ ngày Khánh Đản là phần pháp thoại do Thầy Thông Giải giảng, kế đến là phần văn nghệ do các Phật tử cùng các cháu trong lớp Việt ngữ Phật Quang trình diễn. Các tiết mục văn nghệ ca múa thật hay và cảm động. Tiếp theo là phần dâng Hoa Kiến Phật, chính điện đã chật cứng Phật tử và đồng hương, mọi người đã hân hoan dâng hoa cúng Phật cùng các em trước phần khai kinh Phật Đản. Buổi lễ đã kết thúc trong hoàn hảo với lễ Tắm Phật của chư Tăng Ni và Phật tử.

Ngoài ra, nhân dịp Thầy Thông Giải qua, chùa cũng đã tổ chức thêm một ngày Tịnh tu vào Thứ Sáu với sự tham dự của rất đông Phật tử, trước là để tham dự ngày Tịnh Tu, sau là có cơ hội nghe thêm 3 thời pháp của Thầy Thông Giải.

Đại Lễ Vu Lan (Ngày 19 Tháng 8/2018)

Đại Lễ Vu Lan đã được tổ chức long trọng và trang nghiêm với sự chứng minh của thầy trụ trì cùng các sư cô. Sau phần giới thiệu và nói lên ý nghĩa ngày lễ Vu Lan, mở đầu chương trình là phần văn nghệ với những bài hát ca tụng ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ thật hay và cảm động. Sau đó phần lễ Bông Hồng Cài Áo, với những bông hoa vải làm thật tỉ mỉ (cảm ơn gia đình anh Tài chị Yến!). Quý Thầy Cô đã hướng dẫn đạo tràng tụng kinh Vu Lan Báo Hiếu trước khi mọi người xuống trai đường dùng cơm trưa. Như thường lệ hằng năm, BTS đã có một số Phật tử xin được phép cúng dường trai tăng để hồi hướng công đức cho Cửu Huyền Thất Tổ.

Tết Trung Thu (Ngày 23 Tháng 9/2018)

Cũng như những năm trước, năm nay Chùa đã mua được một số lồng đèn thật đẹp có gắn bóng đèn điện cho các em, vì vậy việc rước đèn Tháng Tám đã rất an toàn. Hình ảnh các cháu trong trang phục cổ truyền lung linh với những chiếc lồng đèn ngũ sắc thật là đẹp. Ngoài phần múa lân, các cháu thiếu nhi năm nay đã hăng hái thi đua ca hát và áo dài. Buổi văn nghệ đã bắt đầu với các cháu thi hát để được những phần quà nhỏ của Ban Tổ Chức tặng. Tết Trung Thu thật vui, xin cảm ơn các thiện nguyện viên cùng các vị trong Ban Giám Khảo.

Những Sinh Hoạt khác của Chùa

Vào đầu tháng 9, Chùa đã tổ chức một buổi picnic ngoài trời tại Summerside Beach Club với sự tham dự của hơn 50 Phật tử.

Ngoài những sinh hoạt trong chùa, BTS cũng cử đại diện của chùa để tham gia vào các sinh hoạt cộng đồng của người Việt vùng Edmonton, đồng thời tham dự các lễ hội của các hội đoàn bạn.

Năm nay các Phật tử đã bầu lại Ban Trị Sự cho nhiệm kỳ 2018 - 2020. Thay mặt anh chị em trong BTS, tôi xin cảm ơn và ca ngợi tinh thần lợi tha của toàn thể Phật tử đã không quản ngại khó khăn, dấn thân vào những công việc thiện nguyện ở chùa để giúp cho đạo tràng Phật Quang ngày thêm vững mạnh. Nhân dịp này xin cho chúng tôi được bày tỏ lòng biết ơn đến tất cả các Phật tử cùng các cơ sở thương mại đã cúng dường Tam Bảo bằng những tịnh vật, hoặc tịnh tài trong những năm qua.

Trước thềm năm mới, tôi xin kính chúc quý Phật tử cùng toàn thể thân quyến một Mùa Xuân an lành và một năm mới Kỷ Hợi luôn nhiều sức khỏe, thân tâm an lạc, vạn sự viên thành.

Nam Mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni

Quang Trí



Niệm Phật Thế Nào Mới Hợp Với Bản Ý Của Phật?

... tại Việt Nam, trong hàng tăng, tín chẳng những có nhiều người tu theo pháp môn Niệm Phật, mà một vài giáo phái tuy không phải đạo Phật, nhưng họ cũng niệm hồng danh đức giáo chủ ở Tây Phương. Song xét ra, số người niệm Phật tuy nhiều mà kẻ không rõ mục đích của sự trì niệm cũng chẳng ít. Vì vậy sự niệm Phật của họ không hợp với bản ý của đức Thế Tôn. Thử kiểm điểm lại, ta sẽ thấy:

* Có những vị đi chùa thấy người niệm Phật cũng bắt chước niệm theo, hoàn toàn không chủ định. Hành động này tuy cũng gieo căn lành phước đức về sau, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

* Có những vị niệm Phật nguyện cho tiêu tai khỏi nạn, cầu gia đình khỏe mạnh bình yên, việc sinh hoạt càng ngày thêm thanh vượng. Nguyên cầu như thế cũng tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

* Có những vị đời sống gặp nhiều cảnh không vừa ý, sanh nổi u buồn phiền chí, niệm Phật cầu cho mình hiện tại và kiếp sau không còn gặp cảnh ấy nữa, sẽ được xinh đẹp vinh hoa, mọi việc đều thuận lợi như ý. Cầu như thế cố nhiên vẫn tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

* Có những vị cảm thấy cuộc sống trần gian không điều chi hứng thú, dù cho sang giàu quyền thế cũng còn nhiều lo lắng khổ tâm. Họ hy vọng dùng công đức niệm Phật để kiếp sau được sanh lên cõi trời, sống lâu nhàn vui tự tại. Cầu như thế cũng là điều tốt, nhưng không hợp với bản ý của Phật.

* Lại có những vị, nghĩ mình tội chướng đã nhiều, trong một kiếp này dễ gì giải thoát, nên niệm Phật cầu cho kiếp sau chuyển nữ thành nam, xuất gia tu hành, làm bậc cao tăng ngộ đạo. Cầu như thế có thể gọi là xuất cách, nhưng còn thiếu trí huệ và đức tin, cũng không hợp với bản ý của Phật.

* Vậy niệm Phật thế nào mới hợp với bản ý của Phật?

- Đức Thế Tôn thấy rõ pháp hữu vi đều vô thường, tất cả chúng sanh vẫn sẵn đủ đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng do bởi mê bản tâm nên tạo ra nghiệp hoặc, mãi chịu sống chết luân hồi. Dù cho được sanh lên cõi trời, khi hưởng hết phước rồi, cũng bị sa đọa. Vì thế, bản ý của đức Thế Tôn muốn cho chúng sanh do nơi pháp môn Niệm Phật, sớm thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi.

Chư Phật trong nhiều a tăng kỳ kiếp đã từng luân tu phước huệ, nếu kẻ nào xưng niệm hồng danh của Như Lai, sẽ được vô lượng vô biên công đức. Lại, đức A Di Đà Thế Tôn đã lập thệ: Nếu chúng sanh nào niệm danh hiệu của Ngài cầu về Cực Lạc, kẻ ấy khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, chứng lên ngôi bất thối chuyển. Đem công đức vô lượng của sự niệm Phật, mong cầu những phước lợi nhỏ nhen ở cõi người, cõi trời mà không cầu vãng sanh giải thoát có khác chi trẻ thơ đem hạt châu ma ni vô giá đổi lấy viên kẹo để ăn? Như thế thật là phí uổng không xứng đáng chút nào! Lại nguyện lực của Phật rất lớn, người nào nghiệp chướng dù nặng mà chí tâm niệm Phật ngay một đời này cũng được tiếp dẫn vãng sanh. Cầu đời sau làm cao tăng ngộ đạo, là thiếu trí huệ và đức tin, làm sao bảo đảm bằng hiện đời sanh về Tây Phương, thành bậc Bồ Tát ở ngôi bất thối chuyển? Cho nên bản ý của đức Thế Tôn là muốn cho chúng sanh niệm Phật để thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, và sự giải thoát ấy lại có thể thật hiện ngay trong một kiếp.

Nhưng tại sao chúng ta cần phải thoát vòng sống chết luân hồi?

- Đó là vì ở trong nẻo luân hồi chúng ta xác thật đã chịu nhiều nỗi thống khổ lớn lao. Nếu người học Phật mà không để tâm như thật quán sát nỗi thống khổ ấy, thì dù học Phật cũng không được kết quả tốt, bởi không có tâm lo sợ cầu thoát ly. Kinh nói: "Nếu tâm lo sợ khó sanh, tất lòng thành khó phát." Đức Thế Tôn khi xưa thuyết pháp Tứ Diệu Đế cho năm người nhóm ông Kiều Trần Như, trước tiên đã nói về Khổ Đế, vẫn không ngoài ý này. Vậy chúng ta thử y theo thuyết Khổ Đế của đức Phật đã chỉ dạy, mà quán sát nỗi thống khổ của kiếp người. Như thế ta sẽ có được một quan niệm rõ hơn: "Tại sao mình lại cần phải mau thoát vòng luân hồi sanh tử?"

(NIỆM PHẬT THẬP YẾU, HT Thiền Tâm)

Mê và Ngộ

Minh Bảo

Đức Phật Thích Ca vì một đại sự nhân duyên Ngài thị hiện ở cõi ta bà không ngoài mục đích nói lên các hoài bão, cốt làm cho chúng sanh đều được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật của mình hay nói cách khác là nhận ra và hằng sống với tánh giác của chính mình.

Trong thiền tông có câu: *"Mê thì Phật làm chúng sanh, Ngộ thì chúng sanh làm Phật"*.

Thế nào là Mê? Rằng ai cũng có chân tâm Phật tánh nhưng không nhận biết, cứ sống thuận với luật thiên nhiên như vô thường, nhân quả, nghiệp báo; cứ sống theo kiếp chúng sanh vô minh, chịu sanh tử luân hồi, đó là mê.

Thế nào là Ngộ? Tuy vẫn sống cuộc đời chúng sanh nhưng chân tâm Phật tánh luôn sáng tỏ, làm theo lời Phật dạy, không còn lầm lạc trên con đường tu hành, không còn chút nghi ngờ chân lý, thì được coi là Ngộ.

Xin đừng lầm chữ ngộ đạo và chứng đạo. Ngộ đạo là mới hay ra con đường sáng, hiểu biết mục đích tu hành ... nhưng còn phải hạ thủ công phu tu tập, khi nào vô minh tan biến, chân tâm sáng tỏ, lúc đó mới gọi là chứng đạo.

Với tinh thần thiền đốn ngộ, trước khi xoay đầu là mê, mà xoay đầu lại là ngộ. Chỉ một cái xoay đầu thôi, cái ngộ đó ở đâu chạy lại? Trong đó có cái gì thêm bớt đây kia!

Cũng như Đức Phật thành đạo khi sao mai mọc và ngay khi đó liền thành đạo vô thường chánh đẳng chánh giác. Vậy vô thường chánh đẳng chánh giác đó ở đâu chạy lại mau như vậy? Rõ ràng thành quả đó là thành ngay tự tâm giác ngộ thôi, không có ở đâu khác, ngoài tâm lấy gì thành. Nếu ngoài tâm mà có đạo vô thường chánh đẳng chánh giác để thành thì đó là cái vô thường chánh đẳng chánh giác trong sách vở.

Cần phải quay lại ngay tự tâm, đó là:

"Tự tu tự hành, Tự thành Phật đạo".

Lại thêm một tinh thần giác ngộ. Ngài Huệ Hải đến tham vấn Mã tổ hỏi: *"Phật pháp tìm ở đâu?"*

Mã Tổ dạy: *"Kho báu nhà mình không đoái hoài sao cứ đi tìm ở chỗ khác?"*

Huệ Hải chợt tỉnh. Kho báu đó là cái khả năng giác ngộ sẵn có nơi tất cả chúng ta, đó là chân tâm, đó là Phật tánh.

Như Kinh Pháp Hoa có câu chuyện: Chàng cùng tử làm mê. Từ thuở bé bỏ cha là trưởng giả, đi hoang đến xứ người, trải qua thời gian lam lũ làm mướn mà vẫn không đủ ăn, đến khi gặp lại cha, biết mình là con ông trưởng giả, để rồi thọ hưởng gia tài cha để lại, trở thành giàu có.

Cũng như chuyện anh chàng say rượu, được bạn cho viên ngọc, cột trong chéo áo, nhưng không biết mà cứ phải chịu cảnh nghèo đói, đến khi gặp lại bạn, được cho biết có viên ngọc quý, ngay lúc đó trở thành giàu có.

Kinh Pháp Hoa chủ trương đốn ngộ, muốn dạy chúng sanh nên thức tỉnh, đừng mê lầm nữa, đừng say rượu nữa, mà hãy mau nhận ra sự thật, quay về bên trong với tánh Phật sẵn có nơi mình, mà tu tập thì sớm muộn gì cũng sẽ được giác ngộ.

Không biết mình là con ông trưởng giả, không biết mình có viên ngọc quý là Mê. Khi biết sự thật là Ngộ. Từ Mê đến Ngộ chỉ trong chớp mắt, vì vậy gọi là đốn ngộ.

"Tu nhất kiếp, Ngộ nhất thời".

Kinh điển Đại Thừa hay dùng chữ Mê lộ, nghĩa là quên đường. Chúng ta vì quên đường nên đi lạc, đến lúc thức tỉnh biết mình lầm, chỉ quay lại là hết quên ngay. Nên có câu: *"Quay đầu lại là bờ giác"*. Tu hành chỉ đơn giản như vậy, từ Mê đến Ngộ như trở bàn tay.

Nhưng nói thì thấy dễ, làm thì thấy khó, vì sao? Chúng ta nhờ tụng kinh, nghe pháp, thì ngay lúc đó tỉnh biết, nhận ra mình có Phật tánh. Nhưng sau đó lại mê, lại lầm và lại tiếp tục sống cuộc đời chúng sanh, lăn lộn trong sông mê bể khổ.

Do vậy lỗi nơi đâu? Lỗi vì chúng ta không đủ niềm tin rằng mình sẵn có kho báu. Cứ chịu cảnh nghèo khổ, trầm luân sanh tử, mà không chịu quay đầu về với chân tâm Phật tánh.

Kinh Phật thường nói, cái bệnh trầm kha của chúng sanh là công Phật đi tìm Phật, không biết Phật sẵn có mà cứ tìm Phật ở đâu đâu . . .

Câu chuyện Sa Di Cao đến thăm Ngài Việt Sơn.

Ngài Việt Sơn hỏi: "Ông từ đâu đến"

Sa Di Cao đáp: "Con từ Trường An".

Ngài Việt Sơn hỏi: "Trường An ồn náo lắm không?".

Sa Di Cao đáp: " Thừa xứ con an ổn".

Trường An là kinh đô, dĩ nhiên nhiều xe cộ, tiếng động ồ ào, nhưng sao Sa Di Cao đáp là an ổn, vì tâm Sa Di Cao đã an ổn thì ngoại cảnh cũng an theo.

Chúng ta cũng thế, nếu bị ngoại cảnh chi phối, chạy theo lục trần, lục thức, chỉ vì tâm chưa an, chứ nếu tâm đã an thì cảnh giới đều phải lặng, bởi nhất thiết do tâm tạo.

Tổ Đạt Ma dạy Huệ Khả phép an tâm. Ngài bảo mang tâm bất an ta an cho. Huệ khả không tìm thấy tâm ở đâu, nghĩa là vọng tưởng đã diệt, nên được Tổ an chứng. "Ta đã an tâm cho ông rồi".

Chúng ta luôn đau khổ, vì cứ nhận cái lăng xăng bên ngoài, cái suy nghĩ phân biệt của lục căn, lục trần, lục thức chi phối, cho đó là tâm, chứ không biết nó là vọng tưởng. Chính lúc đó chúng ta đang Mê. Khi lìa suy nghĩ phân biệt, lìa lạc, hết chạy theo cái lăng xăng trần cảnh bên ngoài, vì biết nó chỉ là vọng tưởng, thì ngay lúc đó chân tâm hiển lộ, trí huệ chiếu soi, ngay đó liền Ngộ liền Giác.

Kinh Pháp Hoa nhấn mạnh vào chỗ đốn ngộ, đã dạy bài học quý giá, làm chúng ta phấn khởi tự tin. Biết rằng chúng ta là con nhà giàu, chúng ta có ngọc quý, vậy nay chỉ cần tiến bước tu hành, tự thấp được mà đi, thì từ Mê đến Ngộ đã mau, mà từ Ngộ đến giải thoát cũng không xa.

Trước đây có lần hỏi đạo với Thầy Đăng Nhật "Thế nào là giác ngộ giải thoát".

Thầy dạy: "Thấy rõ các pháp không thật là Ngộ, và sống với các pháp mà không dính mắc là Giải Thoát".

Tu

*Tham nhiều tội nhiều
Tham ít tội ít
Không tham không tội*

*Sân nhiều lỗi nhiều
Sân ít lỗi ít
Không Sân không lỗi*

*Si nhiều khổ nhiều
Si ít khổ ít
Không Si không khổ*

*Tu nhiều phước nhiều
Tu ít phước ít
Không Tu không phước*

Minh Bảo

Tri Kiến

*Như Lai tri kiến tức tâm này
Rằng đây tứ đại hoại từng giây
Sắc thân năm ấm đều huyễn cả
Ma Ha Bát Nhã tự tâm này*

Minh Bảo

Là Người Hạnh Phúc

*Hương Dương đẹp tựa mặt trời
Trên đời hạnh phúc là người biết tu.
Cuộc trần thì mãi "lu bu"..
Biết đời như huyễn buông thư nhẹ nhàng....*

*Mùa thu đẹp nhất lá vàng
Bước chân an tịnh giữa ngàn biển thiên.
Như Nai bên suối thật hiền
Như như lòng chẳng phận duyên, buộc ràng..*

*Thanh bình trên khắp nhân gian
Mỉm cười tâm nguyện bình an cho đời.
Trong hồ sen đẹp tuyệt vời
Người hạnh phúc nhất
chính người khéo tu.*

Như Nhiên -Thích Ánh Tuệ

NÀY BẠN, TẾT ĐÃ ĐẾN

c.g. Trương Hưng Quang

Để gọi là có chút đỉnh góp phần vào Tập San Tết của bốn chùa, chúng tôi xin ghi vào đây một ít lời góp phần vào . . .

Nhờ vô thường và theo tuần hoàn của vũ trụ thì cứ có Hạ, Thu, Đông thì phải đến Xuân, thứ tự này đến tự nhiên không mong đợi.

Mùa Xuân về đối với người Việt chúng ta là Tết đến. Có người mong đợi, có người chột nghĩ đến khi gió lạnh, tuyết rơi ngoài trời . . . Ai cũng hân hoan đón Tết, đón Xuân Di Lạc . . .

Tết đến là dịp chúng ta vui Xuân, tưởng nhớ tổ tiên, ông bà cha mẹ, mà còn là dịp để ôn lại tất cả công việc trong một năm, cái nào còn, cái nào mất, cái nào xấu, cái nào tốt, đó là "ôn cố tri tân". Cái nào còn mà tốt chúng ta giữ lại, ngược lại thì buông bỏ đi. Tuy nhiên việc đời đời khi cũng éo le, ngay cái mất đi chúng ta cũng luyến tiếc mãi. . Ngay cả việc đã lựa chọn giữa hai vật, khi chọn xong rồi mà ta còn tiếc đi món đã bỏ ra.

Đối với chúng ta người Việt ly hương, tha phương cầu thực, cầu tự do trong cuộc sống, đã chấp nhận xin lấy nơi đây làm quê hương thứ hai, nhưng mỗi lần Tết đến Xuân về cũng chạnh lòng thương nhớ luyến tiếc việc chúng ta không còn hưởng được mùa Xuân ở quê nhà. Người miền Bắc thì nhớ Hà Nội 36 phố phường, người miền Trung nhớ Huế, nhớ chùa Thiên Mụ, cùng cầu Tráng Tiên, người miền Nam nhớ Saigon, nhớ chợ Bến Thành, dinh Độc Lập.

*Sài gòn vẫn rất dễ thương
Cái tên dù lạ, con đường vẫn quen*
(Sau 1975 Sài gòn đổi tên khác)

Hoặc :

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.*

Chúng ta không còn hưởng sắc đẹp của hoa Mai, hoa Đào, cây nêu, câu đối đỏ . . . còn nhiều thứ lắm. Tết đến là mùa đoàn tụ, mùa sum họp, quay quần bên nhau, nên việc đối xử với nhau cũng rất cởi mở, hơn những ngày khác, nhã nhặn, lễ phép, trên dưới hài hòa (trên kính dưới nhường) như "lạt mềm buộc chặt" và :

Thơ vịnh MỪNG XUÂN KỶ HỢI 2019

c.g. Trương Hưng Quang

MỪNG thay Xuân về chẳng riêng ai
XUÂN đến bình an, phước lộc về
KỶ cương cốt lõi của mọi người
HỢI ơi! Cứ ngủ ăn thế này!
2 (hai) đường đạo đời cùng chung hướng
0 (không) chẳng khác sắc, sắc tức không
1 (một) lòng tinh tấn lo tu học
9 (chín) chữ cù lao phải thực hành

*"Hoa thơm ai chẳng nâng niu
Người khôn ai chẳng kính yêu mọi bề".*

Sau cuộc vui về bên người thân quyến thuộc, bên tách trà nóng, ly rượu nồng, đôi khi ta cũng giựt mình nghĩ lại :

*"Thời gian thấm thoát trôi mau
Xuân xanh mới đỏ, bạc đầu rồi đây".*

Đối với người đời là thế, chúng ta là những người mê và chấp nhận đạo Phật, là Phật tử, mùa xuân Tết đến là mùa Xuân Di Lạc! là dịp để chúng ta soi lại chính mình, học hạnh của Phật và Bồ Tát, nhất là hạnh hoan hỷ của Phật Di Lạc. Ngày Tết cũng như mọi ngày, không bao giờ ganh tỵ, cố chấp, tị hiềm, đố kỵ, phải hoan hỷ khi thấy bạn bè giỏi hơn mình, giàu sang hơn mình, tinh tấn tu hành hơn mình và làm nhiều việc tốt hơn mình . . .

Mọi Phật tử phải đến với nhau bằng lòng thương yêu và hiếu thuận, phải chân thật cùng nhau, khi giao tiếp phải có tinh thần "lá lành đùm lá rách", chị ngã em nâng . . . Đối với người xa lạ, không cùng đạo, không cùng nòi giống, phải cư xử như nhau.

*"Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".*

Chúng ta phải biết rằng, mọi việc xảy ra trong đời này, không phải tình cờ hay ngẫu nhiên, mà phải qua quá trình của nhân quả ba đời, nên chúng ta đừng tự hỏi và trách phiên tha nhân cùng số phận.

*"Mặc cuộc thịnh suy, không sợ hãi
Thịnh suy như cỏ, hạt sương đông".*

Hoặc

*"Duyên đã may có sao lại rủi
Nghĩ mình, mình hại, thêm thương nỗi mình".*

hay là

*"Ta lên ta hỏi ông trời
Trời sanh ta ở trên đời làm chi".*

Xuân về, Tết đến, chúng ta tha phương xứ người, đã mất mát quá nhiều, không được hưởng mùa Xuân Tết đến như quê nhà, nhưng bù lại chúng ta có quá nhiều rất nhiều thứ, nếu cứ còn ở quê hương không bao giờ có được, hưởng được, như tuyết rơi, không khí trong lành, tinh thần thoải mái, tự do suy nghĩ và hành động trong chánh pháp. Thôi thì quá khứ là mộng tưởng, là điều không thể nắm bắt được, chúng ta hãy buông đi. Còn tương lai chưa tới cũng chưa đón bắt được, chỉ có hiện tại mà thôi, chỉ có tại đây và ngay bây giờ. Tâm chúng ta tịnh thì cõi phải tịnh, cõi tịnh bây giờ là nơi chúng ta đang ở (nếu chúng ta có tâm tịnh) trong hiện tại, còn cầu mong gì nữa. Người đời thường hay nói: *"Núi bên kia luôn xanh hơn núi chúng ta đang đứng"*. Đừng mong cầu xa xôi làm chi, đi "mô" rồi cũng trở về nơi đây, nơi tâm tịnh, cõi tịnh. Thôi thì:

*"Tóc xanh giờ đã bạc đầu
Tình xuân một độ, qua cầu gió bay".*

Là Phật tử, chúng ta năng đi chùa, lễ Phật, cầu pháp, sống với ánh sáng từ bi của chư Phật, cùng những lời chỉ dạy của Tăng Ni, thì chắc chắn chúng ta sẽ và đang hóa giải, chuyển hóa mọi thói hư tật xấu thành chân thiện mỹ . . . quý vị, các bạn có đồng tình với chúng tôi không?

Này quý vị, này bạn, Xuân về Tết đến, chúng tôi gom những lời "quê mùa" lại, nhưng với tấm lòng chân thật và cầu lành. Xin nhận nơi đây những lỗi lầm, những ý nghĩ không đồng tình cùng quý vị, quý bạn mà chúng tôi đã nêu ra và xin chỉ bảo cho . . . Thường ngày chúng ta còn tha thứ cho nhau, há gì Xuân về Tết đến? Quý vị có đồng tình không? cầu mong lắm thay.

Xin kính chúc tất cả, một năm mới vạn sự cát tường, vạn duyên thắng ý, và an lành dưới bóng từ bi chư Phật . . .

* * *

Phật ở quán cà phê

Phúc Quỳnh

*Tựa bài viết này không là một ý thơ kiểu cợt thời đại, hay một tư tưởng lạ của mấy triết gia, mà chỉ là một sự thật tôi từng được biết nhân đọc báo mấy năm trước. Trong bài viết tuần qua, nhân nói về một cô gái Việt sống ở Un-alaska, tiểu bang Alaska, tôi có hứa kể bạn nghe chuyện một pho tượng Phật trắng toát đã phiêu lưu từ miền Trung Việt Nam đến tận thành phố Anchorage ở miền bằng giá Alaska. Tượng Phật này được an vị bất đắc dĩ trong một quán cà phê của người Mỹ, và trở thành một **biểu tượng cho sự bình an** đối với bất cứ ai từng ghé quán Side Street Espresso nằm trên đường G Street.*

Tượng Phật ngồi bằng đá cẩm thạch này nặng gần 700 pounds, tức là hơn 310 kí-lô, cao chừng một mét. Sau khi tượng đến quán được một thời gian khá lâu, mùa hè năm 2011, nữ ký giả Julia O'Malley đã viết bài đăng trên báo Anchorage Daily News về pho tượng và người đã mang tượng đến Alaska.

Bà Julia kể rằng vài năm trước đó, ông Suel Jones, một thợ máy về hưu từng làm việc cho hãng dầu BP, đã có cảm tình với một pho tượng Phật được đổ gọt bởi một nghệ nhân ở bên lề đường trên Núi Ngũ Hành Sơn (người Tây Phương gọi là Núi Đá Cẩm Thạch). Ngày ấy ông Suel đã du lịch đến vùng ngoại ô Đà Nẵng.

"Tôi chỉ nhìn pho tượng và biết rằng mình muốn nó hơn những tượng khác nằm quanh đây," ông nói với bà Julia. "Tôi không thể giải thích tại sao tôi thích tượng Phật ấy, có lẽ vì nét mặt, có lẽ vì chất liệu, tôi không thật sự hiểu."

Thế rồi ông nói thêm rằng tượng gợi nhớ một thời quá khứ bất ổn khi ông là một người lính Thủy Quân Lục Chiến trẻ tuổi mới đến Việt Nam. Ông nhớ rõ một ngày nọ khoảng 40 năm trước, khi ông và các đồng đội tiến vào một ngôi làng gọi là Cam Lộ.

"Có một ngôi chùa bị bắn nổ tan tành," ông kể.

Trong ngôi chùa tan hoang ấy, ông thấy một pho tượng Phật ngồi vững vàng, thanh tịnh giữa

những đồ nát của chiến tranh. Điều đó khiến ông nghĩ đến những gì đang xảy ra cho đất nước Việt Nam, cho con người và cho truyền thống từ ngàn xưa của họ.

Tượng Phật cẩm thạch trông quen thuộc với ông vì lẽ ấy.. Có lẽ vì nụ cười của Phật, như là vị Phật mà ông từng thấy lần đầu 40 năm trước nay bỗng trở về với ông. Cựu quân nhân này cảm thấy trong lòng một sự biết ơn mà ông không hề nghĩ mình có trước đây, về sự có mặt của Phật trong đời ông.

Thế là ông Suel đồng ý mua tượng Phật với giá \$500. Ông tốn thêm gấp đôi số tiền để cho người ta chuyên chở tượng đến Alaska. Khi mua tượng thì ông không thật sự biết mình sẽ làm gì với nó. Chắc đặt ở ngoài vườn tại căn cabin của ông ở Glacier View, ông nghĩ vậy.

Căn cabin và cũng là nhà của ông nằm cách xa Anchorage khoảng 100 dặm nằm trên bang lộ Glenn Highway. Khi tượng Phật đến Alaska, ông Suel đã lái một chiếc pickup và chở tượng ở đằng sau trong suốt mấy ngày. Lái xe đến đâu ông cũng gây chú ý. Ai ai cũng tò mò nhìn pho tượng Phật trắng ngà nằm trên xe của ông Suel.. Ở các ngã tư đèn đỏ và ở trạm xăng, người lạ bước đến gần và hỏi ông về pho tượng ấy. Ai cũng thắc mắc, không biết tại sao ông Suel này lại mang Phật đến Alaska.

“Họ không ngần ngại khi bước đến và sờ tượng Phật ở đằng sau xe của tôi,” ông kể.

Ông đã chở Phật xuống phố đến quán cà phê Side Street Espresso, nơi mà ông là một khách hàng quen mặt trong hơn 20 năm.. Ông muốn hai chủ nhân George Gee và Deb Seaton được thấy tượng. Bà Deb cho rằng tượng này nên đặt trong bảo tàng viện.

“Tôi đã xúc động đến muốn khóc,” bà Deb kể với ký giả Julia. “Tượng Phật sao mà đẹp quá.”

Thế rồi ông Suel xét lại, nghĩ rằng tượng Phật này không thể đặt ở một khu vườn hẻo lánh. Trong thời gian gần đây, ông sống nửa năm tại

Glacier View và nửa năm còn lại ở Việt Nam, nơi ông làm việc với các hội cựu chiến binh của người Mỹ. Ông đã lập ra một hội chuyên trợ giúp các cựu chiến binh ở Alaska, bất kể họ trở về từ cuộc chiến nào trên thế giới. Tại Việt Nam thì ông phụ giúp trong công tác tháo gỡ mìn, xây nhà chơi cho trẻ em.

Ban đầu ông nghĩ đến việc bán tượng Phật để gây quỹ cho hội, và dùng tiền để làm thêm việc thiện ở Việt Nam. Cặp chủ nhân George và Deb đề nghị ông để Phật ở trong quán cà phê trong lúc chờ người mua.

Xe cần cầu từng được dùng để đưa tượng Phật lên xe của ông. Giờ đây ông và hai người bạn không có xe cần cầu để mang tượng xuống. Họ vận động thêm vài người bạn đến giúp một tay. Thế nhưng pho tượng nặng 700 cân chỉ có thể được mang từ trên xe xuống mặt đất, không thể nào khiêng vào bên trong quán cà phê. Mọi người nặn óc, đưa ra những sáng kiến. Thế nhưng đề nghị nào

cũng thất bại. Tượng quá nặng so với sức của họ.

Thế rồi đúng lúc mọi người đành bó tay, chưa biết phải di chuyển Phật như thế nào, thì bỗng nhiên có hai ông lái xe mô-tô phóng qua. Ông nào cũng có đôi tay vạm vỡ đầy bắp thịt rắn chắc như cầu thủ chơi football. Hai ông mặc áo da đi xe mô-tô này đã phóng xe qua và rồi vòng xe lại vì muốn quan sát một bức tượng mà họ thấy xuất hiện kỳ lạ ở nơi đây. Khi biết nhóm ông Suel cần khiêng tượng vào trong tiệm, hai ông lái xe mô-tô liền ra tay giúp.

“Hai người này gần như tự họ khiêng Phật vào bên trong, không cần ai giúp,” ông Suel nhớ lại.

Thế là Phật được an vị trong quán cà phê Side Street như vậy. Họ đặt tượng giữa một tủ lạnh và một chiếc bàn với khăn ca-rô phủ bên trên. Hai năm trôi qua.

“Chúng tôi không may mắn trong việc bán tượng,” ông Suel kể. “Giống như là tượng đã quyết định ở lại đây, không muốn đi đâu hết.”



Quán Side Street có rất đông khách lui tới thường xuyên, và hầu như ai cũng cảm thấy thân quen với tượng. Họ thường ve vớt những nếp y trên tượng. Đôi vai của Phật không còn bóng loáng vì có quá nhiều dấu tay sờ bên trên. Thế rồi họ dần dần đặt thêm đèn cây ở cạnh tượng, choàng thêm vòng hoa trên Phật và biến góc nhỏ này thành nơi thờ phượng.

Khi được hỏi ý ông nghĩ sao về việc bức tượng thu hút người ta đến như vậy, ông Suel trả lời, “Có lẽ nước Mỹ chúng ta đang trải qua quá nhiều vấn đề rối rắm.” Ông nhắc đến nền kinh tế lúc ấy không được khá, chính trị bị chia rẽ, và có rất nhiều cựu quân nhân trở về từ hai cuộc chiến mới nhất. Ai cũng tìm cách thấu hiểu những gì đang xảy ra ở chung quanh họ.

“Họ cần bất cứ cái gì có thể cho họ một cảm tưởng bình yên, tĩnh lặng,” ông nhận xét.

Ông chủ George Gee dậy sớm mỗi ngày để vẽ chân dung và viết thực đơn cho món đặc biệt trong ngày trên một tấm bảng nhỏ. Là một họa sĩ, ông thường vẽ khuôn mặt của những nhân vật thời sự trong ngày kèm thêm lời châm biếm hài hước để mua vui thực khách. Chẳng hạn như mới đây ông George vẽ mặt anh chàng Edward Snowden để quảng cáo cho một món nước uống có pha thêm hương vị dừa “coconut,” để ám chỉ hành động đại khờ của anh khi tiết lộ hàng ngàn tài liệu mật của chính phủ Mỹ, để rồi phải trốn chạy qua Hồng Kông và nay bị mắc kẹt ở Nga.

George nói rằng tượng Phật đã trở nên quá thân thuộc với ông trong những lúc ông cần suy nghĩ nhất trong ngày. Ông nói quán cà phê luôn có một nguồn năng lượng riêng của nó, và tượng Phật đã thật phù hợp trong không gian này.

“Tượng hình như đã có sẵn một năng lực huyền bí từ lâu,” ông nói. Lực đó đã khiến những tay anh hùng lái xe mô-tô phải rời xe của họ, và cũng có thể đã khiến một người quyết định đưa pho tượng nặng 700 cân đi nửa vòng trái đất đến đây, ông George nghĩ vậy.

Vào khoảng tháng Sáu năm 2011, những thân chủ của tiệm đã mau chóng truyền tin với nhau

rằng có người đã trả giá mua tượng Phật và sắp mang tượng rời quán cà phê. Họ cảm thấy buồn tiếc khi nghĩ đến việc một ngày kia Phật không còn ngồi ở chỗ quen thuộc trong quán. Thế rồi khoảng hai tuần sau đó, một thân chủ đến uống cà phê như mọi lần. Khi mở bóp lấy tiền trả nước uống, ông cảm ra \$3,000. Ông muốn mua tượng Phật với một điều kiện, ông George kể. Điều kiện duy nhất ấy là Phật phải ở trong tiệm này, không đi đâu hết.

Ông Suel đồng ý. Số tiền bán tượng ấy đã được ông Suel mang đến miền Trung Việt Nam để tiếp tục công tác từ thiện của hội Cựu Chiến Binh Cho Hòa Bình (Veterans for Peace).

“Tôi rất ngạc nhiên, bạn biết chăng,” ông Suel kể. “Nhưng rồi tôi cũng hiểu, tôi thấy rằng ông ấy cũng muốn chia sẻ tượng với mọi người.”

Thế nên giờ đây Phật vẫn còn an vị trong một quán cà phê nằm trên đường G Street ở Anchorage, Alaska, không ngồi trong một ngôi đền hoặc một ngôi chùa nào xa thế gian. Phật ngồi đó, tiếp tục thiền định với ánh mắt từ bi hướng về những người đang thành thoi thường thức một tách cà phê ấm hoặc bận chăm chú xem màn ảnh của điện thoại, với nét mặt đẹp sáng ngời, và với một nụ cười thân thuộc luôn mang đến sự bình yên.



Câu chuyện để suy ngẫm

Có một anh chàng luôn mua báo tại duy nhất một sạp báo. Dù người bán báo luôn giữ bộ mặt lạnh lùng và thiếu thân thiện, anh này luôn lịch sự nói “cảm ơn” với ông ấy.

Một ngày kia, khi một đồng nghiệp anh đã nhìn thấy thế và hỏi: “Ông ta vẫn luôn bán hàng với bộ mặt đó à?”

– “Đúng thế”.

– “Tại sao bạn vẫn đối xử với ông ta lịch sự như vậy?”.

Anh này trả lời: “Tại sao tôi phải để cho ông ta quyết định hành động của tôi chứ?”

TỊNH TU CHÙA PHẬT QUANG

Chánh Quang Trung

Thứ bảy đầu hàng tháng
Phật Quang ngày tịnh tu
Thời gian mười hai giờ
Lòng hân hoan mong đợi
Mong sao cho đến ngày

Hôm ấy đi thật sớm
Đến chùa xe tự đạp
Trước lễ Quan Thế Âm
Vào chùa quá thanh tịnh
Lên chánh điện lễ Phật
Xuống bếp làm ít việc
Xấp bàn để gần bếp
Đầu bếp để đồ nấu
Vớt đậu hũ sẵn sàng
Trái nộm để nghỉ trưa
Chút công việc tạm xong
Đến chánh điện xấp xếp
Tọa cụ kinh kệ sẵn
Thăng hàng cùng ngay lối
Chuông mõ đặt đúng nơi
Nhang đèn chuẩn bị sẵn . . .

Lúc này Phật tử đến
Càng lúc lại càng đông
Đầu bếp chuẩn bị sẵn
Vật liệu theo thứ tự
(Thường thường ngày tịnh tu
Chỉ thọ trai một món).

Đến chín giờ mười lăm
Hành lễ khởi bát đầu
Gồm cả Tăng Ni Chúng
Trong trang nghiêm thanh
tịnh
Trước sám hối sáu căn
Kế đến phần tọa thiền
Tiếp theo là pháp thoại
Sáng, xế chiều cùng tối
Cứ lập lại ba lần
Lại có đi hành thiền
Thầy trả lời câu hỏi
Hỏi trả đều cõi mở
Trong tinh thần tu học
Cho được mười hai giờ

Hồi hướng và chấm dứt . .

Cứ theo lời chỉ dạy
Quả thật đúng chẳng sai
Tịnh tu ngày soi lại
Chính bản thân của mình
Kiểm lại làm đúng sai
Tạo thiện ác thế nào?
Để từ đó ta sửa
Cùng chuyển hóa tự thân
Sao cho ác thành thiện
Xấu thành chân thiện mỹ
Và cũng từ ngày này
Đi tìm được phước đức.

Thầy cứ luôn nhắc nhở
Bỏ thích muốn ưa thêm
Thấy nghe không thắc mắc
Phải bỏ tham sân si
Không chấp vào việc gì
"Buông bỏ" không vướng bận
Tùy duyên thì nó đến
Không tìm kiếm đâu xa
Nó ở tại nơi đây
Và ngay hiện tại này . . .
Bao nhiêu đó quá đủ
Đã vào chánh cửa Thiền
Và công thành đạt đạo . . .

Đạo tràng chùa Phật Quang
Tất cả đều "gạo cội"
(Ở những kỳ tịnh tu)
Riêng mình là "hạt lép"
Nương tựa vào từ lực
Do đại chúng tạo ra
Quyết tâm tấn đi theo
Tuy chậm còn hơn không?
Áu cũng là nghiệp lực!

Tôi gặp thiện tri thức
Tinh tấn lo tu hành
Miệt mài mọi công việc
Hoàn tất thật chu toàn
Đúng "Chân cứng đá mềm"
Nhìn bề ngoài sức kém
Nội lực quá thâm hậu
Hoan hỷ nhìn nhân cách
Tôi quyết tâm theo gương
Để tạo thành người tốt.

Mong các bạn xa gần
Cứ đến chùa tịnh tu
Thì mọi việc tỏ rõ
Đạo Phật là chân thật
Tôi đâu dám nói dối
Phải mang khẩu nghiệp vào
Cùng mang lông đội sừng!
Những ai còn quên đi
Do dự khi tới chùa
Mọi chướng duyên xin bỏ
Kính Phật Tổ gia hộ
Cho người có lỗi lầm
Gặp chướng duyên nặng nề
Cứ đến chùa tịnh tu
Chuyển hóa tốt tất cả
Mọi việc sẽ an lành
Xin đừng do dự nữa

Lời "quê mùa" gom lại
Cùng lòng dạ chí thành
Với đôi lời cùng tỏ
Của kẻ "quê mùa" này.
"Con ghê" của cuộc đời
Bơ vơ cùng tro bụi
Xin ai đó đừng phiền

Trong chùng mực nào đó
Bây chừ ngời tại đây
Mặc dù đời "vô thường"
Nhưng trong có "chân tâm"
Đúng đời là bề khổ
Trong đó có an lành
Ngừng "tâm viên ý mã"
Tốt nhất là đến đạo
Hợp tình nhất : Đạo Phật

Vui thay hòa hợp tu
"Đi mô" cũng uống công
Cứ tu tại chùa này
Kết quả sẽ có ngay . . .

Xin cúi đầu sám hối
Nếu bạn không đồng tình
Càng mong được có bạn
An lành ngày tịnh tu.

Nam Mô A Di Đà . . .